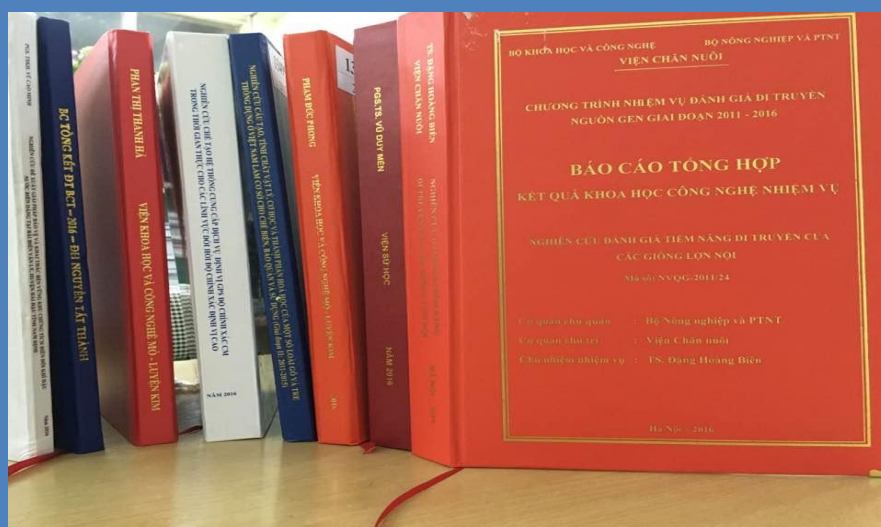


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 9 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 01 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	127

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***.

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ——— ⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
10102. Toán học ứng dụng.....	11
10103. Thống kê	12
10201. Khoa học máy tính	14
10202. Khoa học thông tin	14
10304. Vật lý hạt nhân.....	17
10401. Hoá hữu cơ.....	18
10504. Địa vật lý.....	18
10509. Các khoa học môi trường	19
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước.....	19
10611. Thực vật học	21
10615. Đa dạng sinh học.....	22
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	22
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	24
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị.....	26
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	26
20105. Kỹ thuật thủy lợi	27
20106. Kỹ thuật địa chất công trình	28
20199. Kỹ thuật dân dụng khác.....	28
20201. Kỹ thuật điện và điện tử	29
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	30

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	32
20205. Viễn thông.....	34
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác	34
20303. Chế tạo máy công cụ	35
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp	35
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân.....	36
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)	36
20406. Kỹ thuật hoá dầu	37
20507. Vật liệu xây dựng	37
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)	39
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp	40
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật	41
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)	44
20704. Viễn thám.....	45
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất	45
20707. Kỹ thuật đại dương	47
20708. Kỹ thuật bờ biển.....	47
20799. Kỹ thuật môi trường khác	48
20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)	48
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)	49
21101. Kỹ thuật thực phẩm	50
3. Khoa học y, dược	50
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	52

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,...)	52
30401. Dược lý học	52
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	53
30404. Hoá dược học	53
4. Khoa học nông nghiệp	54
40101. Nông hoá	59
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm	59
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả	60
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	62
40106. Bảo vệ thực vật	64
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	64
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác	65
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi	66
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi	68
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi	68
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác	69
40403. Quản lý và bảo vệ rừng	69
40405. Giống cây rừng	70
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản	70
40503. Bệnh học thủy sản	71
40504. Nuôi trồng thủy sản	71
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản	75
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác	75
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp	76

40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác	76
499. Khoa học nông nghiệp khác	77
5. Khoa học xã hội	79
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	81
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	82
50202. Kinh doanh và quản lý.....	87
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác	95
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....	96
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác	100
50401. Xã hội học nói chung	101
50402. Nhân khẩu học	102
50404. Dân tộc học	103
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội	103
50499. Xã hội học khác.....	106
50501. Luật học	106
50601. Khoa học chính trị.....	110
50602. Hành chính công và quản lý hành chính	112
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	114
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội.....	114
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị	115
50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải.	116
50801. Báo chí.....	117
50803. Khoa học thư viện	118
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội	118

6. Khoa học nhân văn.....	120
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.....	120
60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ.....	120
60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung.....	121
60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam.....	122
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung.....	123
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam.....	123
60301. Triết học.....	124
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	125
60303. Đạo đức học.....	126

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

87710. 09-2023 Nuôi cua (*Scylla paramamosain*) lột trong lồng nhựa tại xã Hàm Rồng và Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau/ Ks. Trương Minh Thuận, Ks. Trương Minh Thuận; Ths. Nguyễn Nghi Lễ; Ks. Lê Văn Tính; Ks. Cao Thái Phương - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thực hiện Dự án Nuôi cua (*Scylla paramamosain*) lột trong lồng nhựa nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng sản phẩm để góp phần giữ vững và phát triển nhãn hiệu tập thể của Năm Căn. Đóng góp để từng bước hoàn thiện tài liệu kỹ thuật nuôi phù hợp theo điều kiện sản xuất thực tế của địa phương, giúp cho người nuôi có điều kiện tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất đạt hiệu quả để phổ biến và nhân rộng. Tập dụng diện tích các ao nuôi tôm kém hiệu quả để đặt lồng nuôi cua, góp phần đa dạng hóa các hình thức nuôi thủy sản, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển nghề nuôi được ổn định.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-005.TH.pdf

88254. 09-2023 Dự án: Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu thông tin thông minh tỉnh Hà Giang/ PSG.TS. Đỗ Anh Tài, PGS. TS. Đinh Hồng Linh; TS. Đỗ Đình Long; TS. Nguyễn Quang Hợp; TS. Nguyễn Thị Thu Thương; TS. Nguyễn Hữu Thu; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Đoàn Mạnh Hồng; ThS. Nguyễn Hải Dương; CN. Hoàng Anh Dũng. - Thái Nguyên - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2022; 10/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng Hệ thống quản lý thông tin thông minh ứng dụng dữ liệu lớn vào công tác quản lý, giám sát thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang, tầm nhìn đến năm 2030. Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về dữ liệu lớn và hệ thống quản lý thông tin thông minh trong công tác thu thập, phân tích và dự báo các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Xác định nhu cầu về các thông tin kinh tế xã hội cần thiết cho việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin thông minh trên cơ sở ứng dụng dữ liệu lớn phục vụ công tác quản lý, giám sát thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của các cấp, các ngành của tỉnh Hà Giang; Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu, chỉ báo để phân tích tình hình kinh tế xã hội phục vụ công tác quản lý, giám sát thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của các cấp, các ngành của tỉnh Hà Giang; Kết nối

các hệ thống cơ sở dữ liệu hiện có của tỉnh, hình thành cơ sở dữ liệu lớn của tỉnh Hà Giang, xây dựng mô hình quản lý thông tin thông minh, giúp lãnh đạo tỉnh theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, phát hiện các vấn đề và có giải pháp quản lý phù hợp; Triển khai việc ứng dụng mô hình quản lý thông tin thông minh trên cơ sở dữ liệu lớn vào phân tích, dự báo và giám sát thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

88306. 09-2023 **Xây dựng hệ thống thông tin quản lý hiện vật tại bảo tàng Đồng Tháp**/ KS. Trần Phước Dur, KS. Trần Phước Dur; KS. Đoàn Nguyễn Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Tấn Hoàng; TS. Lâm Hoài Bảo; TS. Phan Phương Lan - Hội tin học tỉnh Đồng Tháp - Hội tin học tỉnh Đồng Tháp, 2021; 05/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hiện nay, việc thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước được Tỉnh rất quan tâm. Vì thế việc “Xây dựng hệ thống thông tin quản lý hiện vật tại Bảo tàng Đồng Tháp” nhằm phục vụ công tác quản lý lưu trữ thông tin hiện vật, tra cứu dữ liệu, báo cáo thống kê, tổng hợp số liệu, giới thiệu thông tin chi tiết hiện vật cho du khách của Bảo tàng Đồng Tháp là hết sức thiết thực và cần thiết. Hệ thống này sẽ giúp giải quyết nhu cầu quản lý thông tin hồ sơ của hiện vật, phục vụ báo cáo thống kê số liệu, tra cứu dữ liệu, giới

thiệu thông tin chi tiết hiện vật cho du khách. Mục đích phần mềm giúp việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hiện vật, tra cứu thông tin, nâng cao chất lượng báo cáo, thống kê số liệu để từ đó phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý của Bảo tàng Đồng Tháp.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-002

88307. 09-2023 **Xây dựng hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Tháp**/ TS. Lương Thái Học, TS. Lương Thái Ngọc; CN. Nguyễn Hồng Thắng; ThS. Phạm Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thái Bình; CN. Trương Thị Hoàng Oanh - Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp - Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp, 2021; 02/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong thời đại số hóa, hoạt động tin học hóa lĩnh vực hành chính công đã được Tỉnh và Sở rất quan tâm trong thời gian qua. Nhất là hoạt động quản lý Khoa học và Công nghệ tại Sở ban ngành, hoạt động này không thể được thực hiện bằng phương pháp truyền thống. Nhu cầu xây dựng hệ thống thông tin tổng thể đáp ứng việc quản lý, cập nhật, truy xuất thông tin tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ là một nhu cầu tất yếu và thiết thực. Hệ thống này sẽ giúp giải quyết các vấn đề quản lý thông tin hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn Tỉnh một cách đồng bộ, hỗ trợ đầy đủ các quy trình nghiệp vụ trong công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo của các đơn vị trực thuộc

Sở, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin giúp lãnh đạo Sở nắm được tình hình về các hoạt động để có kế hoạch, chủ trương, quyết định chuẩn xác.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-001

88308. 09-2023 **Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động bồi dưỡng chuyên môn theo chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên ở các trường mầm non trên địa bàn huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.**/ Lê Hồng Loan, Ths.Lê Hồng Loan; Cn. Phạm Mạnh Trương; Cn. Võ Thị Nhiếp; Cn. Tô Kim Thi - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Tân - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Tân, 2022; - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận về thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động bồi dưỡng chuyên môn theo chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên ở các trường mầm non.- Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng hoạt động bồi dưỡng chuyên môn theo tiêu chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên ở các trường mầm non, góp phần nâng cao chất lượng cho đội ngũ giáo viên mầm non huyện Phú Tân nói riêng và tỉnh Cà Mau nói chung.Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên ở các trường mầm non huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo chuẩn nghề nghiệp; đồng thời khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp để đề xuất triển khai.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-006

10102. Toán học ứng dụng

87821. 09-2023 **Sóng sóc và xấp xỉ số cho một số hệ các định luật cân bằng dạng phi bảo toàn/** PGS. TS. Mai Đức Thành, TS. Đào Huy Cường; TS. Nguyễn Hữu Hiệp; ThS. Nguyễn Xuân Thanh; ThS. Dương Xuân Vinh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các vấn đề lý thuyết xoay quanh sóng sóc, nhất là sự tồn tại, tính duy nhất, hiện tượng cộng hưởng, sự chuyển pha, sự kết hợp giữa sóc với các sóng cơ sở khác tạo nên nghiệm bài toán Riemann; Nghiên cứu xây dựng các phương pháp tính toán nghiệm xấp xỉ hữu hiệu, có độ chính xác cao cho một số hệ các định luật cân bằng dạng phi bảo toàn. Đề tài có các kết quả nghiên cứu mới về nghiệm bài toán Riemann khi có hiện tượng cộng hưởng, sóng sóc với sự chuyển pha, các phương pháp số mới có độ chính xác cao cho các hệ các định luật cân bằng dạng phi bảo toàn. Điều này rất có ý nghĩa với khoa học trong lĩnh vực chuyên môn và tiềm năng ứng dụng cho các ngành khoa học liên quan và trong kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 22317

87994. 09-2023 **Tính bị chặn và tính co toàn cục của nghiệm đối với hệ phương trình vi phân có chậm phụ thuộc thời gian và ứng dụng/** TS. Lê Trung Hiếu, ThS. Nguyễn Thành Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Thanh Lý; TS. Cao Thanh Tình; ThS. Trần Thế Anh; ThS. Lê Văn

Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Lê Hoàng Anh; CN. Nguyễn Thị Diễm Hằng; CN. Trần Yên Như - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết lập một số điều kiện cho tính bị chặn, tính co toàn cục, ổn định mũ của nghiệm đối với một số lớp hệ phương trình vi phân có chậm phụ thuộc thời gian. Đưa ra một số ví dụ minh họa, mô hình ứng dụng cho các kết quả đạt được về tính bị chặn và tính co toàn cục của nghiệm đối với một số lớp hệ phương trình vi phân có chậm phụ thuộc thời gian.

Số hồ sơ lưu: 22497

10103. Thống kê

87765. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số tại Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Đình Khuyến, ThS. Nguyễn Ngọc Bình; CN. Đào Ngọc Minh Nhung; ThS. Lê Thủy Tiên; ThS. Cao Quang Thành; ThS. Nguyễn Văn Thụy; ThS. Lê Thị Phương; CN. Bùi Thị Thu Phương; CN. Nguyễn Đỗ Hoàng Thao; ThS. Lê Thiên Hinh; CN. Vũ Kim Dung; ThS. Chu Tuyết Mai; CN. Cao Thị Thủy; CN. Nguyễn Thị Phương Nga - Hà Nội - Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng của các chỉ tiêu thống kê có liên quan đến kinh tế số tại Việt Nam; Đề xuất danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số tại Việt Nam; Đề xuất nội dung của các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ

thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số tại Việt Nam; Thử nghiệm tính toán chỉ tiêu “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP”.

Số hồ sơ lưu: 22473

87766. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng chỉ số đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng thông tin thống kê của người sử dụng**/ ThS. Hà Mạnh Hùng, KS. Đỗ Thị Ngát; CN. Hoàng Thị Ngọc Bích; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thái Học; ThS. Nguyễn Khương Duy; ThS. Vũ Quang Hà; ThS. Lê Thị Hiền; ThS. Hoàng Lê Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Nguyễn Thị Liên; CN. Nguyễn Thị Nga - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2021; 05/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về mức độ hài lòng người sử dụng; Xây dựng mô hình đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng thông tin thống kê của người sử dụng; Xác định những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng thông tin thống kê của người sử dụng; Thử nghiệm tính chỉ số đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng thông tin thống kê của người sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 22450

87767. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics**/ CN. Dương Thị Kim Nhung, ThS. Vũ Thị Như Trang; CN. Trần Thị Thùy Linh; ThS. Bùi Bá Nghiêm; CN. Nguyễn Quang Huy; ThS. Đặng Thị Bích Hồng; CN. Tạ Minh Hiền; CN. Nguyễn Thị Thúy Mai; CN. Trần Thị Trang; KS.

Dương Thị Xuân Lâm - Hà Nội - Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các vấn đề về dịch vụ logistics và hệ thống chỉ tiêu thống kê về logistics. Xác định nội dung dịch vụ logistics của Việt Nam. Rà soát và đánh giá thực trạng các chỉ tiêu thống kê liên quan đến logistics hiện có ở Việt Nam. Đề xuất danh mục và nội dung chỉ tiêu thống kê logistics của Việt Nam. Tính toán thử nghiệm chỉ tiêu “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước”.

Số hồ sơ lưu: 22467

87768. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình cập nhật bảng nguồn và sử dụng, bảng cân đối liên ngành hàng năm của Việt Nam/** ThS. Lê Trung Hiếu, CN. Ngô Như Vẻ; ThS. Nguyễn Thị Hậu; TS. Bùi Trinh; ThS. Nguyễn Diệu Huyền; ThS. Nguyễn Việt Phong; ThS. Tăng Thị Thanh Hòa; CN. Vũ Thị Hải Anh; ThS. Nguyễn Thị Huyền; CN. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Hậu; CN. Hà Quang Hải; CN. Nguyễn Phương Anh; CN. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Vũ Trọng Nghĩa; CN. Nguyễn Thị Thu Hường; ThS. Đặng Thị Bích Hồng; CN. Lê Thị Phương; CN. Trần Việt Thúy; CN. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Nghiêm Thị Vân; CN. Đặng Ngọc Tú - Hà Nội - Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cấu trúc, vai trò mô hình bảng nguồn và sử dụng, bảng IO; Xây dựng nguồn thông tin đầu vào phục vụ cho việc hoàn thiện quy trình cập nhật; Xây dựng và hoàn thiện quy trình cập nhật bảng nguồn; quy trình cập nhật bảng sử dụng; quy trình chuyển từ bảng sử dụng giá người mua sang bảng sử dụng theo giá cơ bản và quy trình chuyển từ bảng sử dụng giá cơ bản sang bảng sử dụng nội địa giá cơ bản; Quy trình, phương pháp luận chuyển từ bảng nguồn và sử dụng sang bảng IO; Tính toán và cập nhật bảng SUT năm 2020 theo 88 ngành sản phẩm từ các nguồn thông tin đầu vào; bảng IO năm 2020 theo 88 ngành sản phẩm; Phân tích, so sánh kết quả từ việc biên soạn bảng SUT, bảng IO cập nhật.

Số hồ sơ lưu: 22449

87980. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình lập dàn mẫu quốc gia và hoàn thiện phương pháp biên soạn chỉ số giá sản xuất công nghiệp và dịch vụ theo năm gốc 2020 ở Việt Nam/** TS. Đinh Thị Thúy Phương, ThS. Lê Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Tạ Thị Thu Việt; ThS. Vũ Minh Giang; ThS. Nguyễn Thị Mai Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Vũ Thị Thanh Thúy; CN. Trần Thị Lan; CN. Nguyễn Thị Thư; ThS. Vũ Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thanh Bình; CN. Mai Vinh Quang - Hà Nội - Vụ Thống kê Giá - Tổng cục Thống kê, 2022; 05/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình lập dàn mẫu quốc gia điều tra giá sản xuất công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam; Cơ sở thực tiễn và hoàn thiện phương pháp biên soạn Chỉ số giá sản xuất (PPI) công nghiệp và dịch vụ năm gốc 2020 theo công thức Chained Laspeyres cập nhật quyền số hàng năm; Đề xuất quy trình lập dàn mẫu quốc gia và hoàn thiện phương pháp biên soạn chỉ số giá sản xuất công nghiệp, dịch vụ theo năm gốc 2020 ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22493

10201. Khoa học máy tính

87777. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý tài khoản và xác thực cho các hệ thống thông tin Bộ Tài nguyên và Môi trường/** KS. Bùi Văn Sinh, KS. Nguyễn Huyền Quang; KS. Trần Minh Thắng; KS. Trần Anh Bắc; KS. Nguyễn Hồng Quân; KS. Nguyễn Bá Bình; KS. Nguyễn Đức Minh; KS. Đỗ Văn Vỹ; KS. Thái Duy Hiệp; KS. Bùi Anh Hào - Hà Nội - Trung tâm Cơ sở hạ tầng và Bảo đảm an toàn thông tin, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá về hiện trạng quản lý định danh và xác thực trong Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nghiên cứu các giải pháp quản lý định danh, đề xuất giải pháp quản lý định danh thống nhất đối với các hệ thống thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nghiên cứu giải pháp quản lý tài khoản và xác thực cho các hệ thống thông tin Bộ Tài nguyên và Môi trường. Triển khai thử nghiệm hệ thống quản lý tài khoản và xác

thực cho các hệ thống thông tin tích hợp với hệ thống quản lý định danh.

Số hồ sơ lưu: 22456

10202. Khoa học thông tin

88158. 09-2023 **Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ Bộ Tài nguyên và Môi trường/** ThS. Trần Văn Trung, KS. Bùi Văn Sinh; KS. Nguyễn Huyền Quang; KS. Lê Minh Quang; KS. Nguyễn Hồng Quân; KS. Nguyễn Thành Luân; KS. Trần Anh Bắc; KS. Nguyễn Anh Đào; KS. Trần Thanh Tùng; KS. Nguyễn Lệnh Vượng; KS. Thái Duy Hiệp; KS. Hoàng Bá Khải; KS. Bùi Anh Hào; KS. Nguyễn Đức Trọng - Hà Nội - Trung tâm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, 2023; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát hiện trạng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Tài nguyên và Môi trường; Tin học hóa các quy trình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý về khoa học và công nghệ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, xây dựng Trang thông tin khoa học và công nghệ của Bộ có chức năng như một cổng thông tin khoa học công nghệ của Bộ và xây dựng quy chế quản lý hệ thống; cập nhật, khai thác dữ liệu. Tiến hành chuyển giao công nghệ quản lý, vận hành khai thác hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 21756

88211. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất nâng cao chất lượng quản lý, tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử tại phòng đọc trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông/** CN. Trần Thị Hồng Hạnh, ThS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Phạm Quang Hương; ThS. Nguyễn Minh Thắng; CN. Trần Quỳnh Lan; CN. Trần Thị Nguyệt; CN. Phan Quốc Vinh; CN. Hoàng Thị Phúc; KTV. Đỗ Phương Thúy; CN. Nguyễn Thị Tuyết Mai; CN. Phạm Trung Kiên; CN. Nguyễn Trọng Thắng; CN. Lưu Đức Nghĩa - Hà Nội - Văn phòng Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022; 02/2022 - 12/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý, tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử tại phòng đọc trực tuyến tại Bộ Thông tin và Truyền thông. Xây dựng quy trình khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại phòng đọc trực tuyến tại Bộ Thông tin và Truyền thông. Qua đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý, tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử tại phòng đọc trực tuyến Bộ Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 21708

88569. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành dữ liệu (mở) trong các cơ quan nhà nước/** KS. Trần Duy Hiếu, TS. Cao Minh Thắng; ThS. Đỗ Văn Hạnh; ThS. Hà Đình Dũng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan dữ liệu (mở) và xu thế đánh giá mức độ trưởng thành dữ liệu (mở). Nghiên cứu về các phương pháp đánh giá mức độ trưởng thành dữ liệu. Đồng thời, nghiên cứu tham khảo kinh nghiệm về việc đánh giá mức độ trưởng thành dữ liệu (mở) trong các cơ quan nhà nước. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành dữ liệu (mở) trong các cơ quan nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 21686

88571. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ thuộc lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ/** CN. Kiều Thị Lệ Thu, TS. Trần Đắc Hiến; ThS. Phạm Quang Đông; CN. Tô Thị Thu Hoài; ThS. Phùng Công Định; KS. Tào Hương Lan; KS. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Đức Thọ; ThS. Trần Thị Hải Yến; CN. Trịnh Thị Bích; CN. Đặng Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ. Tìm hiểu thực trạng triển khai dịch vụ sự nghiệp trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ. Nghiên cứu kết quả khảo sát tại một số bộ/ngành và địa phương cũng như tìm hiểu quy trình thực hiện một số dịch vụ công trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ. Từ đó, đề xuất định mức kinh

tế-kỹ thuật một số dịch vụ công trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 21688

88584. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm nền tảng dữ liệu mở theo mô hình dữ liệu đồ thị cho công dữ liệu quốc gia/** PGS. TS. Hoàng Hữu Hạnh, TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Nguyễn Kim Quang; ThS. Phạm Vũ Minh Tú; ThS. Nguyễn Trọng Khánh; TS. Hoàng Bảo Hùng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và phân tích tính liên tác dữ liệu trong xu hướng hiện nay và mô hình dữ liệu đồ thị RDF theo tiêu chuẩn W3C. Đồng thời, nghiên cứu và tìm hiểu việc triển khai mô hình dữ liệu Linked Data và các công cụ hỗ trợ phát triển nền tảng dữ liệu mở dạng đồ thị - Linked Open Data (LOD). Phát triển các công cụ chuyển đổi dữ liệu sang dạng RDF/Linked Data theo tiêu chuẩn W3C, đồng thời cung cấp một nền tảng thử nghiệm cho việc truy xuất thông tin dữ liệu mở LOD trong qua các tập API hoặc SPARQL endpoint ứng dụng cho công dữ liệu quốc gia data.gov.vn.

Số hồ sơ lưu: 21726

88595. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn về IoT/** TS. Nguyễn Chiến Trinh, TS. Phạm Anh Thư; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; TS. Ngô Thị Thu Trang; ThS. Đặng Trần Lê Anh; ThS. Phạm Minh Hiền; TS.

Nguyễn Tài Thu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hiện trạng và nhu cầu chuẩn hóa liên quan đến các đối tượng IoT chuẩn hóa. Tìm hiểu tình hình tiêu chuẩn hoá trên thế giới liên quan đến các đối tượng chuẩn hóa. Đồng thời nghiên cứu các vấn đề về đánh giá và quản lý công nghệ IoT liên quan đến các đối tượng chuẩn hóa. Qua đó, xây dựng các dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về IoT.

Số hồ sơ lưu: 21745

88617. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng bản đồ công nghệ lĩnh vực an toàn thông tin ở Việt Nam/** ThS. Hồ Viết Thắng, TS. Nguyễn Thành Phúc; KS. Bùi Thị Thủy; KS. Từ Phúc Luân; ThS. Vũ Ngọc Hưng; KS. Hà Văn Hiệp; ThS. Phạm Tuấn An; ThS. Hoàng Thị Hồng Thắm; CN. Phạm Phương Mỹ - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về phương pháp luận xây dựng bản đồ công nghệ. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và xu hướng công nghệ của thế giới trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng. Đánh giá hiện trạng công nghệ an toàn thông tin mạng của Việt Nam. Xây dựng bản đồ công nghệ lĩnh vực an toàn thông tin mạng của Việt Nam. Qua đó, đề xuất định hướng nghiên cứu phát triển công nghệ và sản phẩm an toàn thông tin mạng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21781

10304. Vật lý hạt nhân

87775. 09-2023 **Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật hạt nhân và đồng vị để nhận diện nguồn gốc và lịch sử phát sinh ô nhiễm hệ sinh thái vùng ven biển cửa Sông Hồng/** ThS. Bùi Đắc Dũng, ThS. Dương Đức Thắng; CN. Dương Văn Thắng; TS. Vương Thu Bắc; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Đoàn Thúy Hậu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; ThS. Hà Lan Anh; ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Lê Đình Cường; CN. Cao Đức Việt; CN. Nguyễn Văn Khánh; TS. Võ Thị Anh; KS. Vũ Hoài; CN. Lê Thị Hòa; CN. Nguyễn Huyền Trang; KS. Mai Đình Kiên - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2023; 01/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các quy trình, hướng dẫn áp dụng hiệu quả kỹ thuật hạt nhân và đồng vị để xác định tốc độ tích lũy trầm tích, hàm lượng các kim loại nặng, các hợp chất hữu cơ và dinh dưỡng trong trầm tích biển. Nhận diện nguồn gốc và lịch sử phát sinh các hợp chất hữu cơ, dinh dưỡng và kim loại nặng trong môi trường nước và trầm tích trẻ có thể gây ô nhiễm đến hệ sinh thái vùng ven biển cửa Sông Hồng. Hỗ trợ hoạt động của Phòng thí nghiệm hợp tác với IAEA về ứng dụng kỹ thuật hạt nhân và liên quan trong nghiên cứu môi trường.

Số hồ sơ lưu: 22489

88221. 09-2023 **Nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết hàm lực bức xạ và mật độ mức của một số hạt nhân kích thích/** ThS. Lê Tấn

Phúc, PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng; GS.TS. Lê Hồng Khiêm; TS. Trần Việt Nhân Hào; TS. Nguyễn Xuân Hải; TS. Hoàng Anh Tuấn Kiệt; TS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Lê Ngọc Thiêm; CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; TS. Trần Hoài Nam; TS. Hoàng Sỹ Minh Tuấn; ThS. Phan Thị Thùy Giang; ThS. Lê Thị Quỳnh Hương; CN. Nguyễn Kim Uyên; PGS.TS. Phạm Đình Khang; TS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Hồ Hữu Thắng; ThS. Vũ Đức Công - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 03/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mật độ mức và hàm lực bức xạ của một số hạt nhân kích thích sử dụng phản ứng bắt neutron nhiệt tại lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt. Phát triển mô hình lý thuyết mô tả vi mô và đồng thời mật độ mức và hàm lực bức xạ của một loạt các hạt nhân có khối lượng từ nhẹ tới nặng. Đồng thời nghiên cứu ứng dụng các kết quả đo đạc thực nghiệm và tính toán lý thuyết vào nghiên cứu một số vấn đề của thiên văn học. Tiến hành xây dựng một nhóm nghiên cứu về Vật lý hạt nhân mạnh, đạt trình độ quốc tế cao, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực nghiệm tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21700

88610. 09-2023 **Nghiên cứu, đánh giá tác động của độ rỗng trong truyền nhiệt hai pha sử dụng một số dữ liệu thực nghiệm/** ThS. Trần Thanh Trâm, CN. Đào Thị Thu Thủy; ThS. Hoàng Tân Hưng; TS. Dương Thanh Tùng - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Hạt nhân,

2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan các mô hình độ rỗng và các hệ thực nghiệm đo đặc độ rỗng. Đánh giá các mô hình độ rỗng khác nhau dựa vào số liệu thực nghiệm kênh ngang của Haywood. Đồng thời, đánh giá các mô hình độ rỗng khác nhau dựa vào số liệu thực nghiệm kênh đứng của Marcheterre và Cook.

Số hồ sơ lưu: 21767

10401. Hoá hữu cơ

87832. 09-2023 **Nghiên cứu tổng hợp các hợp chất lai trên cơ sở 1H-1,2,3-triazole và một số dị vòng chứa nitơ và oxy** / GS. TS. Nguyễn Đình Thành, TS. Nguyễn Thị Kim Giang; TS. Hoàng Thị Kim Vân; TS. Vũ Ngọc Toán; TS. Đỗ Sơn Hải - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 10/2020 - 10/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa các cầu nối cần thiết, như mạch alkane hay nhóm chức ester, vào các dị vòng 4H-pyran, 4H-chromene và isatin để tạo cơ sở tổng hợp các hợp chất lai có chứa một trong các dị vòng này và hợp phần monosacc-haride (chẳng hạn, D-glucose và/hoặc D-galactose). Sử dụng hoá học click như là công cụ để tạo ra các cầu nối cần thiết để tổng hợp các hợp chất lai chứa dị vòng 1,2,3-triazole với một trong các dị vòng 4H-pyran, 4H-chromene hoặc isatin cùng với hợp phần monosacc-haride (D-glucose và/hoặc D-galactose). Thăm dò hoạt tính sinh học của các hợp chất lai nhận được

đối với một số vi sinh vật kiểm định, hoặc hoạt tính chống oxi hoá. Tính toán mô phỏng docking để tìm kiếm các hoạt chất tiềm năng dùng làm thuốc dựa vào các kết quả thăm dò hoạt tính sinh học nhận được

Số hồ sơ lưu: 22327

10504. Địa vật lý

88202. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình địa chất - vật lý 3D đối cấu trúc chứa than Kiến Xương - Tiền Hải, bể than Sông Hồng**/ TS. Nguyễn Tuấn Trung, ThS. Lê Văn Hưng; PGS.TS. Hoàng Văn Long; CN. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Trường Lưu; ThS. Nguyễn Văn Thu; ThS. Nguyễn Văn Sang; TS. Cao Đình Trọng; ThS. Kiều Huỳnh Phương; ThS. Lại Ngọc Dũng - Hà Nội - Liên đoàn Vật lý địa chất, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý, đánh giá khả năng và điều kiện áp dụng tại khu vực Kiến Xương - Tiền Hải, bể than Sông Hồng. Tổng hợp các tài liệu địa chất và tài liệu địa vật lý tại khu vực Kiến Xương - Tiền Hải, bể than Sông Hồng. Tiến hành xây dựng quy trình mô hình hóa một số đối tượng địa chất dựa trên tài liệu địa vật lý, địa chất và thiết lập mô hình 3D một số đối tượng địa chất đối cấu trúc chứa than Kiến Xương - Tiền Hải, bể than Sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 21665

10509. Các khoa học môi trường

87759. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá mức độ suy thoái của hệ sinh thái đất ngập nước ở Việt Nam/** ThS. Vũ Thị Thanh Nga, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Hoàng Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Trung Thắng; TS. Lại Văn Mạnh; TS. Trần Thị Kim Tĩnh; ThS. Đàm Thị Quỳnh Nga; ThS. Hoàng Thị Hiền; ThS. Vũ Đăng Tiếp; KS. Trần Quý Trung - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 10/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập được cơ sở lý luận và thực tiễn về bộ tiêu chí đánh giá mức độ suy thoái của hệ sinh thái đất ngập nước năng lực thực hiện đánh giá mức độ suy thoái hệ sinh thái ở Việt Nam; Xây dựng bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá mức độ suy thoái của hệ sinh thái đất ngập nước phù hợp với điều kiện Việt Nam; Đề xuất nội dung phục vụ xây dựng Thông tư hướng dẫn đánh giá mức độ suy thoái hệ sinh thái đất ngập nước ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22460

88207. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất, ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ phù hợp trong phòng, chống và giảm thiểu rủi ro lũ quét tại khu vực miền núi phía Bắc/** TS. Vũ Bá Thao, ThS. Trần Văn Quang; GS.TS. Nguyễn Quốc Dũng; TS. Đỗ Hoài Nam; ThS. Đinh Xuân Trọng; ThS. Đinh Văn Thức; ThS. Phạm Văn Minh; ThS. Phan Việt Dũng; TS. Ngô Thị Thanh Hương; TS.

Nguyễn Thái Bình - Hà Nội - Viện Thủy công, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ nguyên nhân hình thành, điều kiện phát sinh, sự vận động, tác hại của lũ quét lũ bùn đá tại một số khu vực trọng điểm, có nguy cơ cao tại khu vực miền núi phía Bắc (khu vực nghiên cứu gồm 07 tỉnh: Sơn La, Lào Cai, Lai châu, Điện Biên, Lào Cai, Bắc Cạn và Hà Giang). Từ đó, đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ công trình và phi công trình phù hợp với đặc thù các vùng thuộc khu vực nghiên cứu nhằm giảm thiểu rủi ro lũ quét lũ bùn đá.

Số hồ sơ lưu: 21684

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

88017. 09-2023 **Nghiên cứu tích hợp các chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất trong phân bổ nguồn nước vùng Nam sông Hậu/** TS. Lê Thị Mai Vân, ThS. Nguyễn Việt Tùng; KS. Đỗ Trường Sinh; TS. Hoàng Văn Hoan; ThS. Phạm Thu Hương; ThS. Phạm Văn Hùng; ThS. Nguyễn Đức Huy; TS. Vũ Anh Tú; TS. Bùi Du Dương; ThS. Trần Đức Thịnh; KS. Vũ Thị Hải Hà; KS. Phạm Bình Thuận - Hà Nội - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, 2022; 01/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về tích hợp các chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất trong quy hoạch phân bổ nguồn nước; Tổng hợp, phân tích các nguồn tài liệu hiện có

để xây dựng tích hợp các chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất trong phân bổ nguồn nước Nam sông Hậu; Điều tra, khảo sát thu thập, bổ sung thông tin, số liệu phục vụ xây dựng tích hợp các chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất trong phân bổ nguồn nước vùng Nam Sông Hậu; Đánh giá tác động của các yếu tố tự nhiên và nhân tạo đến sử dụng bền vững của tài nguyên đất và nước; Xây dựng tích hợp các chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất phục vụ quy hoạch tài nguyên nước; Đánh giá các vấn đề cần giải quyết trong phân bổ nguồn nước Nam sông Hậu; Áp dụng các chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất trong quy hoạch phân bổ nguồn nước Nam sông Hậu; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật tính toán phân bổ nguồn nước từ bộ chỉ số bền vững tích hợp tài nguyên đất và nước.

Số hồ sơ lưu: 22514

88036. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết tối ưu hoá ngẫu nhiên để quy hoạch phân bổ nguồn nước/** TS. Nguyễn Minh Khuyến, ThS. Hoàng Đại Nghĩa; TS. Phạm Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Việt Hồng; ThS. Vũ Thành Nhân; ThS. Nguyễn Đức Nguyên; ThS. Nguyễn Thanh Long; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; ThS. Đoàn Việt Quang; ThS. Nguyễn Thị Sáng - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập bộ chỉ số và phương trình tính toán để lựa chọn phương án quy

hoạch phân bổ nguồn nước bằng lý thuyết tối ưu hoá ngẫu nhiên; Áp dụng thử nghiệm cho lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội. Nghiên cứu và xác lập phương pháp phân bổ tối ưu nguồn nước bằng phương pháp ngẫu nhiên cho các mục đích sử dụng nước; (2) bộ chỉ số đầu vào để tính toán tối ưu hoá phân bổ trên cơ sở số liệu thống kê kinh tế - xã hội, môi trường về dân số, diện tích khu, cụm công nghiệp, số liệu nguồn nước, hiện trạng khai thác sử dụng nước, các quy định về định mức sử dụng nước và các số liệu có liên quan; phương pháp được kiểm chứng thực tiễn phân bổ nguồn nước cho lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng và Vu Gia - Thu Bồn.

Số hồ sơ lưu: 22081

88198. 09-2023 **Đánh giá toàn diện tác động của con người đến thủy văn và môi trường trên hệ thống sông Hồng đoạn chảy qua đồng bằng Bắc Bộ hướng tới mục tiêu phát triển bền vững/** TS. Đỗ Thu Nga, PGS.TS. Trịnh Anh Đức; TS. Lưu Thị Nguyệt Minh; TS. Trần Minh Tiến; TS. Lê Thị Phương Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; KTV. Nguyễn Hữu Long; ThS. Trịnh Hồng Quân - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2023; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tác động của con người đến chế độ thủy văn sông Hồng và các chỉ lưu sử dụng kết hợp số liệu thủy văn (hàng ngày) và đồng vị phân tử nước (hàng tháng) tập trung vào Đồng bằng Bắc Bộ. Tìm hiểu quá trình tích lũy trầm tích/phù

sa và các chất dinh dưỡng tại các hồ chứa thủy điện. Nghiên cứu xây dựng và đánh giá chu trình dinh dưỡng N và C trong Đồng bằng Bắc Bộ nơi có hoạt động canh tác nông nghiệp và đô thị hóa mạnh. Đánh giá sự phân bố, tích lũy và tồn dư của các chất độc hữu cơ khó phân hủy và kim loại nặng trong đất và trầm tích tại Đồng bằng Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 21706

88565. 09-2023 Xây dựng chương trình thực tập đo mẫu và hướng dẫn vận hành thiết bị phân tích laser đồng vị phân tử nước/ ThS. Nguyễn Thị Thơm, ThS. Đàm Thị Thanh Thủy; TS. Trịnh Anh Đức; ThS. Trịnh Hồng Quân; ThS. Nguyễn Nho Lân; CN. Đào Thị Thu Thủy - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Hạt nhân, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát quy chuẩn các thông số an toàn, điều kiện hoạt động rồi ưu của thiết bị, quy trình lấy mẫu, bảo quản mẫu trước khi đo. Thiết kế, xây dựng chương trình thực tập đo mẫu và xử lý số liệu, hệ thiết bị và phần mềm kèm theo. Xây dựng hướng dẫn vận hành hệ thiết bị phân tích đồng vị phân tử nước Picarro L2130i.

Số hồ sơ lưu: 21674

88598. 09-2023 Nghiên cứu nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống giám sát nguồn nước phục vụ cảnh báo sớm cạn kiệt, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Đặng Trần Trung, TS. Nguyễn Thị Hạ; TS. Bùi Du Dương; TS. Thân Văn Đón;

ThS. Hồ Văn Thủy; ThS. Vũ Minh Đức; ThS. Trần Việt Hoàn; KS. Trương Văn Hùng; KS. Trần Minh Đức; ThS. Hoàng Thị Thu Hà; ThS. Lê Thế Trung; ThS. Nguyễn Tất Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Mai Công Thanh; ThS. Bùi Văn Dũng; ThS. Trần Thị Giang; KS. Khúc Thị Ngọc - Hà Nội - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, 2022; 11/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan các vấn đề khoa học và thực tiễn liên quan đến hệ thống giám sát nguồn nước phục vụ cảnh báo sớm cạn kiệt, xâm nhập mặn trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu tổng hợp, phân tích nguồn dữ liệu hiện có phục vụ cảnh báo sớm cạn kiệt, xâm nhập mặn. Xác định điểm quan trắc giám sát nguồn nước phục vụ cảnh báo sớm cạn kiệt, xâm nhập mặn Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng bộ phần mềm tác nghiệp nhằm khai thác hiệu quả hệ thống giám sát nguồn nước phục vụ cảnh báo sớm cạn kiệt, xâm nhập mặn. Đồng thời xây dựng hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ công cụ phục vụ cảnh báo sớm cạn kiệt, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 21748

10611. Thực vật học

87837. 09-2023 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài chi *Rourea* (*Connaraceae*)/ PGS. TS. Đinh Ngọc Thúc, TS. Trịnh Thị Huân; PGS.TS. Ngô Xuân Lương;

PGS.TS. Lê Nguyễn Thành; ThS. Vũ Thị Hà Mai; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; ThS. Nguyễn Thị Hường - Hà Nội - Trường Đại học Hồng Đức, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập và xác định cấu trúc của các hợp chất phân lập được từ một số loài thuộc chi *Rourea*, bao gồm cây Mú từn (*Rourea oligophlebia*), cây Dây lửa Harman (*Rourea harmandiana*) và cây Cơm xôi (*Rourea minor* subsp. *microphylla*), đồng thời đánh giá khả năng chống ung thư và hoạt tính kháng khuẩn của một số hợp chất phân lập được. Chiết tổng các bộ phận (lá, thân cành) của các loài này với dung môi MeOH. Từ cặn chiết tổng chiết phân đoạn với các dung môi n-hexane, EtOAc và MeOH. Đánh giá độc tính của dịch chiết/phân đoạn chiết với một số dòng tế bào ung thư. Phân lập các chất sạch từ các cặn chiết có hoạt tính. Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất phân lập được. Đánh giá hoạt tính sinh học như độc tế bào, kháng khuẩn của các hợp chất phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 22323

10615. Đa dạng sinh học

87817. 09-2023 **Đa dạng chủng loài và Phản ứng với vi khuẩn của tuyến trùng *Caenorhabditis* (*Nematoda: Rhabditidae*) được phân lập từ rừng mưa nhiệt đới (Vườn Quốc gia Cúc Phương và Cát Tiên) của Việt Nam.**/ TS. Lê Thọ Sơn, TS. Đỗ Quang Trung; TS. Bùi Thị Mai Hương; TS. Hà Bích

Hồng; TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2023; 09/2019 - 09/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập, xác định thành phần tuyến trùng *Caenorhabditis* trong lãnh thổ Việt Nam. Phân lập và xác định thành phần vi khuẩn sống cùng với tuyến trùng *Caenorhabditis* được phân lập. Phản ứng với vi khuẩn: đánh giá và so sánh ảnh hưởng của vi khuẩn được phân lập lên hành vi, sinh trưởng và phát triển của những dòng tuyến trùng *Caenorhabditis* được phân lập. Đánh giá và mô tả một số tính chất khác của tuyến trùng phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 22322

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

88320. 09-2023 **Bảo tồn đa dạng sinh học Vườn quốc gia Tràm Chim thích ứng với biến đổi khí hậu**/ TS. Dương Văn Ni, TS. Dương Văn Ni; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Lý Văn Lợi; PGS.TS. Trương Hoàng Đan; PGS.TS. Đặng Minh Quân; TS. Nguyễn Trọng Hồng Phúc; TS. Ngô Xuân Tường; TS. Lưu Thị Thanh Nhân; PGS.TS. Trần Đắc Định; TS. Lâm Hoài Bảo - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2019; 05/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Công tác quản lý đa dạng sinh học ở Tràm Chim do vậy không chỉ giới hạn ở việc thống kê thành phần và độ phong phú của các loài sinh vật mà còn đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc

về điều kiện môi trường đất, nước và mối tương quan giữa phân bố của các loài sinh vật với điều kiện môi trường. Những nghiên cứu cơ bản về đa dạng sinh học do đó sẽ cung cấp thông tin cần thiết cho việc quản lý có hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên và các giá trị di sản thiên nhiên đặc sắc của VQG Tràm Chim. Biến đổi khí hậu đang ngày càng thể hiện rõ rệt những tác động nghiêm trọng đối với hệ sinh vật của VQG Tràm Chim. Trong những năm gần đây các yếu tố khí hậu như nắng nóng, lưu lượng mưa... đã thay đổi đột ngột khó dự đoán và chế độ thủy văn không còn tuân theo những qui luật tự nhiên vốn có của nó, thì công tác quản lý để thỏa được cả ba mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, chống cháy rừng và thu hút đàn Sếu về VQG Tràm Chim đòi hỏi phải có những kế hoạch mới cụ thể và linh hoạt.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-005

88375. 09-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất kem hàn (solder paste) SAC305 phục vụ ngành công nghệ điện tử từ nguyên liệu trong nước/** Lê Văn Kiên, CN. Lê Văn Kiên; KS. Phạm Xuân Hùng; TS. Dương Ngọc Bình; TS. Nguyễn Thị Thảo; TS. Lê Hồng Thắng; TS. Bùi Đức Long; ThS. Nguyễn Minh Đạt; KS. Dương Văn Thịnh; KS. Nguyễn Bá Nam; TS. Vũ Quốc Việt; KS. Bùi Khoa Giáo; KS. Trần Văn Soan; KS. Nguyễn Đ. Quang; KS. Phạm Đình Trường; KS. Đỗ Đình Hảo; Nguyễn Thọ Nhật; Hoàng Văn Luyện; Lê Thanh Thủy; Lê Văn Hải; Trần Văn Bình;

Lê Thái Học; Dương Văn Quý - Thái Nguyên - Công ty TNHH MTV Mỏ và Luyện kim Thái Nguyên, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình sản xuất kem thiếc hàn SAC305 từ nguồn nguyên liệu trong nước; Ứng dụng quy trình để sản xuất được kem thiếc hàn SAC305 từ nguồn nguyên liệu trong nước. Sản phẩm $\geq 10\text{kg}$ kem thiếc hàn SAC305. Nghiên cứu chế tạo chất trợ hàn. Nghiên cứu chế tạo bột hợp kim SAC305. Nghiên cứu công nghệ chế tạo kem thiếc hàn SAC305 từ bột hợp kim hàn và chất trợ hàn. Sản xuất thử nghiệm ít nhất 10 kg kem thiếc hàn. Nghiên cứu đánh giá tính chất của kem thiếc hàn SAC305.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-03

88468. 09-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể điều khắc, mộc Mỹ Xuyên tại làng nghề mộc Mỹ Xuyên, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền/** CN. Trịnh Đức Hiệp, ThS. Lê Ngọc Quỳnh Trang; CN. Hoàng Bá Nghiễm; CN. Hồ Quốc Hải; CN. Hồ Lê Thủy Dương; CĐ. Trần Phương; Ông. Lê Văn Trực - Thừa Thiên Huế - Phòng Kinh tế và Hạ Tầng huyện Phong Điền, 2023; - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định được nét đặc trưng của điều khắc, mộc Mỹ Xuyên. Đánh giá hiện trạng tình hình sản xuất và kinh doanh điều khắc, mộc Mỹ Xuyên tại làng nghề Mộc Mỹ Xuyên, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền. Tạo lập và bảo hộ được nhãn hiệu tập thể “Điều khắc, mộc Mỹ Xuyên” cho sản phẩm

điều khắc, mộc Mỹ Xuyên. Hệ thống tổ chức, công cụ, phương tiện, điều kiện để quản lý, khai thác và phát triển nhân hiệu tập thể điều khắc, mộc Mỹ Xuyên được triển khai và vận hành trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: 213/KQNC

20102. Kỹ thuật xây dựng

87776. 09-2023 **Nghiên cứu chế tạo sơn silicat chịu nhiệt cao trên nền chất tạo màng polymer vô cơ/** TS. Lê Mạnh Cường, TS. Bùi Thị Thanh Huyền; TS. Đỗ Thị Thanh Hà; TS. Lê Thu Hương; ThS. Trần Thị Minh Nguyệt; ThS. Lê Hà Nhật; TS. Tống Tôn Kiên; ThS. Bùi Xuân Khánh; ThS. Đặng Văn Đam; KS. Vũ Thị Bình Minh - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo sơn silicat chịu được nhiệt độ cao, chịu mặn, chịu ăn mòn axit trên nền chất tạo màng polymer vô cơ từ nguyên liệu sẵn có ở Việt Nam. Sử dụng nguyên liệu sẵn có và sơn thành phẩm có giá thành rẻ, có thể cạnh tranh trực tiếp với các công trình sơn ngoại thất.

Số hồ sơ lưu: 22477

87783. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng/** PGS. TS. Phạm Minh Hà, ThS. Phan Vũ Anh; KS. Đinh Xuân Quảng; PGS.TS. Phạm Phú Tình; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Vũ Hoàng Hiệp; PGS.TS. Vũ Quốc Anh; TS. Vũ Thành Trung; PGS.TS. Nguyễn Trường Thắng;

ThS. Vũ Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Võ Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Việt Sơn; TS. Lê Trường Giang; ThS. Nguyễn Minh Châu; KS. Đỗ Việt Hà; ThS. Nguyễn Thế Anh; KS. Đỗ Hữu Bằng; TS. Trần Thanh Tùng; TS. Nguyễn Hồng Hà; TS. Phạm Ngọc Hiếu; ThS. Vũ Quang Duân - Hà Nội - Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, 2023; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tham khảo các quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn đánh giá an toàn công trình của các tổ chức, quốc gia trên thế giới và của Việt Nam; Đề xuất và xây dựng quy trình đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng phù hợp với điều kiện thực tế và pháp luật về xây dựng hiện hành của Việt Nam; Áp dụng thí điểm quy trình đánh giá an toàn đối với một số công trình trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 22476

87983. 09-2023 **Biên soạn TCVN khảo sát Địa kỹ thuật trong xây dựng/** PGS. TS. Đoàn Thế Tường, TS. Nguyễn Hồng Sinh; TS. Nguyễn Giang Nam; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 07/2014 - 07/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo một tiêu chuẩn khảo sát địa chất công trình phục vụ xây dựng bao gồm đầy đủ các yêu cầu khảo sát cho các dạng đất khác nhau, các dạng đất đặc biệt. Tiêu chuẩn cơ sở phục vụ biên soạn là tiêu chuẩn Nga Khảo sát địa chất công trình (ĐCCT) phục vụ xây

dựng (СП 11-105- 97 ИНЖЕНЕРНО-ГЕОЛОГИЧЕСКИЕ ИЗЫСКАНИЯ ДЛЯ СТРОИТЕЛЬСТВА). Tiêu chuẩn này có nội dung gắn liền với các đặc điểm tự nhiên, công trình xây dựng và các kiến trúc cơ bản của địa kỹ thuật. Trong nguyên bản, tiêu chuẩn này gồm có 6 phần. Đối với từng phần cụ thể, tiêu chuẩn quy định rõ các yêu cầu phụ thuộc vào các giai đoạn thiết kế và khai thác sử dụng công trình xây dựng. Đây là một tiêu chuẩn rất đầy đủ và đáp ứng được các nhu cầu về lập nhiệm vụ kỹ thuật khảo sát và lập phương án khảo sát trong hầu hết các điều kiện tự nhiên, các giai đoạn thiết kế, các loại hình công trình và cần thiết cho các chủ đầu tư, quản lý dự án, thiết kế và thăm dò khảo sát.

Số hồ sơ lưu: 22495

87992. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công và quy trình nghiệm thu cọc ống thép đường kính nhỏ hạ bằng phương pháp xoắn trong đô thị ở Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Hoàng Giang, TS. Phạm Văn Minh; PGS.TS. Nguyễn Bảo Việt; TS. Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS. Nguyễn Trung Hiếu; TS. Nguyễn Ngọc Tân; ThS. Chu Tiến Dũng; ThS. Nghiêm Hà Tân; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Tiến Nam; TS. Nguyễn Hoàng Việt; TS. Nguyễn Thanh Sơn; KS. Trần Văn Dầu; KS. Vũ Đăng Quyết; ThS. Lê Phước Lành; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Trường Đại học**

Xây dựng Hà Nội, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công và quy trình nghiệm thu cọc ống thép đường kính nhỏ hạ bằng phương pháp xoắn trong đô thị ở Việt Nam. Xác định sức chịu tải của các ống thép đường kính nhỏ có nhiều tầng cánh hạ bằng phương pháp xoắn; Nghiên cứu thiết kế các ống thép đường kính nhỏ có nhiều tầng cánh hạ bằng phương pháp xoắn; Xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công và nghiệm thu các ống thép đường kính nhỏ có nhiều tầng cánh hạ bằng phương pháp xoắn; Triển khai thử nghiệm kết quả nghiên cứu: Chế tạo các ống thép đường kính nhỏ có nhiều tầng cánh; Thi công hạ cọc ống thép đường kính nhỏ có nhiều tầng cánh; thí nghiệm xác định sức chịu tải của các ống thép đường kính nhỏ có nhiều tầng cánh.

Số hồ sơ lưu: 22498

88425. 09-2023 **Nghiên cứu soát xét TCVN 8826:2011 Phụ gia hóa học cho bê tông/ TS. Nguyễn Hùng Minh, KS. Nguyễn Thanh Hằng; KS. Nguyễn Khắc Minh; KS. Nguyễn Thế Tú; KS. Nguyễn Bá Biên - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - IBST, 2023; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nội dung tiêu chuẩn soát xét TCVN 8826:2011 Phụ gia hóa học cho bê tông. Tiêu chuẩn này áp dụng cho 7 loại phụ gia hóa học dùng cho bê tông xi măng poóc lăng gồm: Phụ gia hóa dẻo giảm nước, ký hiệu loại A; Phụ gia chậm đông kết, ký hiệu

loại B; Phụ gia đóng rắn nhanh, ký hiệu loại C; Phụ gia hóa dẻo - chậm đông kết, ký hiệu loại D; Phụ gia hóa dẻo - đóng rắn nhanh, ký hiệu loại E; Phụ gia siêu dẻo (giảm nước mức cao), ký hiệu loại F; Phụ gia siêu dẻo - chậm đông kết, ký hiệu loại G.

Số hồ sơ lưu: 22474

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

88246. 09-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị/ TS. Cao Duy Khôi, ThS. Nguyễn Trung Kiên; PGS.TS. Cao Duy Tiến; TS. Hoàng Anh Giang; ThS. Trương Thị Hồng Thúy; ThS. Đỗ Duy Bốn; TS. Nguyễn Hồng Hà; ThS. Nguyễn Trung Thành; KS. Nguyễn Thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Võ Thông - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Quy chuẩn quy định phân cấp công trình theo hậu quả (sau đây gọi là cấp hậu quả) và thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình phục vụ thiết kế kết cấu chịu lực và nền móng của công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và một số công trình dạng nhà khác. Công trình xây dựng được phân cấp trong Quy chuẩn này gồm các loại sau: Công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, và một số công trình dạng nhà khác. Quy chuẩn cũng đề xuất các bảng phân cấp cụ thể cho Công trình dân dụng, công

ng nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, và một số công trình dạng nhà khác

Số hồ sơ lưu: 22101

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

88614. 09-2023 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển giao thông thông minh cho tàu thủy trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý dữ liệu lớn từ RADAR/AIS nhằm tăng cường bảo đảm an toàn hàng hải/ ThS. Nguyễn Thanh Vân, ThS. Vũ Thị Thu; PGS.TS. Đinh Anh Tuấn; TS. Đào Quang Khanh; ThS. Lê Văn Tâm; ThS. Đoàn Hữu Khánh; ThS. Phạm Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Văn Hưng; KS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống điều khiển giao thông thông minh tàu thủy. Nghiên cứu các giải pháp công nghệ phục vụ thu thập và xử lý dữ liệu lớn từ RADAR/AIS và xây dựng cấu hình hệ thống điều khiển giao thông thông minh tàu thủy. Thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển giao thông thông minh tàu thủy trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý dữ liệu lớn từ radar/ais. Qua đó, tiến hành thử nghiệm và đánh giá hệ thống điều khiển giao thông thông minh tàu thủy trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý dữ liệu lớn từ RADAR/AIS.

Số hồ sơ lưu: 21775

88620. 09-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Lidar và trí

tuệ nhân tạo phát triển hệ thống thu thập, tái lập mô hình bản đồ số và đánh giá tình trạng giao thông thủy nhằm nâng cao an toàn giao thông trên tuyến thủy nội địa tại Việt Nam, thí điểm khu vực phía Bắc/ TS. Phạm Việt Hưng, ThS. Nguyễn Thanh Vân; TS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Phạm Trung Minh; ThS. Lê Văn Tâm; ThS. Trần Thị Phương Mai; ThS. Vũ Thị Thu; ThS. Bùi Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Đỗ Ngọc Bích - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, tổng hợp số liệu và đánh giá về hiện trạng giao thông đường thủy nội địa Việt Nam. Phân tích, tổng hợp cơ sở lý thuyết, cơ sở công nghệ của công nghệ Lidar và trí tuệ nhân tạo. Nghiên cứu các giải pháp phát triển hệ thống thu thập và đánh giá dữ liệu về tình trạng giao thông đường thủy nội địa xung quanh một đối tượng (phương tiện ĐTNĐ). Qua đó, thiết kế và phát triển hoàn chỉnh hệ thống thu thập mang tính tức thời, đánh giá hiện trạng giao thông đường thủy nội địa sử dụng công nghệ Lidar và trí tuệ nhân tạo.

Số hồ sơ lưu: 21788

20105. Kỹ thuật thủy lợi

88154. 09-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bả kiểm soát mối Macrotermitinae gây hại đê, đập ở miền Bắc Việt Nam/ ThS. Nguyễn Thúy Hiền, ThS. Võ Thị Thu Hiền; PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy; PGS.TS. Trịnh Văn Hạnh;

ThS. Lê Quang Thịnh; TS. Nguyễn Thị My; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Văn Đăng Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Hải - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về phòng trừ mối gây hại đê đập trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả kiểm soát mối, góp phần bảo vệ an toàn cho đê, đập theo tiêu chí công nghệ mới thân thiện với con người và môi trường. Nghiên cứu đề xuất công thức bả hiệu quả, thân thiện với môi trường để kiểm soát các loài thuộc phân họ mối Macrotermitinae gây hại chính cho đê, đập ở miền Bắc Việt Nam. Tiến hành xây dựng quy trình kỹ thuật sử dụng bả kiểm soát các loài thuộc phân họ mối Macrotermitinae gây hại chính cho đê, đập ở miền Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21785

88197. 09-2023 Nghiên cứu đề xuất giải pháp công nghệ phù hợp, hiệu quả để tiêu giảm sóng nhằm nâng cao độ an toàn cho đê biển Nam Định/ TS. Doãn Tiến Hà, ThS. Mạc Văn Dân; PGS.TS. Trương Văn Bốn; TS. Nguyễn Đức Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Khắc Nghĩa; ThS. Nguyễn Tiên Dương; GS.TS. Thiều Quang Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Minh Huân; TS. Trần Văn Sung; TS. Lê Đức Ngân - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển, 2022; 10/2018 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan tình hình trong và ngoài nước về công trình tiêu giảm sóng bảo vệ bờ, đê biển. Nghiên cứu đặc điểm điều kiện tự nhiên, cơ sở dữ liệu và tìm hiểu hiện trạng công trình bảo vệ bờ, đê biển Nam Định. Đồng thời, tìm hiểu về hiệu quả các dạng công trình giảm sóng, bảo vệ bờ, đê biển Nam Định. Qua đó đề xuất và lựa chọn giải pháp khoa học công nghệ tiêu giảm sóng nâng cao an toàn cho đê biển Nam Định. Tiến hành thiết kế cơ sở giải pháp lựa chọn đối với một đoạn bờ biển cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 21671

20106. Kỹ thuật địa chất công trình

87119. 09-2023 **Nghiên cứu xác định vận tốc không xói có xét đến mạch động đối với vật liệu đá và khối bê tông gia cố hạ lưu đập tràn xả lũ ở nhà máy thủy điện./** ThS. Nguyễn Thế Hùng, ThS. Đinh Lê Phương Anh; ThS. Trần Vũ; ThS. Hoàng Đức Thuật; ThS. Đặng Xuân Hanh; ThS. Trần Đức Trung; ThS. Trương Công Đức; TS. Nguyễn Đức Hạnh; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương; KS. Dương Đức Tùng - Hà Nội - Viện năng lượng, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được vận tốc không xói có xét đến mạch động đối với vật liệu đá và khối bê tông gia cố hạ lưu đập tràn xả lũ ở nhà máy thủy điện. Đánh giá được tính ổn định kết cấu gia cố hạ lưu tràn xả lũ ở nhà máy thủy điện. Trên cơ sở nghiên cứu tập hợp các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước về xác định vận tốc cho

phép không xói đối với các loại vật liệu đá và khối bê tông gia cố hạ lưu sẽ lựa chọn phương pháp phù hợp để nghiên cứu trong đề tài. Tiếp cận với giải pháp tính toán theo công thức lý thuyết, theo thí nghiệm mô hình vật lý; Đề tài tiến hành thu thập các dữ liệu, báo cáo; chủ yếu về vận tốc và mạch động vận tốc hạ lưu đập tràn xả lũ của các nhà máy nghiên cứu (thủy điện Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu); Xuất phát từ các kết quả tổng hợp, phân tích, so sánh xác định vận tốc không xói cho phép có xét đến mạch động đề xuất bảng biểu, tính toán vận tốc không xói. Giáo trình thủy công, giáo trình thủy lực, giáo trình công trình tháo lũ, dòng chảy rối, các tài liệu chuyên ngành dịch từ tiếng Nga, Trung Quốc. Nghiên cứu thông qua số liệu thực nghiệm đo được ở một số công trình do Viện Năng lượng thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 21649

20199. Kỹ thuật dân dụng khác

88358. 09-2023 **Ứng dụng công nghệ cắt Plasma CNC để xây dựng mô hình gia công một số sản phẩm cơ khí chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Phú Thọ/** Lê Ngọc Chung, Lê Ngọc Chung; Nguyễn Hữu Hà ; KS.Nguyễn Đình Lê Trung 4.KS.Vũ Đức Linh 5.KS.Lê Thị Lành 6.KS.Nguyễn Thị Thanh Huyền 7.KS.Nguyễn Hữu Chính 8.CN.Nguyễn Trung Kiên 9.CN.Nguyễn Văn Vượng 10.CN.Nguyễn Thị Hồng Nga - Phú Thọ - Trung tâm ứng dụng và Thông tin KHCN, 2023; 04/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát bổ sung thông tin phục vụ triển khai thực hiện dự án; Xây dựng mô hình công nghệ cắt Plasma CNC tạo hình các sản phẩm cơ khí chất lượng cao; Hội thảo, thông tin tuyên truyền kết quả triển khai thực hiện dự án

Số hồ sơ lưu: PTO - 09.2023

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

88160. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống bảo trì dự báo trong dây chuyền sản xuất đèn LED dựa trên một số công nghệ cho I4.0/** ThS. Nguyễn Đình Lượng, KS. Nguyễn Thị Giang Chi ; ThS. Luyện Tuấn Anh; ThS. Đặng Trần Chuyên; ThS. Phạm Anh Trung; ThS. Vũ Hữu Tĩnh; ThS. Nguyễn Đoàn Kết; KS. Nguyễn Việt Cường; KS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Đào Văn Phú - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước về bảo trì dự báo rong dây chuyền sản xuất đèn LED dựa trên một số công nghệ cho I4.0. Khảo sát, đánh giá thực trạng tại các doanh nghiệp, kiến trúc hệ thống bảo trì dự báo trong dây chuyền sản xuất đèn LED và hệ thống kết nối số các thiết bị trong dây truyền sản xuất. Tiến hành thử nghiệm hệ thống kết nối số, thử nghiệm các chức năng của phần mềm PdMSoftware nhằm tin học hóa công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị doanh nghiệp...

Số hồ sơ lưu: 21762

88172. 09-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị phân tích dạng sóng phóng điện cục bộ để chẩn đoán tình trạng cáp ngầm trung thế trên cơ sở công nghệ FPGA/** ThS. Đặng Trần Chuyên, ThS. Lai Thị Vân Quyên; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; KS. Nguyễn Thị Giang Chi; KS. Nguyễn Khắc Hiền - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu về khái niệm về phóng điện cục bộ, các phương pháp đo phóng điện cục bộ và xác định khoảng cách. Khảo sát các thiết bị của nước ngoài đang sử dụng ở Việt Nam, đánh giá nhu cầu sử dụng thực tế và xây dựng nhiệm vụ cụ thể, lựa chọn phương án và thiết kế thiết bị thu thập dữ liệu phóng điện cục bộ và kết nối máy tính. Nghiên cứu thiết kế phần mềm thu thập và phân tích dữ liệu phóng điện cục bộ: tích hợp các công cụ lọc số triggering, gating, tính phóng điện cục bộ và cảnh báo ngưỡng, tìm kiếm dữ liệu theo sự kiện, theo thời gian, xuất báo cáo thống kê dữ liệu dạng bảng, biểu đồ, word, excel, pdf. Đồng thời, thiết kế thiết bị xác định khoảng cách bằng phương pháp phản xạ miền thời gian và thử nghiệm, hiệu chỉnh phòng thí nghiệm và thử nghiệm thực tế.

Số hồ sơ lưu: 21786

88582. 09-2023 **Nghiên cứu tính toán phối hợp cách điện cho đường dây truyền tải siêu cao áp điện một chiều trong điều kiện Việt Nam/** TS. Nguyễn Xuân Phúc,

ThS. Phạm Minh Quân; ThS. Phạm Vũ Long; ThS. Chử Thị Ngọc Huy; ThS. Lê Việt Cường; TS. Nguyễn Đức Hạnh; TS. Ninh Văn Nam; TS. Nguyễn Quang Thuần; ThS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Trần Quang Khải; KS. Hoàng Văn Lâm; KS. Trương Hoàng Nam - Hà Nội - Viện năng lượng, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hệ thống đường dây truyền tải và tính toán phối hợp cách điện cho đường dây truyền tải siêu cao áp điện trong nước và trên thế giới. Tính toán lựa chọn số lượng bát cách điện theo điện áp làm việc lớn nhất và tính toán kiểm tra cách điện theo điều kiện quá điện áp đóng cắt. Đồng thời tính toán kiểm tra cách điện theo điều kiện quá điện áp khí quyển.

Số hồ sơ lưu: 21717

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

88049. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình D2C (Direct to Customer) cho các cơ sở sản xuất phục vụ quá trình chuyển đổi số nền kinh tế/** ThS. Nguyễn Thúy Anh, KS. Lê Minh Hà; ThS. Cao Quý Long; CN. Nguyễn Phương Ly; ThS. Trần Thị Thu Thảo; CN. Nguyễn Hồng Hà; KS. Đỗ Trọng Vinh; ThS. Đặng Thanh Tùng; KS. Nguyễn An Sơn; CN. Phạm Quỳnh Trang; CN. Chu Quỳnh Vân; CN. Lê Thị Thu Nga; CN. Trần Thị Thu Hương; CN. Ngô Ánh Nguyệt - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và

Kinh tế số, 2022; 04/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mô hình D2C và đề xuất mô hình D2C phù hợp với quá trình chuyển đổi số. Nghiên cứu tổng quát về mô hình D2C (Direct to customer); Đánh giá hiện trạng ứng dụng D2C tại một số quốc gia và tại Việt Nam; Đề xuất giải pháp phát triển D2C tại Việt Nam; Ứng dụng thử nghiệm cho một số nhóm đối tượng cụ thể ở Việt Nam hiện nay (tập trung nghiên cứu và ứng dụng thử nghiệm cho ngành hàng tiêu dùng bán lẻ, bao gồm: đồ gia dụng, thời trang (giày dép, mỹ phẩm...)

Số hồ sơ lưu: 22083

88135. 09-2023 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo Robot hàn mạch in/** TS. Kiều Xuân Thực, ThS. Nguyễn Huy Kiên; TS. Lê Văn Thái; TS. Hoàng Mạnh Kha; TS. Nguyễn Bá Nghiễn; TS. Quách Đức Cường; TS. Nguyễn Anh Tú; ThS. Lê Việt Tiến; ThS. Nguyễn Hữu Hải; ThS. Nguyễn Văn Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ, thiết kế và chế tạo hoàn chỉnh một Robot hàn mạch in tự động, có khoảng cách giữa các chân hàn nhỏ nhất là 0,5 mm, phù hợp với chuẩn chân IC kiểu LQFP. Robot được điều khiển bởi 4 bậc tự do. Hệ thống điều khiển của robot thực hiện theo cấu trúc điều khiển phân tán, trang bị các giải thuật điều khiển hiện đại phục vụ điều khiển chuyển động chính xác, tối ưu trình tự gia công và gia nhiệt

tối ưu cho mỗi hàn; Thiết kế bộ điều khiển trung tâm của Robot thực hiện trên hệ thống vi điều khiển số hiện đại hạn chế được tối đa ảnh hưởng của nhiễu đến độ chính xác khi hàn; Nghiên cứu thiết kế hệ thống cơ khí chấp hành động cơ điều khiển. Kết nối mạch tạo xung với mạch điều khiển và động cơ bước; Hoàn thiện một số công nghệ như: công nghệ gia nhiệt mỏ hàn thiếc, truyền động cấp liệu, xử lý ảnh...

Số hồ sơ lưu: 21816

88161. 09-2023 Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo Thiết bị đo bụi bằng phương pháp đo tán xạ ngược ánh sáng, ứng dụng trong hệ thống quan trắc khí thải/ ThS. Trần Văn Hùng, ThS. Dương Đức Anh ; ThS. Mai Văn Tuệ; KS. Nguyễn Xuân Thành; KS. Trần Đình Chiến; ThS. Nguyễn Xuân Quỳnh - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống quan trắc khí thải online. Nghiên cứu thiết kế cơ cấu cơ, quang học thiết bị đo bụi, nghiên cứu thiết kế phần cứng điện, điện tử cho thiết bị đo bụi. Thiết kế, xây dựng phần mềm nhúng cho thiết bị đo bụi và chế tạo, lắp đặt thiết bị đo. Thử nghiệm tính năng hoạt động của các module của thiết bị đo tại phòng thí nghiệm, hiệu chỉnh các thông số, thử nghiệm hoạt động trong phòng thí nghiệm và thử nghiệm đo lường tại đơn vị có chức năng.

Số hồ sơ lưu: 21763

88368. 09-2023 Ứng dụng công nghệ phantom trong kiểm định thiết bị x-quang chân đoán y tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ/ Ks.Mai Hoàng Hiệp, CN.Phạm Ngọc Lợi, ThS.Lưu Đình Nghĩa, KS. Nguyễn Thị Ngân, KTS.Phạm Hiếu Trung, CN.Khổng Văn Tiến, CN.Nguyễn Minh Hải, CN.Tổng Thị Thanh Nga, CN.Nguyễn Sỹ Trung, ThS.Nguyễn Tiến Điệp - Phú Thọ - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2023; 07/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có sử dụng thiết bị CT và X-quang tăng sáng truyền hình. Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng kiểm định thiết bị chụp cắt lớp vi tính CT và X-quang tăng sáng truyền hình trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tiếp nhận máy móc thiết bị, tổ chức vận hành máy và đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm thiết bị. Đào tạo kiểm định viên CT và X-quang tăng sáng truyền hình. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn vận hành bộ phantom chuẩn để kiểm định máy CT và X-quang tăng sáng truyền hình.

Số hồ sơ lưu: PTO - 10.2023

88573. 09-2023 Nghiên cứu xây dựng mô hình điều khiển tự động hóa ứng dụng đào tạo trong nghề Cơ điện tử/ TS. Lê Quang Trung, ThS. Nguyễn Trọng Tín; ThS. Hồ Dự Luật; KS. Kiều Tấn Thới; KS. Lê Văn Hùng; ThS. Nguyễn Khánh Cường; KS. Phạm Hùng Hậu; TS. Tạ Văn Phương; Hà Huy Long - Hà

Nội - Trường Cao đẳng công nghệ Quốc tế LILAMA2, 2022; 08/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng một mô hình dây chuyền phân loại và giao hàng tự động ứng dụng các công nghệ 4.0 để giám sát và quản lý hàng hóa. Ứng dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật IoT chuẩn công nghiệp để điều khiển, giám sát, chuẩn đoán lỗi cho hệ thống dây chuyền tự động hóa phân loại sản phẩm. Xây dựng hệ thống bài học từ cơ bản đến nâng cao về điều khiển tự động hóa ứng dụng các công nghệ 4.0 và xây dựng bộ hồ sơ thiết kế của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 21694

88657. 09-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số lĩnh vực bưu chính/** ThS. Dương Tôn Bảo, TS. Vũ Chí Kiên; ThS. Chu Thế Tuấn; KS. Phạm Anh Tú; CN. Phạm Ngọc Sơn; CN. Phạm Hồng Lê; CN. Hoàng Mạnh Linh - Hà Nội - Vụ Bưu chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng phát triển lĩnh vực Bưu chính Việt Nam trong đó tập trung làm rõ về cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong bưu chính. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các chính sách và giải pháp công nghệ, chuyển đổi số của một số nước trên thế giới, định hướng chuyển đổi số bưu chính của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) từ đó có những khuyến nghị cho bưu chính Việt Nam. Nghiên cứu vai trò

của bưu chính trong việc tham gia thúc đẩy phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số theo định hướng tại Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành năm 2020.

Số hồ sơ lưu: 22060

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

87977. 09-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị định vị GNSS, thu nhận tín hiệu cải chính từ hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia./** KS. Ngô Thị Liên, KS. Đặng Xuân Thủy; ThS. Lưu Hải u; TS. Trần Trung Anh; TS. Phạm Thế Huynh; TS. Lê Phú Hưng; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Phan Tuấn Anh; KS. Nguyễn Minh Quang; ThS. Nguyễn Ngọc Vũ; ThS. Nguyễn Thị Yến; KS. Kiều Cao Chung; ThS. Đoàn Thị Ngân; ThS. Lê Văn Hà; KS. Dương Văn Hùng; ThS. Mai Thị Phương Lan; ThS. Lưu Thị Thúy Ngọc; ThS. Phạm Thị Hạnh - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo hệ thống định vị GNSS (cải chính theo công nghệ trạm CORS) độ chính xác cao, phục vụ đo đạc thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ lớn (Bản đồ địa hình tỉ lệ 1:500) và các ứng dụng trắc địa bản đồ đòi hỏi độ chính xác cao, tốc độ xử lý nhanh. Xây dựng hệ thống phần mềm đo đạc cho thiết bị định vị GNSS được chế tạo theo công nghệ trạm tham

chiều sử dụng Smartphone (Android) và Máy tính (Window).

Số hồ sơ lưu: 22103

88170. 09-2023 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo bộ liên lạc hữu tuyến hầm lò trong lực lượng cứu hộ, cứu nạn mỏ/** ThS. Nguyễn Xuân Đông, ThS. Nguyễn Thế Vinh; ThS. Nguyễn Lê Thùy Dương; ThS. Đinh Đức Tùng; ThS. Nguyễn Công Hiệu; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Nguyễn Hùng Kiên; ThS. Nguyễn Phan Quyền - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về thiết bị, hệ thống ứng dụng trong công tác cứu hộ, cứu nạn trong hầm lò. Nghiên cứu giải mã công nghệ bộ liên lạc hữu tuyến UGOLEK-2M và thiết kế chế tạo nội địa hóa máy cơ sở và máy tiểu đội. Thiết kế chế tạo bộ sạc pin cho máy cơ sở và máy tiểu đội. Thử nghiệm phòng thí nghiệm bộ liên lạc hữu tuyến kết hợp và so sánh với bộ liên lạc hữu tuyến UGOLEK-2M. Lập hồ sơ kiểm định bộ liên lạc hữu tuyến theo tiêu chuẩn TCVN7079. Tiến hành thử nghiệm thực tế bộ liên lạc hữu tuyến trong hầm lò kết hợp và so sánh với bộ liên lạc hữu tuyến UGOLEK-2M.

Số hồ sơ lưu: 21755

88208. 09-2023 **Nghiên cứu thử nghiệm tích hợp chip thu thanh số DAB/DAB+ với chip vi xử lý lập trình nhúng/** ThS. Vũ Hải Quang, ThS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Lưu Đình Thảo; ThS. Bùi Thế Anh; KS. Trịnh Văn Tươi; KS. Cù Chính Bắc;

ThS. Đỗ Anh Đức; KS. Nguyễn Đức Thắng; KS. Đoàn Văn Khuê; KS. Cao Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết kế mạch tích hợp giữa hai dòng chip thu thanh số DAB+ và vi điều khiển để tạo ra sản phẩm Radio mẫu có thể thu thanh số, thu thanh tương tự kết hợp nghe nhiều kênh phát thanh (radio) qua internet. Tìm hiểu thực tiễn các vấn đề nghiên cứu và tiến hành thử nghiệm tích hợp chip thu thanh số DAB/DAB+ với chip vi xử lý lập trình nhúng.

Số hồ sơ lưu: 21718

88607. 09-2023 **Nghiên cứu rà soát và cập nhật quy chuẩn kỹ thuật về thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất/** ThS. Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Phi Tuyền; Lê Đức Cường; Nguyễn Triệu Khải; Phạm Minh Hải; Nguyễn Văn Nhân; Bùi Thu Giang; Nguyễn Đăng Hiếu - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khảo sát tình hình nhập khẩu và tình hình sử dụng thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất 2G, 3G, 4G tại Việt Nam. Tiến hành rà soát các quy định liên quan đến quản lý chất lượng thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất 2G, 3G, 4G tại Việt Nam. Nghiên cứu khảo sát tình hình tiêu chuẩn hóa thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất 2G, 3G, 4G của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và một số nước

trong khu vực và thế giới. Đồng thời, nghiên cứu các vấn đề về thử nghiệm đối với đối tượng được chuẩn hóa; Xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất 2G, 3G, 4G - phần truy nhập vô tuyến.

Số hồ sơ lưu: 21759

20205. Viễn thông

88589. 09-2023 **Nghiên cứu rà soát và cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ trên mạng viễn thông/** ThS. Thiệu Quang Hùng, Nguyễn Phi Tuyền; Vương Dương Minh; Phạm Hùng Sơn; Vũ Trọng Thịnh; Nguyễn Văn Dương; Trần Quốc Bình; Bùi Thu Giang; Tạ Giang Nam; Vương Thế Bình; Hoàng Mạnh Hùng; Nguyễn Mạnh Trường - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá tình hình áp dụng quy chuẩn về chất lượng dịch vụ trên mạng viễn thông. Tìm hiểu tình hình chuẩn hóa quốc tế đối với chất lượng dịch vụ trên mạng viễn thông. Tiến hành nghiên cứu các vấn đề về thử nghiệm đo kiểm và quản lý đối với chất lượng dịch vụ trên mạng viễn thông. Đồng thời qua đó tiến hành rà soát và cập nhật quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ trên mạng viễn thông

Số hồ sơ lưu: 21742

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

88142. 09-2023 **Xây dựng hệ thống quy trình ứng cứu khẩn cấp**

sự cố an toàn thông tin ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam/ Lê Vũ Toàn, Nguyễn Quang Dũng; Nguyễn Tuấn Minh; Đinh Nhật Thành; Nguyễn Duy Hưng; Nguyễn Đăng Kiên; Mao Sơn Thành; Lã Khánh Toàn; Lương Quốc Tuấn; Phạm Trần Phương Thanh - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2022; 10/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết, quy định pháp luật, tham khảo kinh nghiệm về ứng cứu khẩn cấp sự cố An toàn thông tin mạng; phân loại, phân nhóm các sự cố An toàn thông tin mạng từ đó định hướng xây dựng quy trình ứng cứu cho từng nhóm các sự cố, đồng thời làm rõ trách nhiệm của BHXH Việt Nam và các đơn vị trực thuộc trong thực hiện ứng cứu khẩn cấp sự cố An toàn thông tin mạng. - Phân tích hiện trạng hệ thống thông tin và hiện trạng thực hiện các quy định ứng cứu khẩn cấp các sự cố đồng thời hệ thống hóa lại các sự cố An toàn thông tin mạng của Ngành BHXH trong thời gian từ 2020 đến tháng 06/2021, trong đó chú trọng Trung tâm dữ liệu, Trung tâm dữ liệu dự phòng và hệ thống thông tin của 03 tỉnh Long An, Sơn La và Khánh Hòa. Từ đó tổng hợp và phân loại các sự cố và cách thức khắc phục để làm căn cứ phân loại các sự cố và quy trình ứng cứu phù hợp. Từ quá trình phân tích hiện trạng, xác định và phân loại các sự cố vào 03 nhóm gồm: Sự cố hệ thống mạng; Sự cố hệ thống máy chủ, lưu trữ; Sự cố An toàn thông tin mạng. Phân tích định hướng phát triển hệ thống công nghệ thông tin

ngành BHXH Việt Nam; các yêu cầu và mức độ sẵn sàng trong việc thực hiện các quy định pháp luật về ứng cứu khẩn cấp sự cố An toàn thông tin mạng của ngành BHXH Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21802

88627. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống kỹ thuật triển khai đại học số trên nền tảng điện toán đám mây ứng dụng K8S theo hướng cung cấp dịch vụ phần mềm (SaaS)/ TS.** Nguyễn Việt Hưng, KS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Đinh Hồng Hải; KS. Nguyễn Trần Việt Anh; TS. Vũ Tuấn Lâm; KS. Lê Văn Quang; KS. Trần Minh Hiếu; KS. Nguyễn Doãn Hiếu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu triển khai một số dịch vụ như tuyển sinh số, quản lý đào tạo, quản lý nhân sự tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông để đánh giá hiệu quả. Để đạt được điều này, các nội dung nghiên cứu chính của đề tài gồm: Nghiên cứu, khảo sát, phân tích các mô hình kỹ thuật cho phép triển khai đại học số trên nền tảng điện toán đám mây. Phân tích thiết kế hệ thống nền tảng đại học số theo hướng cung cấp dịch vụ phần mềm (SaaS). Xây dựng thử nghiệm các cấu phần của nền tảng đại học số theo hướng cung cấp dịch vụ phần mềm ứng dụng K8S. Thử nghiệm ứng dụng và đánh giá tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Số hồ sơ lưu: 21796

20303. Chế tạo máy công cụ

88174. 09-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất chụp khí bằng sứ dùng cho máy hàn TIG/ KS.** Trần Đoàn Trường, ThS. Nguyễn Thị Luyên; KS. Nguyễn Thu Hà; KS. Nguyễn Thu Diệu; KS. Cao Thọ Tùng; KS. Cao Nhật Quang; ThS. Hoàng Bá Thịnh; KS. Nguyễn Thị Ty - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ chế tạo vật liệu và sản xuất chụp khí bằng sứ dùng cho máy hàn TIG. Sản xuất 10 sản phẩm chụp khí bằng sứ dùng cho máy hàn TIG với các thông số kỹ thuật như sau: Độ hút nước $\leq 0,1\%$; Mật độ $\geq 3,65 \text{ g/cm}^3$; Độ bền uốn $\geq 280 \text{ MPa}$; Độ dẫn nhiệt: $18 \div 25 \text{ W/m.K}$; Nhiệt độ làm việc tối đa $\geq 1500^\circ\text{C}$; Điện trở suất $\geq 1015 \Omega.\text{cm}$. Là cơ sở để nghiên cứu sản xuất các sản phẩm sứ kỹ thuật có hình dạng phức tạp và độ chính xác cao.

Số hồ sơ lưu: 21823

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

88008. 09-2023 **Hoàn thiện thiết kế và chế tạo máy sấy phun trong dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan chất lượng cao, năng suất 250kg/giờ/ KS.** Đặng Trung Lộc, CN. Nguyễn Thị Lệ Quyên; KS. Nguyễn Văn Hoàng; KS. Tài Đại Quỳnh Huy; KS. Nguyễn Tấn Đạt; KS. Lê Xuân Thanh; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Trần Quang Ngọc; TS. Nguyễn Hữu Thật; TS. Huỳnh Văn Vũ; ThS. Lương Đức Vũ - Khánh Hoà - Công ty Cổ phần Cơ

khí Vina Nha Trang, 2023; 11/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sấy phun tiên tiến đáp ứng sản xuất cà phê hòa tan chất lượng cao; thiết kế và chế tạo được thiết bị sấy phun đạt trình độ kỹ thuật công nghệ tương đương với sản phẩm hiện hành đang ứng dụng của các nước phát triển, giá thành bằng 60 – 70% giá thiết bị nhập khẩu từ Châu Âu. Thiết kế, chế tạo máy sấy phun cà phê hòa tan năng suất 250kg/h. Thiết kế, chế tạo bổ sung 01 máy sấy phun cà phê hòa tan năng suất 25kg/h, lắp đặt đồng bộ 01 dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan chất lượng cao năng suất 25kg/giờ đạt các chỉ tiêu: bột cà phê hòa tan đạt TCVN, độ ẩm $\leq 5\%$, pH (1%, 25°C) từ 4,9 – 5,5, độ màu từ 27 – 33,5, hàm lượng cafein $\geq 3\%$ (với cà phê vối R2).

Số hồ sơ lưu: 22508

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

88566. 09-2023 Nghiên cứu, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh và cấp quốc gia/ ThS. Dương Hồng Nhật, KS. Thân Quang Minh; ThS. Tào Xuân Khánh; ThS. Nguyễn Ninh Giang; ThS. Nguyễn Hào Quang; ThS. Lại Tiến Thịnh; TS. Đinh Ngọc Quang; BS. Nguyễn Văn Mùi; TS. Nguyễn Bá Tiến - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật an toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố, 2022; 06/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ sau Hội đồng đánh giá và Hội đồng thẩm định tài chính. Nghiên cứu, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật một số tác nghiệp ứng phó sự cố chung tại hiện trường. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật một số tác nghiệp xử lý các vấn đề phóng xạ và nghiên cứu, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đánh giá liều bức xạ. Tiến hành xây dựng Dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân. Tổ chức Hội thảo khoa học và xin ý kiến hoàn thiện Thông tư và hoàn thiện Dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 21675

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

88184. 09-2023 Hoàn thiện công nghệ chế tạo phụ gia tiết kiệm than và giảm khí thải cho lò đốt trong công nghiệp sử dụng than/ GS. TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Bùi Duy Hùng; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; TS. Đỗ Thanh Hải; ThS. Vũ Tuấn Anh; CN. Nguyễn Thị Bảy; KS. Hoàng Trọng Hà; CN. Trần Thị Thanh Hằng; CN. Nguyễn Tiến Hoàng - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thị trường và khả năng đáp ứng của nguồn nguyên liệu chế

tạo phụ gia. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo phụ gia quy mô phòng thí nghiệm. Đồng thời, hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo phụ gia trên hệ thiết bị 200 lít/m³. Sản xuất thử nghiệm phụ gia và ứng dụng thử nghiệm phụ gia trên lò đốt than công nghiệp. Tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và môi trường của dự án sản xuất thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 21703

20406. Kỹ thuật hoá dầu

87748. 09-2023 **Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của các giải pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu và chế tạo hệ hóa phẩm quy mô pilot áp dụng cho đối tượng đại diện thuộc tầng trầm tích lục nguyên của bể Cửu Long/ ThS. Phạm Trường Giang, ThS. Lê Thị Thu Hường; TS. Nguyễn Hữu Trung; TS. Trịnh Xuân Cường; ThS. Lê Thế Hùng; ThS. Vũ Thế Anh; KS. Lưu Đình Tùng; KS. Lưu Công Phong; KS. Nguyễn Văn Út; TS. Hồ Nam Chung; KS. Phan Anh Đức - Hà Nội - Viện dầu khí Việt Nam, 2022; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu đánh giá các kỹ thuật mô phỏng khai thác và cơ chế gia tăng hệ số thu hồi dầu; Chính xác hóa cấu trúc địa chất của đối tượng đại diện (tầng chứa Miocene hạ mỏ Bạch Hổ); Trữ lượng tại chỗ ban đầu của đối tượng đại diện (tầng chứa Miocene hạ mỏ Bạch Hổ); Trữ lượng còn lại của đối tượng đại diện (tầng chứa Miocene hạ mỏ Bạch Hổ); Xây dựng mô hình địa chất 3D

cho đối tượng áp dụng giải pháp hóa; Mô phỏng thủy động lực cho đối tượng áp dụng giải pháp hóa; Mô hình địa chất 3D cho đối tượng áp dụng giải pháp khí; Mô phỏng thủy động lực cho đối tượng áp dụng giải pháp khí; Đánh giá cơ chế nâng cao thu hồi đối với biện pháp EOR đã nghiên cứu thử nghiệm, hiệu quả nâng cao thu hồi trên phạm vi toàn mỏ cũng như phương án tối ưu áp dụng bơm ép nâng cao thu hồi trên phạm vi toàn mỏ; Đánh giá hệ thống công nghệ, thiết bị khai thác, xử lý, thu gom và vận chuyển. Xây dựng phương án cải hoán thiết bị cũng như tối ưu hệ thống thiết bị phục vụ pilot; Nghiên cứu xây dựng báo cáo đánh giá tiền khả thi áp dụng nâng cao thu hồi dầu cho đối tượng đại diện; Nghiên cứu, xây dựng quy trình chế tạo hệ hóa phẩm quy mô pilot; Thiết kế và xây dựng hệ thống thiết bị sản xuất hệ hóa phẩm nâng cao thu hồi dầu quy mô pilot, công suất tối thiểu 4 tấn/ngày; Sản xuất 100 tấn hóa phẩm nâng cao thu hồi dầu theo quy trình đã được thiết lập phục vụ cho nghiên cứu thử nghiệm tại đối tượng đại diện.

Số hồ sơ lưu: 22491

20507. Vật liệu xây dựng

88223. 09-2023 **Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước theo tiêu chuẩn Châu Âu/ GS. TS. Nguyễn Tiến Chương, TS. Chu Tuấn Long; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy; TS. Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Tạ Văn Phấn; ThS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Nguyễn Duy Cường; KS. Nguyễn**

Thị Quỳnh Thơ; KS. Nguyễn Mạnh Linh - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành xây dựng đề cương của hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước theo tiêu chuẩn châu Âu. Nghiên cứu thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước và vật liệu dùng cho kết cấu bê tông ứng suất trước theo tiêu chuẩn châu Âu. Tính toán cấu kiện bê tông ứng suất trước theo trạng thái giới hạn sử dụng. Đồng thời, Tính toán cấu kiện bê tông ứng suất trước theo độ bền chịu uốn và tính toán cấu kiện bê tông ứng suất trước theo độ bền chịu cắt và chịu xoắn. Nghiên cứu, đánh giá kết cấu bê tông ứng suất trước siêu tĩnh và cấu tạo bê tông ứng suất trước và thiết kế vùng neo.

Số hồ sơ lưu: 21679

88224. 09-2023 **Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước theo TCVN 5574:2018/** GS. TS. Nguyễn Tiến Chương, TS. Chu Tuấn Long; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy; TS. Tạ Văn Phấn; TS. Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Duy Cường; TS. Ngô Văn Thuyết; TS. Phạm Nguyễn Hoàng; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ; KS. Bùi Đăng Doanh - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu những hướng dẫn chung về thiết kế kết cấu bê tông ứng suất trước. Nghiên cứu vật liệu cho kết cấu bê tông ứng suất trước. Tính toán ứng suất trước, tính toán cấu kiện bê tông ứng suất trước theo

các trạng thái giới hạn thứ nhất, đồng thời tính toán cấu kiện bê tông ứng suất trước theo các trạng thái giới hạn thứ hai. Tiến hành xây dựng, hướng dẫn cấu tạo bê tông ứng suất trước.

Số hồ sơ lưu: 21680

88245. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn Bê tông cốt sợi tính năng siêu cao (UHPC) - Yêu cầu thiết kế kết cấu/** TS. Đỗ Tiến Thịnh, TS. Trần Hùng; TS. Trần Bá Việt; TS. Nguyễn Đại Minh; GS.TS. Nguyễn Tiến Chương; TS. Lê Hoàng An; ThS. Ngô Mạnh Toàn; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Vũ Ngọc Luyện - Hà Nội - Hội Bê tông Việt Nam, 2023; 06/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông siêu tính năng UHPC trên thế giới, làm cơ sở lựa chọn tiêu chuẩn gốc. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia TCVN "Bê tông siêu tính năng - UHPC - yêu cầu thiết kế kết cấu. Khảo sát, thu thập thông tin về các tiêu chuẩn thiết kế bê tông UHPC trong và ngoài nước. Nghiên cứu biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN "Bê tông siêu tính năng - UHPC - yêu cầu thiết kế kết cấu." trên cơ sở Tiêu chuẩn NF 18-710:2016 bản tiếng Pháp và bản tiếng Anh, có tham khảo các tài liệu hướng dẫn có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 22100

88586. 09-2023 **Nghiên cứu sử dụng xỉ thép làm nguyên liệu thay thế quặng sắt trong sản xuất**

clanhke xi măng/ ThS. Tạ Văn Luân, KS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Trịnh Thị Châu; ThS. Nguyễn Văn Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Luận; ThS. Tạ Đắc Quý; KS. Vũ Văn Linh; KS. Nguyễn Thị Mai; KS. Nguyễn Thị Sen; KS. Phạm Hữu Thiên - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp tài liệu, báo cáo tổng quan về hiện trạng phát thải xỉ thép trên thế giới và Việt Nam, tình hình nghiên cứu, xử lý và sử dụng xỉ thép để sản xuất clanhke xi măng pooc lăng tại Việt Nam và trên thế giới. Khảo sát, lấy mẫu tại một số cơ sở sản xuất có phế thải xỉ thép, các đơn vị xử lý xỉ thép. Đánh giá quy trình thu gom, xử lý xỉ thép tại Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá các tính chất của các mẫu xỉ thép và khả năng nghiền của các loại xỉ thép. Đồng thời, nghiên cứu quy trình công nghệ xử lý, gia công xỉ thép đạt yêu cầu làm nguyên liệu để sản xuất clanhke xi măng pooc lăng. Tính toán các phương án phối liệu để đánh giá sơ bộ các yếu tố có hại trong xỉ thép ảnh hưởng tới quá trình nung clanhke và tính chất của xi măng. Qua đó, xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia: Xỉ thép làm nguyên liệu sản xuất clanhke xi măng pooc lăng

Số hồ sơ lưu: 21734

88625. 09-2023 Nghiên cứu xử lý và tái sử dụng phế thải gạch chịu lửa manhêdi-các bon (MC) của ngành công nghiệp luyện thép để làm nguyên liệu sản xuất gạch

chịu lửa kiềm tính/ ThS. Hoàng Lê Anh, ThS. Nguyễn Thị Kim; TS. Vũ Văn Dũng; TS. Vũ Thị Ngọc Minh; ThS. Cao Tiến Phú; ThS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Trần Thị Hiền; ThS. Trần Ngọc Anh; ThS. Trần Thị Minh Hải; KS. Lê Xuân Hoàng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu báo cáo tổng quan tình hình nghiên cứu tái sử dụng phế thải chịu lửa (PTCL) trong nước và ngoài nước. Khảo sát, lấy mẫu phế thải chịu lửa kiềm tính tại một số cơ sở lớn sản xuất thép trong nước. Phân tích, phân loại, đánh giá chất lượng các chủng loại phế thải gạch chịu lửa MC. Xác lập quy trình thu gom, phân loại, xử lý, bảo quản phế thải gạch chịu lửa MC tại các nhà máy sản xuất thép. Đánh giá hiệu quả kinh tế, đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21793

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

87855. 09-2023 Phát triển các xúc tác dị thể cho một vài chuyển hóa hữu cơ quan trọng trên cơ sở các phức cơ kim loại và các hạt nano kim loại được mang trên vật liệu mao quản trung bình/ TS. Đỗ Văn Đăng, GS.TS. Lê Thanh Sơn; PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Phạm Đình Trọng; TS. Đặng Văn Long - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công xúc tác dị thể ứng dụng trong một số chuyển hóa hữu cơ quan trọng trên cơ sở các phức cơ kim loại và các hạt nano kim loại trên nền vật liệu mao quản trung bình đã được biến tính; Tổng hợp xúc tác: tập trung vào việc gắn các phức cơ kim loại và các hạt nano kim loại lên vật liệu mao quản trung bình đã được biến tính. Đánh giá hoạt tính xúc tác tổng hợp cho một số chuyển hóa hữu cơ quan trọng như phản ứng tạo liên kết C-C hay C-Si

Số hồ sơ lưu: 22325

88042. 09-2023 **Nghiên cứu quy trình công nghệ chế tạo vật liệu polyme compozit trên cơ sở polypropylen (PP) gia cường bã cà phê ứng dụng để sản xuất nhựa gia dụng/ PGS. TS. Vũ Minh Tân, TS. Lê Thị Hồng Nhung; TS. Đặng Hữu Trung; TS. Nguyễn Ngọc Thanh; PGS.TS. Nguyễn Quang Tùng; TS. Phạm Thị Mai Hương; ThS. Ngô Thúy Vân; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Phạm Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Trung Đức - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo nhựa polyme compozit trên cơ sở polypropylen (PP) gia cường bằng bã cà phê trên thiết bị ép đùn 2 trục vít gồm các công đoạn: lựa chọn và chuẩn bị nguyên liệu, gia công chế tạo hạt nhựa polyme compozit. Chế tạo thử 75kg hạt nhựa polyme compozit polypropylen (PP) gia cường bằng bã cà phê dùng để chế

tạo thớt dẻo và 75kg hạt nhựa polyme compozit polypropylen (PP) gia cường bằng bã cà phê để chế tạo muôi xới com. Xây dựng được quy trình công nghệ chế tạo nhựa gia dụng (thớt dẻo, muôi xới com) từ hạt nhựa polyme compozit PP gia cường bã cà phê. Chế tạo thử nghiệm 20 sản phẩm mỗi loại thớt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng một số chỉ tiêu theo qui định.

Số hồ sơ lưu: 22093

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

88141. 09-2023 **Hoàn thiện quy trình công nghệ và sản xuất thử nghiệm vải dệt kim có khả năng kháng khuẩn cao và được thương mại hoá trên thị trường/ ThS. Phạm Văn Lượng, Nguyễn Đức Hóa; Nguyễn Văn Thông; Nguyễn Văn Huỳnh; Nguyễn Thanh Hương; Nguyễn Hoàng Yến; Trần Đức Trung; Bùi Thanh Trúc; Phạm Khánh Toàn; Nguyễn Hữu Đông; Phạm Thị Vui Nguyễn Đức Hóa; Nguyễn V - Hà Nội - Công ty Cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu lựa chọn hóa chất, thuốc nhuộm để tiền xử lý nhuộm và hoàn tất vải dệt kim ít ảnh hưởng đến khả năng kháng khuẩn vốn có của sợi đồng thời đảm bảo chỉ tiêu an toàn cho vải. Nghiên cứu lựa chọn thiết bị tiền xử lý, nhuộm và hoàn tất phù hợp để sản xuất vải kháng khuẩn. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất vải dệt kim có khả năng kháng khuẩn cao từ sợi

kháng khuẩn. Tạo ra sản phẩm vải dệt kim có khả năng kháng khuẩn đạt yêu cầu chất lượng cao: có khả năng kháng khuẩn cao và bền với nhiều lần giặt. Sản xuất thử nghiệm vải dệt kim kháng khuẩn cao quy mô công nghiệp tại Việt Nam: qui mô 35 tấn

Số hồ sơ lưu: 21809

88200. 09-2023 **Nghiên cứu sản xuất Paste màu (đen, trắng, đỏ, xanh và vàng) phục vụ ngành công nghiệp sơn và ứng dụng trong lĩnh vực da - giấy/** ThS.Trần Văn Vinh, CN. Nguyễn Bá Cường; KS. Ngô Thị Lại; CN. Nguyễn Thị Thùy; CN. Đặng Thị Thanh Nga; ThS. Phạm Phú Dũng; CN. Nguyễn Minh Trung; KTV. Lê Quang Tuấn; KS. Vũ Kiên Định; KS. Hoàng Ngọc Châu - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Da - Giấy, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất Paste màu đa tương hợp trong ngành sơn. Tiến hành sản xuất Paste màu (Đen, Trắng, Xanh, Đỏ và Vàng) ứng dụng cho lĩnh vực da - giấy. Từ đó, ứng dụng sản phẩm tại 2 - 3 doanh nghiệp sản xuất ngành da giấy.

Số hồ sơ lưu: 21678

88214. 09-2023 **Xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất đế trong của giày từ chất thải rắn ngành thuộc da (mùn bào crom, da vụn) và phế phụ phẩm công - nông nghiệp giàu cellulose/** ThS. Nguyễn Hùng Sơn, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; ThS. Lưu Toàn Năng; KS. Đỗ

Mạnh Hùng; CN. Đỗ Thu Bích; CN. Lê Thị Hồng Vân; KS. Nguyễn Thị Hồng Huệ; TS. Vũ Đình Giáp; TS. Đỗ Thị Cẩm Vân; TS. Võ Thị Cương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Da - Giấy, 2022; 02/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng về áp dụng mô hình giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn trong ngành da giày. Đánh giá thực trạng và lựa chọn phế phụ phẩm công - nông nghiệp giàu cellulose làm nguyên liệu sản xuất đế giày. Tiến hành xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất đế trong của giày từ chất thải rắn. Hoàn thiện các thông số thích hợp sản xuất đế trong của giày từ chất thải rắn, tiến tới xây dựng mô hình sản xuất thí điểm.

Số hồ sơ lưu: 21692

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

87818. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp sử dụng đất ngập nước trong phạm vi lòng hồ phục vụ việc nâng cấp, sửa chữa các đập vật liệu địa phương khu vực miền Bắc chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu/** TS. Đinh Thế Mạnh, TS. Trần Văn Toàn; TS. Chu Phượng Chí; KS. Hà Xuân Quang; ThS. Nguyễn Đình Hiệp; ThS. Ngô Thị Thùy Anh; TS. Hồ Hồng Sao; KS. Nguyễn Đình Tài; KS. Nguyễn Văn Đỗ; CN. Hà Linh Ngọc - Hà Nội - Hội Thủy Lợi Việt Nam, 2022; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng về trữ lượng và các chỉ tiêu cơ lý đất ngập nước

trong phạm vi lòng hồ ở một số tỉnh thuộc khu vực miền Bắc, Việt Nam; Đánh giá nhu cầu và tiềm năng sử dụng đất ngập nước trong các lòng hồ phục vụ việc nâng cấp và sửa chữa các đập VLĐP ở một số tỉnh khu vực miền Bắc, Việt Nam chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; Đề xuất giải pháp khai thác và sử dụng đất ngập nước trong phạm vi lòng hồ nhằm giải quyết khó khăn nguồn vật liệu phục vụ việc nâng cấp và sửa chữa các đập VLĐP ở một số tỉnh khu vực miền Bắc, Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22320

88146. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ MBBR trong xử lý sinh học kỵ khí nước thải nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp/** TS. Nguyễn Thị Thu Hiền , ThS. Tạ Thanh Tùng ; ThS. Võ Thành Lê; ThS. Lê Quốc Dũng ; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát đánh giá công nghệ thiết bị xử lý nước thải bằng phương pháp kỵ khí tại một số doanh nghiệp sản xuất giấy bao bì công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng quy trình xử lý nước thải sản xuất giấy bao bì theo công nghệ kỵ khí có giá thể di động ở quy mô phòng thí nghiệm. Thiết kế, xây dựng mô hình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất giấy theo phương pháp kỵ khí có ứng dụng MBBR quy mô pilot. Đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật và môi trường: Trên cơ sở các số liệu nghiên cứu tiến hành tổng

hợp, đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21778

88147. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng bột ozone kích thước micro cho xử lý màu nước thải sản xuất bột giấy và giấy/** TS. Đặng Văn Sơn, TS. Nguyễn Thị Thu Hiền ; ThS. Tạ Thanh Tùng ; ThS. Lê Công Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Võ Thành Lê; TS. Nguyễn Quang Long - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống thiết bị tạo bột ozone kích thước micro xử lý nước thải liên hợp sản xuất bột giấy và giấy. Nghiên cứu, xây dựng mô hình hệ thống thiết bị tạo bột ozone kích thước micro quy mô phòng thí nghiệm. Tiến hành ứng dụng hệ thống thiết bị tạo bột ozone kích thước micro xử lý nước thải liên hợp sản xuất bột giấy và giấy. Qua đó, đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21777

88155. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí phục vụ thẩm định, đánh giá, công bố công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt/** ThS. Nguyễn Thế Thông, ThS. Dương Thị Phương Anh; TS. Dương Thanh An; TS. Hoàng Hồng Hạnh; ThS. Phạm Ánh Huyền; ThS. Hoàng Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà (1982); ThS. Nguyễn Thị Thu Hà (1985); ThS. Nguyễn Thượng Hiền; TS. Nguyễn Trần Điện - Hà Nội -

Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số phục vụ thẩm định, đánh giá và công bố công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Tìm hiểu thực trạng sử dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các tiêu chí để thẩm định, đánh giá và công bố công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam. Qua đó, đề xuất bộ tiêu chí, chỉ số thẩm định, đánh giá và công bố công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và hướng dẫn kỹ thuật áp dụng bộ tiêu chí, chỉ số phục vụ thẩm định, đánh giá và công bố công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Số hồ sơ lưu: 21769

88157. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, chính sách khuyến khích đầu tư khu vực kinh tế tư nhân vào xử lý nước thải khu công nghiệp và đô thị/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, ThS. Đặng Thị Phương Hà; PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh; TS. Mai Thanh Dung; TS. Lại Văn Mạnh; TS. Nguyễn Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Minh Khoa; PGS.TS. Lê Hà Thanh; TS. Hoàng Hồng Hạnh; TS. Lương Minh Huân - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 07/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về giải pháp, chính sách khuyến khích đầu tư khu vực kinh tế tư nhân vào xử lý nước thải khu công nghiệp và đô thị. Phân tích,

đánh giá hiện trạng xử lý nước thải của khu vực kinh tế tư nhân; hiện trạng đầu tư, các giải pháp, chính sách khuyến khích đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân vào xử lý nước thải khu công nghiệp và đô thị ở Việt Nam. Dự báo thị trường xử lý nước thải khu công nghiệp và đô thị và đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân vào xử lý nước thải khu công nghiệp và đô thị ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp chính sách khuyến khích đầu tư kinh tế tư nhân vào xử lý nước thải khu công nghiệp và đô thị ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21764

88205. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp và hộ gia đình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt/** GS. TS. Trần Hiếu Nhuệ, ThS. Nguyễn Quốc Công; TS. Lê Hoàng Lan; TS. Trần Văn Miêu; TS. Nguyễn Văn Phương; PGS.TS. Phùng Chí Sỹ; PGS.TS. Trần Yên; PGS.TS. Trịnh Thị Thanh; PGS.TS. Lê Bắc Huỳnh; ThS. Hàn Trần Việt - Hà Nội - Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về quản lý chất thải rắn sinh hoạt bào gồm (thu gom, vận chuyển và xử lý). Nghiên cứu thực trạng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt ở Việt Nam. Xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn về sự tham gia của doanh nghiệp và hộ gia đình trong thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn

sinh hoạt. Từ đó, đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách phù hợp thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và hộ gia đình trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Số hồ sơ lưu: 21696

88242. 09-2023 **Nghiên cứu xác định thành phần $\delta^{13}\text{C}$ của một số rác thải nhựa có nguồn gốc khác nhau**/ ThS. Hà Lan Anh, TS. Võ Thị Anh; KS. Vũ Hoài; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; KS. Mai Đình Kiên - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình phân tích $\delta^{13}\text{C}$ của rác thải nhựa trong môi trường nước trên hệ phổ kế tỷ số đồng vị EA – IRMS và Xác định thành phần đồng vị $\delta^{13}\text{C}$ trong một số loại rác thải nhựa trong nước. Tổng quan về các loại nhựa và hiện trạng ô nhiễm rác thải nhựa. Nghiên cứu, xây dựng quy trình phân tích $\delta^{13}\text{C}$ của rác thải nhựa trong môi trường nước trên hệ phổ kế tỷ số đồng vị EA – IRMS. Phân tích thành phần đồng vị $\delta^{13}\text{C}$ trong một số loại rác thải nhựa.

Số hồ sơ lưu: 22097

88562. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải chứa nhân phóng xạ có nguồn gốc tự nhiên (NORM)**/ ThS. Lại Tiến Thịnh, ThS. Bùi Thị Dung; ThS. Nguyễn An Trung; ThS. Nguyễn Thị Hoàn; ThS. Phạm Xuân Linh; CN. Nguyễn Tiến Mạnh; ThS. Trương Quốc Hoài; ThS. Nguyễn Thị Mai Hiền; ThS. Nguyễn Thành Long; ThS.

Trần Vĩnh Thành; ThS. Nguyễn Đăng Nguyên; KS. Thân Quang Minh - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận biết, đánh giá hiện trạng chất thải NORM tại Việt Nam. Nghiên cứu các lựa chọn về quản lý chất thải NORM và đề xuất lựa chọn tối ưu cho việc quản lý chất thải NORM tại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu tiêu chí, mô hình để phân loại và quản lý chất thải NORM theo IAEA và một số quốc gia phát triển. Tiến hành khảo sát, thu thập và phân tích mẫu để đánh giá đặc trưng phóng xạ trong chất thải NORM tại Lai Châu, Hải Phòng, Tây Nguyên. Tiến tới xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải chứa nhân phóng xạ có nguồn gốc tự nhiên (NORM).

Số hồ sơ lưu: 21668

20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)

88662. 09-2023 **Hoàn thiện các giải pháp công nghệ xử lý bờ trụ mỏ than Na Dương đảm bảo an toàn cho các công trình trên bề mặt và khai thác xuống sâu**/ TS. Lưu Văn Thực, TS. Lê Công Cường; TS. Đỗ Ngọc Tước; TS. Đoàn Văn Thanh; ThS. Vũ Đình Trường; ThS. Lê Bá Phúc; ThS. Đàm Công Khoa; ThS. Phạm Xuân Tráng; ThS. Đỗ Kiên Cường; ThS. Nguyễn Hữu Huân; ThS. Trần Tuấn Anh; KS. Nguyễn Tử Vinh; ThS. Trần Hồng

Minh; ThS. Nguyễn Nam Hải; KS. Trần Vũ Thăng; KS. Tôn Thu Hương; KS. Bùi Thị Lê Na; KS. Vũ Thị Hoàng Anh; KS. Đỗ Thị Bích Ngọc; ThS. Vũ Minh Tân; KS. Đặng Xuân Lý; KS. Nguyễn Ngọc Huân; KS. Lưu Quốc Huy; GS.TS. Bùi Xuân Nam; TS. Nguyễn Anh Tuấn - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2022; 01/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ xử lý bờ trụ bao gồm: Các giải pháp công nghệ bóc đất đá bờ trụ, quản lý ổn định bờ mỏ và ảnh hưởng của nước ngầm đáp ứng khai thác xuống sâu và an toàn cho các công trình trên bề mặt bờ trụ; Áp dụng công nghệ xử lý bóc đất đá bờ trụ, khoan giảm áp và quan trắc ổn định tại bờ trụ mỏ than Na Dương. Khảo sát hiện trường, thu thập số liệu phục vụ công tác lập phương án xử lý bờ trụ mỏ than Na Dương; Thực nghiệm và xác định phạm vi áp dụng các giải pháp xử lý bờ trụ mỏ than Na Dương; Thiết kế sơ đồ, thông số và quy trình công nghệ xử lý bờ trụ mỏ than Na Dương (bóc đất đá, khoan giảm áp, quan trắc ổn định bờ mỏ); Thi công thử nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm các giải pháp xử lý bờ trụ; Hoàn thiện Quy trình công nghệ các giải pháp xử lý bờ trụ;

Số hồ sơ lưu: 22066

20704. Viễn thám

87756. 09-2023 Nghiên cứu ứng dụng ảnh vệ tinh SPOT 6, 7 lập thể trong đo vẽ địa hình phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000/ ThS. Cao Xuân

Triều, ThS. Phan Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Hà Phú; KS. Lê Văn Hiệp; ThS. Đặng Thị Liên; ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung; ThS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Lê Duy Hiếu; KS. Trần Đức Thuận; ThS. Lê Thị Sinh - Hà Nội - Ban Quản lý các dự án đo đạc và bản đồ, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các nghiên cứu và ứng dụng ảnh vệ tinh SPOT 6, 7 lập thể trong đo vẽ địa hình và cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam. Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học cho giải pháp kỹ thuật công nghệ đo vẽ ảnh địa hình ở khoảng cao đều đường bình độ cơ bản 10m bằng ảnh vệ tinh SPOT 6, 7 lập thể. Nghiên cứu đề xuất quy trình công nghệ đo vẽ đo vẽ ảnh vệ tinh SPOT 6, 7 lập thể phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000. Thực nghiệm ứng dụng ảnh vệ tinh SPOT 6, 7 lập thể để đo vẽ địa hình phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000 theo quy trình công nghệ đề xuất. Hoàn thiện quy trình công nghệ đo vẽ đo vẽ ảnh vệ tinh SPOT 6, 7 lập thể phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000 và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thực hiện quy trình công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 22464

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

88165. 09-2023 Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy bơm ly tâm một cấp hút hai phía, cột áp cao tới 200 m, phục vụ thoát nước trong khai thác mỏ/ ThS. Đặng

Quang Hào, KS. Trần Mạnh Trường; KS. Nguyễn Đức Cách; KS. Đào Đình Toàn; KS. Đinh Quang Đông; ThS. Nguyễn Mạnh Hưng; KS. Phạm Văn Ngung; KS. Nguyễn Ngọc Bảo; KS. Quách Văn Bình - Hải Dương - Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý thuyết tính toán thiết kế, mô phỏng và tối ưu hóa biên dạng thủy lực của bộ dẫn dòng máy bơm ly tâm hút 2 phía cột áp cao 200m phục vụ thoát nước trong khai thác mỏ. Nghiên cứu làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo máy bơm ly tâm một cấp hút hai phía cột áp cao phục vụ cho thoát nước mỏ, hạn chế nhập khẩu. Tiến hành thiết kế, chế tạo hoàn chỉnh 01 tổ máy bơm ly tâm một cấp hút hai phía cột áp cao tới 200 m và lắp đặt, thử nghiệm tại một mỏ khai thác than vùng Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: 21738

88173. 09-2023 **Nghiên cứu công nghệ và thiết bị chế biến sâu khoáng vermiculit thành sản phẩm có giá trị gia tăng cao/** ThS. Nguyễn Quang Minh, TS. Nguyễn Thị Phương Hoà; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; KS. Nguyễn Minh Đăng; TS. Đỗ Thanh Hải; ThS. Vũ Tuấn Anh; TS. Đỗ Mạnh Hùng; KS. Mai Ngọc Anh Tuấn; TS. Hoàng Thân Hoài Thu; KS. Hoàng Trọng Hà; ThS. Nguyễn Thị Hồng Gấm; ThS. Đỗ Thị Như Quỳnh; ThS. Phạm Anh Tài; KS. Phạm Ngọc Liêm; KS. Lương Thị Cẩm Tú; KS. Nguyễn Duy Thanh; KS. Dương Quang

Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Lâm Thị Tho; TS. Trần Thị Liên; ThS. Đào Duy Nam; CN. Trần Nhật Đức; CN. Nguyễn Thuỳ Phương Dung - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát đánh giá tình hình chế biến, tiềm năng ứng dụng và công nghệ sản xuất vermiculit trên thế giới và ở Việt Nam. Nghiên cứu, thiết kế, lập phương án và thi công lấy mẫu công nghệ, tìm hiểu phương pháp tuyển cơ học để gia công, tuyển tách sét quặng vermiculit phòng thí nghiệm. Nghiên cứu tiền xử lý tách oxit sắt và một số oxit kim loại, bằng phương pháp hóa học, qui mô phòng thí nghiệm. Đồng thời, nghiên cứu qui trình công nghệ chế biến vermiculit phòng nở thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao qui mô phòng thí nghiệm và thiết kế chế tạo hệ thiết bị pilot chế biến sâu vermiculit trên cơ sở thiết bị sẵn có, qui mô 1 m³ /ngày. Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm vermiculit biến tính và ứng dụng thử nghiệm sản xuất. Đánh giá hiệu quả kinh tế-kỹ thuật và môi trường của công nghệ và xây dựng phương án triển khai ở qui mô lớn hơn.

Số hồ sơ lưu: 21730

88195. 09-2023 **Nghiên cứu lựa chọn giải pháp công nghệ điều khiển áp lực mỏ trong các trường hợp đá vách bền vững khó sập đổ và đá vách mềm yếu, kém bền vững/** TS. Phạm Đức Thang, TS. Trương Đức Dư; ThS. Phạm Khánh

Minh; PGS.TS. Phùng Mạnh Đắc; KS. Nguyễn Văn Diệp; TS. Phạm Trung Nguyên; ThS. Trần Tuấn Ngạn; TS. Đào Ngọc Hoàng; ThS. Nguyễn Ngọc Minh; TS. Tạ Văn Kiên - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ Tiến Bộ Kỹ thuật Mỏ, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan đặc điểm đá vách các vỉa than thoải đến nghiêng và hiện trạng áp dụng các giải pháp điều khiển áp lực mỏ trong khai thác lò chợ khi đá vách khó sập đổ hoặc mềm yếu ở các mỏ hầm lò vùng Quảng Ninh. Tổng quan về phân loại đá vách và các giải pháp điều khiển áp lực mỏ trong lò chợ vỉa thoải đến nghiêng khi đá vách khó sập đổ hoặc mềm yếu ở các mỏ than hầm lò trên thế giới. Nghiên cứu xác định các khu vực lò chợ có đá vách khó sập đổ hoặc mềm yếu ở các mỏ than hầm lò Quảng Ninh. Tìm hiểu trạng thái ứng suất khối đá mỏ khi thực hiện giải pháp làm yếu vách sơ bộ hoặc gia cường và lựa chọn giải pháp điều khiển áp lực mỏ phù hợp cho lò chợ vùng Quảng Ninh. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ điều khiển áp lực mỏ trong lò chợ vỉa thoải đến nghiêng có đá vách khó sập đổ hoặc mềm yếu ở vùng Quảng Ninh và tiến hành nghiên cứu lập thiết kế áp dụng một giải pháp đề xuất ở một mỏ được lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: 21705

20707. Kỹ thuật đại dương

88623. 09-2023 **Nghiên cứu và phát triển thiết bị ngầm không người lái phục vụ giám sát và thăm dò đáy biển/ PGS. TS. Phan**

Anh Tuấn, PGS.TS. Ngô Văn Hệ; PGS.TS. Lương Ngọc Lợi; PGS.TS. Lê Quang; PGS.TS. Vũ Duy Hải; ThS. Lê Xuân Thành; TS. Nguyễn Đông; TS. Lưu Hồng Quân; ThS. Phạm Xuân Tùng; ThS. Ngô Đình Hòa; ThS. Đỗ Thành Công - Hà Nội - Viện Cơ khí Động lực, 2022; 12/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp nghiên cứu trên thế giới về phương tiện lặn. Tìm hiểu hiện trạng tình hình nghiên cứu thiết bị lặn không người lái và tình hình nghiên cứu phương tiện lặn trong nước để đưa ra định hướng phát triển thiết bị lặn ROV của nhiệm vụ. Tiến hành thiết kế thiết bị lặn không người lái ROV và mô phỏng số thiết bị lặn ROV cũng như công nghệ chế tạo thiết bị lặn ROV.

Số hồ sơ lưu: 21791

20708. Kỹ thuật bờ biển

88222. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ chống xói lở, bảo vệ bờ biển hợp lý cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long dựa trên mô hình vật lý/ TS. Nguyễn Nguyệt Minh, ThS. Lê Xuân Tú; PGS.TS. Trần Bá Hoàng; PGS.TS. Tô Văn Thanh; TS. Nguyễn Duy Khang; GS.TS. Lê Mạnh Hùng; PGS.TS. Đinh Công Sản; ThS. Lê Thanh Chương; PGS.TS. Nguyễn Phú Quỳnh; PGS.TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; TS. Trần Ánh Dương; TS. Nguyễn Công Thành; ThS. Bùi Huy Bình; KS. Nguyễn Đức Hùng; ThS. Nguyễn Tuấn Long; ThS. Lê Thị Minh Nguyệt; ThS. Trần Thị Trâm; ThS.**

Lê Thị Phương Thanh; ThS. Trần Thùy Linh; ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Bình Dương; KS. Nguyễn Công Phong; KS. Phạm Văn Hiệp; KS. Lương Thanh Tùng; KS. Trần Bá Hoàng Long; KS. Khổng Văn Tuấn; KS. Trương Ngọc Đạt; CN. Lê Duy Tú; ThS. Lê Thị Hiền - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2022; 12/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá sự phù hợp của các giải pháp công nghệ chống xói lở, bảo vệ bờ biển đã xây dựng ở Đồng bằng sông Cửu Long từ kết quả điều tra, khảo sát thực tế. Đánh giá sự phù hợp của giải pháp công trình chống xói lở, bảo vệ bờ biển đã xây dựng ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng mô hình toán. Kiểm định chức năng và hiệu quả bảo vệ bờ của các công trình trên mô hình vật lý trong bể sóng. Tiến hành tổng hợp đánh giá và lựa chọn công trình bảo vệ bờ biển phù hợp ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 21771

20799. Kỹ thuật môi trường khác

88167. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo dự báo lượng mưa hỗ trợ cảnh báo lũ quét cho khu vực tỉnh Lai Châu/ PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Doanh; TS. Trần Mạnh Tuấn; PGS.TS. Lê Hoàng Sơn; PGS.TS. Trần Kim Châu; PGS.TS. Phạm Văn Chiến; ThS. Kiều Tuấn Dũng; PGS.TS. Ngô Văn Quận; TS. Lã Phú Hiến; ThS. Hoàng Minh Toán - Hà Nội - Trường Đại**

học Thủy lợi, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày về bài toán, tổng quan về mô hình, cơ sở lý thuyết có liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài. Trình bày nội dung nghiên cứu chính của đề tài. Mô hình sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dự báo lượng mưa hỗ trợ cảnh báo lũ quét. Trình bày các kết quả thực nghiệm các mô hình đề xuất ở chương 2 trên bộ dữ liệu radar. Các thực nghiệm được xây dựng với mong muốn hỗ trợ dự báo lượng mưa và phát triển tiếp để cảnh báo lũ quét.

Số hồ sơ lưu: 21801

20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)

87856. 09-2023 **Phân tích sàng lọc 947 chất hữu cơ trong đất ruộng bị ngập lụt và sự phân hủy của thuốc trừ sâu trong đất dưới ảnh hưởng của một số điều kiện môi trường/ TS. Trịnh Thu Hà, GS.TS. Lê Trường Giang; TS. Đào Hải Yến; TS. Dương Thị Hạnh; ThS. Đặng Thị Mai; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2022; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu phương pháp chiết tách và phân tích đồng thời gần 950 chất ô nhiễm hữu cơ trong đất bị ngập lụt bằng GC-MS kết hợp phần mềm AIQS-DB. Nghiên cứu thành phần, hàm lượng và nguồn phân tán của các chất ô nhiễm hữu cơ trong

ruộng bị ngập tại khu vực miền Trung, Việt Nam. Nghiên cứu phương pháp chiết tách và phân tích các sản phẩm chuyển hóa của thuốc trừ sâu nhóm cacbamate trong đất trên thiết bị GC-MS và sắc ký lỏng ghép nối phối khối (LC-MS/MS). Nghiên cứu sự phân hủy của thuốc trừ sâu cacbamate trong đất dưới ảnh hưởng của pH, SDS, ánh sáng mặt trời và tia UV. Nghiên cứu phát hiện các sản phẩm chuyển hóa của thuốc trừ sâu cacbamate trong đất xuất hiện trong quá trình phân hủy dưới ảnh hưởng của pH, DOC, SDS, ánh sáng mặt trời và tia UV

Số hồ sơ lưu: 22326

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

88028. 09-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ - xúc tác dạng màng và sợi cấu trúc nano trên cơ sở nano kim loại hoặc oxit kim loại phân tán trên phế phụ phẩm nông - công nghiệp biến tính bằng các phương pháp tổng hợp hóa lý, ứng dụng trong xử lý nước thải/ PGS. TS. Nguyễn Văn Đăng, TS. Văn Hữu Tập; TS. Vũ Xuân Hòa; PGS.TS. Dương Nghĩa Bang; TS. Đặng Văn Thành; TS. Phạm Hoài Linh; TS. Trần Đăng Thành; PGS.TS. Trịnh Văn Tuyên; TS. Nguyễn Tuấn Minh; PGS.TS. Vũ Thị Kim Liên - Thái Nguyên - Trường Đại học khoa học, 2022; 11/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu chế tạo và khảo sát cấu trúc, tính chất của vật liệu cấu trúc nano 1,2,3 thành phần. Gắn kết

vật liệu cấu trúc nano 1,2,3 thành phần với than hoạt tính và tro bay thành vật liệu hấp phụ biến tính nano 1,2,3 thành phần. Nghiên cứu khả năng hấp kim loại nặng (As, Cd, Pb, Cr), các hợp chất hữu cơ khó phân hủy của vật liệu hấp phụ biến tính nano 1,2,3 thành phần. Chế tạo, lắp đặt thử nghiệm thiết bị xử lý nước thải nhiễm kim loại nặng, chất hữu cơ khó phân hủy công suất 50-100m³ /ngày.đêm.

Số hồ sơ lưu: 22454

88577. 09-2023 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu sensor trên nền nano oxit zirconium/Eu định hướng ứng dụng trong phát hiện hơi ethanol/ TS. Bùi Công Trình, ThS. Ngô Quang Huy; ThS. Nguyễn Đình Việt; TS. Lưu Xuân Đĩnh; ThS. Nguyễn Thanh Thủy - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Tổng hợp, phân tích các tài liệu chuyên ngành liên quan tới nghiên cứu tổng hợp vật liệu sensor trên nền nano oxit zirconium/Eu định hướng ứng dụng trong phát hiện hơi ethanol. Từ đó, đưa ra các thông số cơ bản của quá trình tổng hợp vật liệu sensor trên nền nano oxit zirconium/europium (quy mô phòng thí nghiệm) định hướng ứng dụng trong phát hiện hơi ethanol.

Số hồ sơ lưu: 21701

88600. 09-2023 **Chế tạo điện cực cấu trúc nano trong suốt dùng trong các linh kiện quang điện tử dẻo/ TS. Hoàng Mai Hà, PGS.TS. Nguyễn Đình Tuyên; GS.TS.**

Nguyễn Văn Tuyền; PGS.TS. Ngô Trinh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam; TS. Nguyễn Trần Thuật; ThS. Phan Đình Long; ThS. Hồ Thị Oanh; ThS. Trần Thị Thanh Hợp; ThS. Phạm Tùng Sơn; KS. Hắc Thị Nhung; CN. Nguyễn Đức Tuyền; ThS. Dương Thị Hải Yến; ThS. Phạm Xuân Mạnh; CN. Phạm Duy Linh - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2022; 10/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các vật liệu có cấu trúc nano ứng dụng chế tạo điện cực trong suốt: Sợi nano bạc AgNW; hạt nano bạc AgNPs; vật liệu tổ hợp nano bạc/graphen (GNs); vật liệu tổ hợp polyme dẫn cấu trúc nano. Nghiên cứu chế tạo các điện cực trong suốt có khả năng dẫn điện tốt trên đế thủy tinh cứng hoặc trên đế plastic mềm dẻo. Tiên hành sử dụng các điện cực này để chế tạo linh kiện pin mặt trời hữu cơ (OPV) dạng thông thường và dạng mềm dẻo. Đồng thời tiên hành trao đổi kiến thức khoa học trong lĩnh vực công nghệ nano và vật liệu chức năng dùng trong linh kiện quang điện tử và đào tạo nguồn nhân lực và góp phần phát triển quan hệ hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Số hồ sơ lưu: 21751

21101. Kỹ thuật thực phẩm

88406. 09-2023 **Ứng dụng công nghệ sản xuất chả hải sản chất lượng cao đảm bảo an toàn thực phẩm.**/ KS. Lê Minh Chung, KS. Lê Minh Chung; Nguyễn Thị Nga; Phạm Thị Điềm; Phan Thị Hương;

Bùi Thị Minh Nguyệt; Võ Thị Như Trang - Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh. - Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh, 2023; 09/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất chả cá có ứng dụng công nghệ tạo gel phù hợp với điều kiện sản xuất của doanh nghiệp. Hoàn thiện quy trình sản xuất chả mực có ứng dụng công nghệ tạo gel phù hợp với điều kiện sản xuất của doanh nghiệp. Hoàn thiện quy trình sản xuất chả tôm có ứng dụng công nghệ tạo gel phù hợp với điều kiện sản xuất của doanh nghiệp. Đào tạo và sản xuất thử nghiệm sản phẩm theo quy trình (3 sản phẩm). Xây dựng hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 11/2023

3. Khoa học y, dược

88376. 09-2023 **Nghiên cứu sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh thoái hóa xương khớp từ nguồn dược liệu cây Đòn võ phát triển tại tỉnh Thái Nguyên/** Ngô Thị Phương, ThS. Ngô Thị Phương; PGS.TS. Lê Minh Hà; TS. Đỗ Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thị Phương Trang; TS. Bùi Kim Anh; ThS. Triệu Hà Phương; CN. Phương Anh Tuấn; BS CKI. Cao Thị Diễm; ThS. Nguyễn Thị Hương; CN. Nguyễn Trọng Vượng; CN. Phạm Thị Nhung; CN. Phương Văn Thu - Thái Nguyên - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2023; 03/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển nguồn dược liệu cây Đòn võ tại một số huyện của tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng được quy trình chiết xuất nhóm hoạt chất từ dược liệu cây Đòn võ và tạo sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh thoái hóa xương khớp. Xác định được tên khoa học cây Đòn võ và xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây Đòn võ tại tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu thành phần hóa học của lá hoặc thân cây Đòn võ và xây dựng được quy trình chiết xuất nhóm hoạt chất từ dược liệu cây Đòn võ. Đánh giá hoạt tính và tác dụng hỗ trợ thoái hóa xương khớp của chế phẩm chiết xuất từ lá hoặc thân cây Đòn võ và tạo sản phẩm hỗ trợ điều trị thoái hóa xương khớp.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-04

88389. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sàng lọc tiền sản giật quý I thai kỳ trên nhóm thai phụ có yếu tố nguy cơ cao và điều trị dự phòng tại Thái Nguyên/ Lê Thị Hương Lan, TS. Lê Thị Hương Lan; BSCKII. Lê Thị Minh Hiền; PGS.TS. Nguyễn Công Hoàng; ThS. Lương Thị Thanh Hương; BSCKII. Hoàng Đức Vĩnh; CN. Lê Viết Thắng; ThS. Nguyễn Bạch Hương Lan; BSCKII. Đào Minh Nguyệt; BSCKI. Nguyễn Thị Thanh Hoa; BSCKII. Đàm Bảo Lợi; BS. Lưu Thùy Hương; KTV. Nông Thị Dương; ThS. Phạm Thanh Loan; CN Tô Hải Yên - Thái Nguyên - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, 2023; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu xây dựng quy trình sàng lọc tiền sản giật ở quý 1 trên nhóm thai phụ có yếu tố nguy cơ cao và điều trị dự phòng tại Thái Nguyên. Xây dựng quy trình định lượng PlGF và sFlt – 1 phát hiện nguy cơ tiền sản giật sớm ở thai phụ có nguy cơ tiền sản giật. Xác định tỷ lệ thai phụ có nguy cơ cao tiền sản giật cần điều trị dự phòng tại Thái Nguyên. Xây dựng quy trình sàng lọc tiền sản giật ở quý 1 trên nhóm thai phụ có yếu tố nguy cơ cao và dự phòng điều trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-12

88390. 09-2023 **Ứng dụng kỹ thuật tán sỏi qua da đường hầm nhỏ điều trị sỏi thận tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên/ Lê Viết Hải, BSCKII. Lê Viết Hải; BSCKII. Trần Ngọc Tuấn; PGS.TS. Trần Đức Quý; TS. Lê Thị Hương Lan; ThS. Đào Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Bạch Hương Lan; ThS. Nguyễn Quang Dũng; BSCKI. Hoàng Văn Hiền; ThS. Hoàng Minh Huệ; ĐDCĐ. Lãng Thị Sen; KTV. Nguyễn Thị Thái - Thái Nguyên - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, 2023; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Ứng dụng thành công kỹ thuật tán sỏi qua da điều trị sỏi thận cho 100 bệnh nhân tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Đánh giá kết quả phẫu thuật tán sỏi qua da đường hầm nhỏ điều trị sỏi thận tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Đánh giá các tai biến, biến chứng và một số yếu tố liên quan đến kết quả phẫu

thuật. Chuyển giao được kỹ thuật này tới 02 Bệnh viện tuyến Tỉnh (Bệnh viện C và bệnh viện Gang thép).

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-13

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

88606. 09-2023 **Nghiên cứu hệ protein exosome trong huyết tương của bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ/ PGS. TS. Trịnh Hồng Thái, TS. Nguyễn Thị Tú Linh; TS. Đỗ Minh Hà; TS. Phạm Thị Bích; ThS. Lê Lan Phương; TS. Trịnh Thị Thanh Hương; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Bùi Phương Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 07/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu phân tách exosome từ huyết tương và xác định các protein của exosome có tiềm năng ứng dụng trong đánh giá nguy cơ, hỗ trợ chẩn đoán và tiên lượng bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ. Xây dựng quy trình dùng để phân tách exosome và các bóng ngoại bào kích thước 30- 200 nm từ mẫu huyết tương hoặc huyết thanh. Quy trình trong phân tách exosome và các bóng ngoại bào kích thước 30-200 nm từ huyết tương hoặc huyết thanh nhằm phân tích các chỉ thị protein, ADN, ARN, đặc biệt là các ARN không ghi mã giúp hỗ trợ chẩn đoán bệnh ung thư.

Số hồ sơ lưu: 21758

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả

quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

88227. 09-2023 **Đổi mới mô hình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại các cơ sở cai nghiện/ TS. Nguyễn Thị Hương, TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thị Giáng Hương; ThS. Phan Đình Thư; TS. Bùi Sỹ Tuấn; TS. Nguyễn Hữu Hùng; TS. Nguyễn Hồng Linh; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Thành Thu Trang; ThS. Phạm Thị Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Lao động - Xã hội (cơ sở 1), 2021; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới mô hình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại các cơ sở cai nghiện; Nghiên cứu mô hình cung cấp cai nghiện ma tuý của một số nước trên thế giới. Và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Tìm hiểu nhu cầu sử dụng dịch vụ cai nghiện của người nghiện ma tuý; đánh giá thực trạng mô hình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại Việt Nam. Phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới mô hình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại Việt Nam. Đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp đổi mới mô hình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại các cơ sở cai nghiện ma tuý đến năm 2030 tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22082

30401. Dược lý học

87663. 09-2023 **Nghiên cứu mối tương quan giữa đa hình nucleotid đơn của các gen ABCB1**

và OPRD1 với liều methadone điều trị thay thế ở các bệnh nhân nghiện chất dạng thuốc phiện tại tỉnh Ninh Bình/ PGS.TS. Đặng Thị Ngọc Dung, TS. Trần Khánh Chi; BSNT. Nguyễn Quỳnh Giao; ThS. BS. Tống Quang Thìn; BSCKI. Trịnh Thị Lệ Hằng; CN. Nguyễn Hoàng Yến; ThS. Lê Hoàng Nam; BSCKI. Ninh Đức Tú; BS. Trần Thị Lý; CN. Trần Thị Thu Hòa. - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2023; 07/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tính đa hình nucleotide đơn của các gen ABCB1 và OPRD1 ở bệnh nhân điều trị thay thế bằng methadone tại tỉnh Ninh Bình; Phân tích mối tương quan giữa đa hình nucleotide đơn của các gen ABCB1 và OPRD1 với liều methadone điều trị thay thế ở các bệnh nhân nghiện chất dạng thuốc phiện tại tỉnh Ninh Bình; Lựa chọn và lấy mẫu bệnh nhân nghiên cứu sử dụng cho phân tích gen ABCB1 và OPRD1; Chuẩn hóa quy trình xác định các đa hình nucleotide đơn gen ABCB1 và OPRD1 từ mẫu máu tĩnh mạch ngoại vi.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-09-2023

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

88132. 09-2023 Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu Đảng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook.f.et Thoms), Đinh lăng

(*Polyscias fruticosa* (L.) Harms), Nghệ vàng (*Curcuma longa* Linn) và Đương quy Nhật Bản (*Angelica acutiloba* (Sieb. et Zucc Kitagawa) tại Gia Lai/ KS. Phan Võ Ngọc Quyền, CN. Chu Hoài Trung; CN. Nguyễn Việt Hùng; CN. Mai Thị Thắm; TS. Trần Thị Liên; TS. Hoàng Diệu Linh; ThS. Trần Hữu Khánh Tân; ThS. Dương Thị Phúc Hậu; KS. Nguyễn Văn Linh; DS. Lê Nguyễn Duyên Thắm - Gia Lai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Gia Định tại Gia Lai, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, thu hoạch, sơ chế biến và bảo quản dược liệu đảng sâm, đinh lăng, nghệ vàng và đương quy Nhật Bản. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác sản xuất giống, trồng trọt, thu hoạch và sơ chế dược liệu đảng sâm, đinh lăng, nghệ vàng và đương quy Nhật Bản nhằm tạo vùng sản xuất dược liệu quy mô lớn, ổn định đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững cho người dân vùng cao, hướng tới xây dựng HTX để liên kết với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dược liệu tại tỉnh Gia Lai.

Số hồ sơ lưu: 21812

30404. Hoá dược học

88190. 09-2023 Nghiên cứu bào chế và sinh khả dụng của viên nén chứa tiểu phân nano fenofibrat đạt tiêu chuẩn hàm lượng và độ hòa

tan theo Dược điển Mỹ/ GS. TS. Nguyễn Ngọc Chiến, PGS.TS. Đàm Thanh Xuân; PGS.TS. Nguyễn Thị Kiều Anh; ThS. Lê Ngọc Khánh; ThS. Đào Anh Hoàng; ThS. Ngô Quang Trung; ThS. Tăng Thị Diệu Linh - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2023; 07/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xây dựng quy trình sản xuất viên nén chứa tiểu phân nano FB ở quy mô tối thiểu 100.000 viên/lô, đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ 43 về hàm lượng và độ hòa tan. Đồng thời, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng của viên nén bào chế. Đánh giá thông số động học của sản phẩm bào chế được và so sánh với viên chuẩn Lipanthyl Supra NT 145mg của Abbott.

Số hồ sơ lưu: 21691

4. Khoa học nông nghiệp

85289. 09-2023 **Bảo tồn nguồn gen cây Vù hương (*Cinamomum balansae* H.lect) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/ ThS. La Quang Độ, ThS. La Quang Độ; TS. Vũ Văn Thông; ThS. Hà Thị Mùi; CN. Phạm Ngọc Phiệt; ThS. Mai Quang Trường; ThS. Nguyễn Văn Mạn; ThS. Vũ Thị Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Xuân Viên; KS. Đỗ Đức Thịnh; ThS. Cao Thị Minh Nghĩa - Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Vy Anh - Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp VY Anh, 2022; 09/2016 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Bảo tồn được nguồn gen cây Vù hương. Tuyển chọn, nhân giống

nguồn gen từ cây giống gốc; xác định các giải pháp kỹ thuật nhân giống loài Vù Hương. Xác định chỉ thị AND mã vạch cho mẫu giống cây Vù Hương Thái Nguyên và công bố trên ngân hàng gen thế giới. Lưu trữ, xây dựng mô hình bảo tồn chuyển vị cây Vù Hương được nhân giống từ cây giống gốc để xây dựng rừng giống tại tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu sẽ được ứng dụng cho việc bảo tồn, lưu trữ và phát triển loài cây Vù Hương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; là cơ sở để cung cấp nguồn giống phục vụ công tác trồng rừng bằng cây bản địa. Các quy trình kỹ thuật của dự án có khả năng tiếp tục nghiên cứu, phát triển hoàn thiện công nghệ và ứng dụng vào sản xuất phục vụ trực tiếp công tác bảo tồn, phát triển rừng của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-02

88281. 09-2023 **Sản xuất và hoàn thiện quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo cá Ong bầu (*Rhynchopelates oxyrhynchus* Teminck & Schelegel, 1842) phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Thừa Thiên Huế/ ThS. Võ Công Tiến, TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Thành; KS. Trương Trọng Quý; KS. Ngô Thời Túy - Thừa Thiên Huế - Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Thanh Bình, 2023; 01/2022 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Sản xuất được giống cá Ong Bầu ở quy mô thương mại với công suất đạt 50.000 con/đợt sinh sản. Tỷ lệ thành thực cá bố mẹ >60%, tỷ lệ tham gia sinh sản > 80%; tỷ lệ trứng

thụ tinh > 65%; tỷ lệ nở > 80%; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương > 15%, cá hương lên cá giống (1-2 cm) > 80%.

Số hồ sơ lưu: 211/KQNC

88305. 09-2023 Nghiên cứu, xây dựng quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm thảo mộc phòng trị sâu bệnh hại cây trồng tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp/ KS. Lê Chí Hiếu, KS. Lê Chí Hiếu; KS. Võ Hữu Phúc; KS. Đặng Thanh Danh; KS. Vũ Quang Đạo; ThS. Lê Nguyễn Tú Linh; ThS. Trần Thị Linh Giang; CN. Lê Quang Điền; KS. Lê Chiến Ân; KS. Lê Thành Tính; KS. Tạ Thị Huỳnh Đào - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Cao Lãnh - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Cao Lãnh, 2021; 09/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hiện nay, từ kinh nghiệm và thực nghiệm tại Tâm quê Hội quán xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh đã tạo ra được công thức gồm các thành phần: tỏi, ớt và gừng có khả năng sử dụng phòng trị một số đối tượng gây hại như: sâu khoang, sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ, Rệp, kiến, mối, bọ cánh cứng, sâu đục thân, sâu bướm, ốc sên trên cây trồng. Nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc sử dụng kết hợp 3 loại thảo mộc (trong công thức của Tâm quê Hội quán xã Tân Thuận Tây) vào thực tế, giúp hạn chế sâu bệnh hại trên cây trồng; an toàn cho môi trường và người sử dụng. Đề tài “Nghiên cứu, xây dựng quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm thảo mộc phòng trị

sâu bệnh hại cây trồng tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp” được đề xuất.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-003

88321. 09-2023 Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất kiệu (*Allium chinense*) đạt chứng nhận Vietgap tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp/ TS. Võ Thị Bích Thủy, TS. Võ Thị Bích Thủy; PGS.TS. Trần Thị Ba; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga; TS. Trịnh Thị Xuân; TS. Đoàn Thị Kiều Tiên; ThS. Cao Bá Lộc; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Hằng; ThS. Nguyễn Thị Minh Châu; ThS. Nguyễn Anh Tàu; KS. Nguyễn Thị Bích Dân - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ, 2020; 02/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất Kiệu, Thay đổi tập quán sản xuất Kiệu vẫn là trồng liên tục nhiều năm trên một thửa ruộng, mật độ trồng cao, sử dụng phân hữu cơ với liều lượng rất thấp đối với loại rau lấy củ trong khi đất rất nghèo hữu cơ, hạn chế phân hóa học tránh dẫn đến suy thoái đất, sâu bệnh gây hại ngày càng nhiều, đặc biệt bị dòi đục lá (*Liriomyza sativae*), bệnh cháy lá, thối củ (do vi khuẩn *Xanthomonas sp.*) và cần có biện pháp quản lý tốt Kiệu giống... Mặt khác, cần chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm kiệu, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ để đầu ra cao hơn. Đối với Kiệu tươi, thu hoạch khá tập trung nên có thương lái đến ruộng thu mua, còn Kiệu làm giống thì gần đến ngày thu hoạch, nông dân liên hệ với thương lái để

đặt trước số lượng và thương lượng giá cả, Chỉ có một cơ sở làm dưa Kiệu (chủ yếu đem Kiệu về rửa sạch, ngâm muối, chưa được cấp giấy chứng nhận vì chưa có nguồn nguyên liệu Kiệu an toàn, đang trong quá trình xây dựng thương hiệu Kiệu Phú Hiệp nên nông dân trồng Kiệu ở Tam Nông ngày càng đối mặt với nhiều khó khăn.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-006

88362. 09-2023 **Dự án: Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Mận máu Hoàng Su Phì" cho sản phẩm Mận máu của huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang/** Ths. Trần Thế Như Hiệp, ThS. Dương Hoài An; KS. Ngô Đức Cường; ThS. Nguyễn Thị Thảo Nguyên; CV. Trần Sỹ Nhân; ThS. Tạ Quang Tường. - Cần Thơ - Viện Khoa học và Công nghệ Mekong Cần Thơ, 2022; 10/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tạo lập cơ chế bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận "Mận Máu Hoàng Su Phì" cho sản phẩm Mận Máu Hoàng Su Phì nhằm nâng cao uy tín sản phẩm mận Mận máu trên thị trường. Đăng ký bảo hộ thành công Nhãn hiệu chứng nhận "Mận Máu Hoàng Su Phì"; Xây dựng hệ thống quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận "Mận Máu Hoàng Su Phì"; Quảng bá và giới thiệu sản phẩm "Mận Máu Hoàng Su Phì" trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

88373. 09-2023 **Phát triển mở rộng ứng dụng công nghệ iMetos**

hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho huyện Phú Bình, huyện Võ Nhai, thị xã Phổ Yên và thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên/ Tô Đức Hải, ThS. Tô Đức Hải; KS. Nguyễn Phương Linh; ThS. Phạm Thị Kim Hoàn; KS. Trần Xuân Hùng; KS. Nguyễn Ngọc Quang; CN. Lê Thị Ngân; CN. Nguyễn Thị Phượng - Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Giải pháp Thời tiết WeatherPlus, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Mở rộng ứng dụng iMetos trong quan trắc, dự báo thời tiết, cảnh báo sâu bệnh nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho 04 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (huyện Phú Bình, Võ Nhai, thành phố Phổ Yên và thành phố Sông Công) và đồng bộ hóa với hệ thống trạm iMetos đã đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Theo dõi, hoàn thiện mô hình cảnh báo sâu bệnh trên cây chè. Vận hành và kết nối đồng bộ hệ thống 10 trạm trên địa bàn tỉnh gồm 9 trạm tổng hợp và 01 trạm đo mưa. Xây dựng cơ chế quản lý, tài chính để duy trì và khai thác hệ thống.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-02

88380. 09-2023 **Bảo tồn nguồn gen cây Đinh mật (*Fernandoa brilletii*) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/** KS. Phạm Quang Cảnh; TS. Vũ Văn Thông; ThS. Hà Thị Mùi; ThS. Mai Quang Trường; ThS. La Quang Độ; KS. Phạm Ngọc Phiệt; CN. Phạm Thị Đoàn; Nguyễn Thị Phượng; Bùi Cao Lân - Thái Nguyên - Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Vy Anh, 2023;

06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học của loài cây Đinh mật nhằm phục vụ phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường ở tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời nâng cao nhận thức bảo tồn nguồn gen quý để phục vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo và phát triển sản xuất trong tương lai. Điều tra, đánh giá thực trạng phân bố, khai thác, sử dụng, trữ lượng loài Đinh mật. Thu thập, tuyển chọn cây giống gốc, nhân giống vô tính (giâm hom, cấy mô), hữu tính để bảo tồn nguồn gen; xác định các giải pháp kỹ thuật nhân giống loài cây Đinh mật. Xác định chỉ thị ADN mã vạch cho mẫu giống cây Đinh mật Thái Nguyên và công bố trên ngân hàng gen thế giới. Lưu trữ, bảo tồn chuyên vị 4.375 cây Đinh mật tại xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-05

88382. 09-2023 **Nghiên cứu mức độ thoái hóa đất trồng chè, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khôi phục để sản xuất hiệu quả và bền vững cho cây chè tại tỉnh Thái Nguyên/** ThS. Lã Tuấn Anh; TS. Trần Thị Huế; ThS. Nguyễn Thị Huế; CN. Hoàng Tùng Linh; KS. Đỗ Duy Long; CN. Trần Thị Thanh Thủy; KS. Đặng Thị Nhẫn; KS. Nguyễn Thị Bích Chi; ThS. Đậu Đình Chung; KS. Nguyễn Anh Tuấn - Thái Nguyên - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác định được mức độ, nguyên nhân thoái hóa, yếu tố hạn chế ảnh hưởng đến độ phì nhiêu đất trồng chè của tỉnh Thái Nguyên. Đề xuất biện pháp phục hồi, quản lý chất lượng đất và dinh dưỡng cho cây chè nhằm tăng chất lượng, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, mang lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững cho ngành sản xuất chè tại tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-07

88386. 09-2023 **Bảo tồn nguồn gen cây Mã Tiền lông/** TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Đặng Thị Tố Nga; TS. Đỗ Hoàng Chung; TS. Nguyễn Văn Hồng; TS. Nguyễn Hữu Thọ; TS. Đào Thị Thanh Huyền; ThS. Phạm Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thế Cường; ThS. Hứa Thị Toàn; ThS. Nguyễn Ngọc Lan - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 07/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá thực trạng phân bố, khai thác, sử dụng và trữ lượng nguồn gen Mã Tiền lông. Xây dựng được 01 mô hình vườn giống gốc cây Mã Tiền lông quy mô 300m² và hoàn thiện phương pháp đánh giá lưu giữ an toàn nguồn gen cây Mã Tiền lông. Xây dựng được 01 vườn ươm phục vụ nghiên cứu và sản xuất cây giống Mã Tiền lông quy mô 100m². Xây dựng được 01 mô hình bảo tồn chuyên vị (ex-situ) từ nguồn giống đã thu thập quy mô 500m². Xây dựng được 01 quy trình kỹ thuật nhân nhanh giống cây Mã Tiền lông bằng phương pháp nhân giống vô tính invitro. Xây dựng được 01 quy

trình kỹ thuật nhân giống cây Mã tiền lông (từ hom, hạt) để tăng hiệu quả bảo tồn. Xây dựng 01 quy trình thu thập và bảo quản giống của cây Mã Tiền lông. Xây dựng được 01 quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái và sơ chế cây Mã Tiền lông. Xây dựng được hệ thống tư liệu hóa nguồn gen cây Mã Tiền lông.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-09

88387. 09-2023 **Bảo tồn nguồn gen Gà của đồng bào Mông tại huyện Đồng Hỷ và huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên/** Lê Minh, PGS. TS. Lê Minh; TS. Dương Thị Hồng Duyên; TS. Nguyễn Đức Trường; GS. TS. Nguyễn Thị Kim Lan; TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Trần Thị Hoan; TS. Hồ Thị Bích Ngọc; TS. Phạm Diệu Thùy; TS. Nguyễn Thu Trang; TS. Phạm Thị Phương Lan; TS. La Văn Công; TS. Nguyễn Thị Minh Thuận; TS. Đỗ Thị Lan Phương; TS. Đỗ Quốc Tuấn; ThS. Mai Hải Hà Thu; KS. Trần Thị Thắm; ThS. Nguyễn Thị Lương - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bảo tồn bền vững và lưu giữ được nguồn gen gà của đồng bào Mông tại huyện Đồng Hỷ và huyện Võ Nhai phục vụ sản xuất thương phẩm và công tác chọn giống. Thu thập thông tin về sự phân bố, số lượng, chất lượng, năng suất sinh trưởng, sinh sản và chất lượng thịt gà của đồng bào Mông tại huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai - tỉnh Thái Nguyên. Phân tích và xác định được

giá trị nguồn gen gà của đồng bào Mông tại huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai - tỉnh Thái Nguyên và đăng ký trên ngân hàng gen quốc gia. Xây dựng thành công 04 mô hình bảo tồn tại chỗ (In-situ) tại huyện Đồng Hỷ và huyện Võ Nhai, 01 mô hình bảo tồn chuyển chỗ (Ex-situ), 04 mô hình đàn gà của đồng bào Mông nhân thuần và 01 quy trình chăn nuôi. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giống gà của đồng bào Mông tại huyện Đồng Hỷ và huyện Võ Nhai - tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-10

88388. 09-2023 **Bảo tồn nguồn gen cây Hồng Việt Cường huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên/** Nguyễn Tiến Dũng, TS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Thị Tình; ThS. Trịnh Thị Chung; TS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Phạm Thị Ngọc Mai; TS. Hoàng Thị Thủy; TS. Trần Văn Chí; Trần Đức Hoàng - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bảo tồn và phát triển nguồn gen hồng Việt Cường đặc sản tỉnh Thái Nguyên, góp phần đa dạng hóa sản phẩm đặc trưng của địa phương. Xác định được nguồn gen giống Hồng Việt Cường, từ đó lựa chọn cây đầu dòng làm tiền đề nhân giống và tạo vườn giống gốc. Nghiên cứu được các kỹ thuật nhân giống vô tính (cây gốc ghép). Xây dựng mô hình trồng mới, mô hình thâm canh giống Hồng Việt Cường tại huyện Đồng Hỷ. Xây dựng được cơ sở dữ liệu về Hồng Việt Cường phục vụ cho việc bảo

tồn, lưu trữ và phát triển loài cây Hồng Việt Cường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-11

40101. Nông hoá

88178. 09-2023 **Nghiên cứu phối trộn phân khoáng hữu cơ đặc chủng cho cây thuốc lá vàng sây ở miền núi phía Bắc/** ThS. Đinh Văn Năng, KS. Nguyễn Bá Đình; KS. Bùi Quốc Việt; KS. Nghiêm Tiến Dũng; KTV. Nguyễn Xuân Toàn; KTV. Đỗ Hữu Thanh; ThS. Nguyễn Văn Lự; KTV. Dương Thế Hữu - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng công thức và thử nghiệm phối trộn các mẫu phân khoáng hữu cơ đặc chủng cho cây thuốc lá vàng sây. Kết quả khảo nghiệm các sản phẩm phân khoáng hữu cơ của nghiên cứu trên cây thuốc lá vàng sây đạt được yêu cầu qua các bước khảo nghiệm. Tiến hành xây dựng hướng dẫn kỹ thuật bón phân khoáng hữu cơ đặc chủng cho cây thuốc lá vàng sây ở Miền núi phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 21723

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

88039. 09-2023 **Nghiên cứu tạo dòng đậu xanh năng suất cao cho các tỉnh phía Bắc/** ThS. Trần Quang Hải, Nguyễn Thị Thanh; Đỗ Thị Lan; Hoàng Thị Lan Hương; Lưu Minh Cúc - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tiềm năng năng suất một số dòng/giống đậu xanh triển vọng. Đánh giá khả năng kháng bệnh phấn trắng của một số dòng, giống đậu xanh triển vọng. Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các nguồn gen đậu xanh (kiểu hình). Đánh giá kiểu gen các nguồn gen đậu xanh triển vọng. Chọn được các dòng đậu xanh có năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 22096

88148. 09-2023 **Hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết bị trong dây chuyền chế biến lúa giống quy mô năng suất 20 tấn/lần sây/** ThS. Nguyễn Văn Tiến, ThS. Nguyễn Đình Quý; ThS. Mai Thanh Huyền; ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân; PGS.TS. Nguyễn Đình Tùng; ThS. Ngô Đăng Huỳnh - Hà Nội - Viện nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu tình hình về thiết bị (lò đốt, hệ thống sây và thiết bị vận chuyển) hiện đang sử dụng trong lĩnh vực chế biến sây hạt giống. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến sây hạt giống. Đồng thời, nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế chế tạo các thiết bị chính chính cải tiến trong dây chuyền chế biến sây hạt giống quy mô công nghiệp đạt yêu cầu kỹ thuật về nâng cao công suất nhiệt cho lò đốt và hiệu quả quá trình sây và chất lượng sản phẩm hạt giống. Nghiên cứu xác định các cải tiến mới về kỹ thuật đối với lò đốt, hệ thống sây về thông số kỹ thuật của thiết bị phù hợp với quy mô công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21770

88401. 09-2023 Xây dựng mô hình trồng và tạo nguồn giống khoai lang Bảo Ninh phù hợp với vùng đất cát nội đồng tỉnh Quảng Bình./ ThS. Nguyễn Trung Đức, Nguyễn Trung Đức; Lê Thị Ngọc Hiền; Từ Minh Hải; Bùi Thị Thực Anh - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Đồng Hới. - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Đồng Hới., 2023; 06/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng 02 mô hình sản xuất khoai lang Bảo Ninh tại xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới và xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của giống khoai lang Bảo Ninh tại 02 mô hình. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất khoai lang Bảo Ninh phù hợp với vùng đất cát nội đồng tỉnh Quảng Bình. Tạo nguồn giống khoai lang Bảo Ninh chất lượng cung cấp ra thị trường

Số hồ sơ lưu: 05/2023-QLKH-CN-CS

88585. 09-2023 Sản xuất thử nghiệm giống lúa màu đặc sản Bát (Cu đỏ) và Khẩu cảm trắng tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ/ TS. Hoàng Thị Huệ, TS. Hà Minh Loan; PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa; ThS. Hoàng Thị Thu Thủy; ThS. Đàm Thị Thu Hà; ThS. Đinh Thị Ngân; ThS. Vũ Xuân Trường; KS. Phạm Thị Thùy Dương; KS. Vũ Thị Thảo Mi; CN. Nguyễn Khánh Tùng; ThS. Vũ Văn Đoàn; ThS. Lê Đức Công - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực

vật, 2022; 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đánh giá các chỉ tiêu dinh dưỡng của gạo màu và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cho hai giống lúa màu đặc sản. Xây dựng quy trình thu hoạch, bảo quản và chế biến lúa gạo cho 2 giống lúa. Tiến hành sản xuất 05 tấn giống nguyên chủng/giống và 30 tấn giống xác nhận/giống. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình sản xuất lúa thương phẩm, quy mô 100 ha/giống, năng suất và hiệu quả kinh tế tăng 10-15% so với đại trà có sự tham gia của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21731

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

87695. 09-2023 cứu tuyển chọn và phát triển một số giống hoa sen theo chuỗi giá trị tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình/ PGS.TS. Đặng Văn Đông, CN. Lê Thị Hiền; TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS. Bùi Thị Hồng Nhụy; ThS. Đặng Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Đặng Văn Lãm; KS. Nguyễn Thị Tuyết; CN. Lê Thanh Huyền; KTV. Phạm Ngọc Hiếu. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hoa, cây cảnh, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn và nhân giống một số giống sen sinh trưởng phát triển tốt, hoa bền, đẹp, năng suất, chất lượng cao phù hợp với nhiều điều kiện trồng của huyện Hoa Lư; Hoàn thiện quy trình nhân giống và quy trình trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế sản

phẩm từ cây hoa sen; Xây dựng mô hình trồng 4-8 giống sen từ các giống đã tuyển chọn tại huyện Hoa Lư phục vụ làm cảnh, thực phẩm, hương liệu, nguyên liệu cho các ngành, nghề khác.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-012-2023

87976. 09-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống chanh leo phục vụ các vùng nguyên liệu trọng điểm đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu/** PGS. TS. Nguyễn Văn Viêt, KS. Hoàng Mạnh Hùng; KS. Phạm Duy Thái; KS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Nguyễn Đức Trung; TS. Bùi Quang Đăng; PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng; TS. Vũ Việt Hưng; TS. Trần Đức Trung; ThS. Nguyễn Ngô Liêm; KS. Trần Thị Thi; KS. Nguyễn Văn Thành; KS. Nguyễn Thị Hồng; KS. Nguyễn Trần Bằng; KS. Nguyễn Thị Tuyết; KS. Nguyễn Thị Hương; KS. Nguyễn Hồng Sơn; KS. Kha Văn Hùng; KS. Hoàng Thị Nhị; KS. Phạm Văn Tuấn; KS. Hoàng Thị Hiền - Nghệ An - Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, 2022; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo giống chanh leo có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh hại chính, chất lượng phù hợp cho ăn tươi và chế biến nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững các vùng nguyên liệu chanh leo trọng điểm trong cả nước phục vụ nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu. Xây dựng các điểm trình diễn áp dụng giống mới và quy trình kỹ thuật trồng chanh leo phục vụ cho chế biến và ăn tươi, cho

hiệu quả kinh tế cao hơn tối thiểu 15% so với canh tác truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 22094

88150. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp phát triển rong câu ở các tỉnh phía Bắc/** TS. Đỗ Anh Duy, ThS. Bùi Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Kim Thoa; ThS. Đặng Minh Dũng; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; KS. Lê Anh Tùng; ThS. Lưu Xuân Hòa - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng nguồn lợi, trồng, chế biến và thương mại các sản phẩm từ rong câu tại các tỉnh phía Bắc. Tìm hiểu, lựa chọn các chủng giống rong câu chất lượng tốt và xây dựng dữ liệu về các chủng giống rong câu chất lượng tốt. Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển rong câu tại các tỉnh phía Bắc

Số hồ sơ lưu: 21761

88917. 09-2023 **Xây dựng mô hình nhân giống và sản xuất hoa dạ yến thảo bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Bình./** KS. Đặng Thị Lệ Hà, Đặng Thị Lệ Hà ; Đặng Anh Bằng; Trần Ngọc Tuấn; Trần Ngọc Dũng ; Trần Hoàn ; Hoàng Thị Châu; Nguyễn Thị Vân Nhu - Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình - Trung tâm Ứng dụng và thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình, 2023; 06/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhân nhanh giống hoa Dạ yến thảo trong phòng nuôi cấy mô. Xây

dựng mô hình sản xuất hoa Dạ yến thảo từ giống nuôi cấy mô phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Bình. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và chất lượng của hoa Dạ yến thảo. Hoàn thiện các quy trình nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô và quy trình trồng hoa Dạ yến thảo thương phẩm phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Bình. Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa Dạ yến thảo thương phẩm từ giống nuôi cấy mô.

Số hồ sơ lưu: 06/2023-QLKH-CN-CS

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

87778. 09-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống Keo lai và Keo lá tràm phục vụ trồng rừng gỗ lớn ở một số vùng sinh thái chính/** TS. Nguyễn Đức Kiên, TS. Hà Huy Thịnh; TS. Đỗ Hữu Sơn; TS. Dương Thanh Hoa; KS. Ngô Văn Chính; ThS. Trịnh Văn Hiệu; ThS. Dương Hồng Quân; KS. Hà Huy Nhật; TS. Nghiêm Quỳnh Chi; ThS. Cấn Thị Lan; ThS. Nguyễn Quốc Toàn; ThS. Phan Đức Chính - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn lọc, khảo nghiệm giống Keo lai tự nhiên có năng suất và chất lượng tốt cho trồng rừng gỗ lớn. Chọn lọc và khảo nghiệm giống Keo lá tràm có năng suất cao và chất lượng tốt cho trồng rừng gỗ lớn. Nghiên cứu lai tạo giống theo hướng kết hợp giữa sinh trưởng và tính chất gỗ và khảo

nghiệm các tổ hợp lai. Nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô cho các giống Keo lai tự nhiên và Keo lá tràm mới chọn tạo.

Số hồ sơ lưu: 22486

87782. 09-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để khôi phục và phát triển vùng chè An Bằng tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam/** ThS. Hồ Ngọc Mẫn, KS. Trần Quốc Khánh; KS. Nguyễn Văn Quang; ThS. Trần Việt Phương; TS. Nguyễn Văn Đạo; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Nguyễn Hồng Lĩnh; CN. Nguyễn Thị Đông; ThS. Trần Thẩm Dương - Quảng Nam - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, 2023; 12/2016 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao công nghệ nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến chè An Bằng. Xây dựng vườn ươm đảm bảo cung cấp cây chè giống đủ tiêu chuẩn phục vụ cho phát triển cây chè ở huyện Đại Lộc và các huyện trong tỉnh Quảng Nam. Xây dựng mô hình trồng chè thâm canh, sử dụng giống chè An Bằng chọn lọc từ giống địa phương với quy mô 5 ha trồng tập trung theo hướng VietGAP. Mô hình cải tạo nương chè cũ năng suất, chất lượng thấp với quy mô 10 ha theo hướng VietGAP.

Số hồ sơ lưu: 22459

87823. 09-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và một số hoạt tính sinh học của cây sâm đất (Ruellia tuberosa L.)/** PGS. TS. Lê

Tiến Dũng, TS. Phạm Thị Nhật Trinh; ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn; ThS. Phạm Ngọc Ân; ThS. Nguyễn Hữu An; ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2022; 12/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Để điều trị đái tháo đường cần phải kiểm soát, duy trì nồng độ glucose máu ở mức bình thường, trong đó có việc hạn chế tăng glucose máu sau ăn và hạn chế các gốc tự do cùng các yếu tố gây viêm. Mục tiêu lâu dài của nghiên cứu là tìm hiểu cơ chế tác dụng điều trị đái tháo đường của cây sâm đất. Hoàn thành mục tiêu này sẽ cung cấp thông tin giải thích khả năng chữa bệnh cũng như thành phần, liều dùng và quy trình chiết xuất hợp chất có hoạt tính từ loài này.

Số hồ sơ lưu: 22321

88037. 09-2023 **Nghiên cứu cải tiến quy trình thâm canh mía trên địa hình đất dốc tại một số vùng trồng mía ở Tây Nguyên/** Phạm Văn Tùng, ThS. Đỗ Đức Hạnh; KS. Nguyễn Thị Hà Nhi; KS. Trần Văn Tuấn; KS. Trần Văn Sơn; KS. Đỗ Văn Tường; KS. Dương Công Thống; KS. Nguyễn Thị Tân; KS. Vũ Văn Kiều; KS. Trần Bá Khoa - Bình Dương - Viện nghiên cứu mía đường, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra hiện trạng kỹ thuật canh tác mía vùng Tây Nguyên và Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác mía phù hợp với đất dốc các tỉnh Tây Nguyên với các công việc; Nghiên cứu xác định phương pháp

trồng mía phù hợp trên đất dốc , Nghiên cứu xác định phương pháp trồng mía phù hợp trên đất dốc và Nghiên cứu các phương pháp che phủ trong canh tác mía trên đất dốc . Cải tiến được quy trình kỹ thuật thâm canh mía phù hợp với điều kiện đất dốc ở Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 22061

88177. 09-2023 **Khảo nghiệm một số giống thuốc lá nhập nội tại vùng trung du miền núi phía Bắc/** ThS. Nghiêm Tiến Dũng, ThS. Nguyễn Văn Lự; ThS. Nguyễn Văn Nghĩa; KS. Bùi Quốc Việt; ThS. Nguyễn Thanh Phúc - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về việc chọn tạo giống thuốc lá. Nghiên cứu, khảo nghiệm diện hẹp các giống thuốc lá nhập nội tại Cao Bằng và Bắc Kạn và khảo nghiệm diện rộng các giống thuốc lá nhập nội triển vọng tại 2 tỉnh trên. Tiến hành nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật trồng trọt cho giống thuốc lá nhập nội triển vọng tại tỉnh Cao Bằng và tỉnh Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 21725

88599. 09-2023 **Nghiên cứu chọn giống Quế có năng suất vỏ, hàm lượng và chất lượng tinh dầu cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cho vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ/** TS. Phan Văn Thắng, ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Hà Văn Năm; PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn; ThS. Nguyễn Thị Huyền;

CN. Trịnh Bích Hảo; ThS. Tạ Minh Quang - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2017 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng nguồn giống, gây trồng, khai thác, chế biến và thị trường Quế tại 3 vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Nghiên cứu chọn giống và khảo nghiệm giống. Tiến hành bổ sung một số biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh Quế. Qua đó đưa ra một số biện pháp kỹ thuật khai thác, sơ chế, bảo quản Quế và xây dựng quy trình kỹ thuật trồng, khai thác, sơ chế, bảo quản vỏ Quế.

Số hồ sơ lưu: 21749

40106. Bảo vệ thực vật

88010. 09-2023 **Nghiên cứu sử dụng các hoạt chất tự nhiên từ thực vật trong phòng trừ sâu xanh bướm trắng (*Pieris rapae* L.) hại rau họ thập tự/** TS. Đặng Thị Thanh Tâm, TS. Nông Thị Huệ; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải; TS. Trần Thị Bình Nguyên; TS. Nguyễn Thị Lâm Hải; ThS. Phạm Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Bích Lưu; KS. Phạm Thị Giang - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Sàng lọc 1-2 loại dịch chiết thực vật có hiệu quả trong phòng trừ sâu xanh bướm trắng từ một số cây bản địa của Việt Nam; Nghiên cứu sàng lọc dịch chiết thực vật có tác dụng hạn chế (xua đuối) sâu non ăn lá; Đánh giá hiệu quả của dịch chiết đến tác động xua đuối (hạn chế) sự đẻ trứng của bướm; Đánh giá tác

động của dịch chiết đến phản ứng tự vệ và sinh trưởng của cây; Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng loại dịch chiết nghiên cứu trên đồng ruộng.

Số hồ sơ lưu: 22503

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

88181. 09-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo polyme blend kháng khuẩn sử dụng polyguanidine ứng dụng trong bảo quản nông sản/** ThS. Đặng Thảo Yến Linh, ThS. Nguyễn Văn Tuyền; TS. Trần Hùng Thuận; TS. Chu Xuân Quang; ThS. Tưởng Thị Nguyệt Ánh; KS. Thái Thị Xuân Trang; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh; CN. Trần Ngọc Dương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ vật liệu - Viện Ứng dụng Công nghệ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát các điều kiện tổng hợp polyme blend sử dụng polyme nhiệt dẻo (LDPE, PP, ...) và polyme kháng khuẩn gốc guanidine. Đánh giá đặc trưng tính chất của chủ liệu polyme blend kháng khuẩn đã tổng hợp (thành phần, cấu trúc hóa học, hình thái, hoạt tính kháng khuẩn, ...). Xây dựng quy trình chế tạo màng bao gói thực phẩm sử dụng chủ liệu polyme blend kháng khuẩn. Đánh giá các tính chất đặc trưng của màng polyme blend kháng khuẩn đã chế tạo (tính năng cơ lý, hoạt tính kháng khuẩn, độ an toàn ...). Thử nghiệm, đánh giá khả năng bảo quản một số loại nông sản (trái cây, rau xanh) ở quy mô phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 21750

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

88274. 09-2023 **Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong phân loại, định lượng, phối trộn và đóng gói sản phẩm để xây dựng mô hình chế biến bảo quản chè xanh chất lượng cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu tại Phú Thọ/ ThS. Nguyễn Lê Đạo, ThS. Nguyễn Lê Đạo. KS. Nguyễn Đức Thu.CN. Nguyễn Thị Hương .KS. Đặng Văn Hùng .KS. Đỗ Văn Linh . KS. Lê Trung Hiếu .KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc - Phú Thọ - Công ty TNHH chè xuất khẩu Bảo Long, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ gồm quy trình chế biến và bảo quản chè xanh dạng viên, quy trình chế biến và bảo quản chè xanh dạng cục, quy trình tự động phân loại các sản phẩm, quy trình phối trộn các sản phẩm, quy trình tự động cân định lượng và đóng gói các sản phẩm. Xây dựng mô hình chế biến, bảo quản chè xanh dạng viên và chè xanh dạng cục ứng dụng công nghệ tự động hóa trong phân loại, phối trộn, định lượng, đóng gói sản phẩm công suất 15-20 tấn/ngày. Sản xuất thử 50 tấn sản phẩm chè xanh dạng viên. Sản xuất thử 50 tấn sản phẩm chè xanh dạng cục. Đào tạo tập huấn kỹ thuật 06 kỹ thuật viên và 40 công nhân. Xây dựng báo cáo tổng kết dự án, báo cáo chuyên đề xây dựng mô hình, báo cáo đề xuất biện pháp nhân rộng; hồ sơ về dữ liệu thực hiện dự án, quy trình kỹ thuật, tài liệu tập

huấn, tài liệu tuyên truyền, hình ảnh và đĩa CD lưu trữ tư liệu, hình ảnh của dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO - 01.2023

88282. 09-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình chế biến một số sản phẩm từ nấm đông trùng hạ thảo được nuôi trồng tại tỉnh Phú Thọ/ TS. Nguyễn Việt Phương, - Phú Thọ - Trường cao đẳng công nghiệp thực phẩm, 2022; 03/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng 01 bộ tài liệu truyền thông và tài liệu quy trình kỹ thuật. Xây dựng mô hình sản xuất chiết đông trùng hạ thảo. Xây dựng mô hình sản xuất bia đông trùng hạ thảo. Xây dựng 01 mô hình sản xuất trà hòa tan đông trùng hạ thảo. Xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng cơ sở cho một số sản phẩm chế biến từ nấm đông trùng hạ thảo. Khảo sát về nguồn nguyên liệu và các sản phẩm chế biến từ nấm đông trùng hạ thảo. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất.

Số hồ sơ lưu: PTO - 02.2023

80139. 09-2023 **Xây dựng mô hình chuỗi liên kết từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho giống chè Hương Bắc Sơn và TRI5.0 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ/ ThS. Nguyễn Thị Thuận, ThS. Nguyễn Thị Thuận; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Phùng Lệ Quyên; ThS. Lê Đình Chiến; KS. Nguyễn Thị**

Thủy; KS. Phí Văn Mẫn; ThS. Triệu Trung Kiên. - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2022; 04/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá hiện trạng sản xuất và các thông tin phục vụ triển khai dự án. Xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất cho 2 giống chè Hương Bắc Sơn và TRI5.0. Xây dựng mô hình chế biến các sản phẩm chè chất lượng cao từ hai giống chè Hương Bắc Sơn và TRI5.0. Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo tập huấn, quảng bá giới thiệu kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2022-011

85086. 09-2023 **Xây dựng mô hình trồng thâm canh và chế biến một số sản phẩm chè xanh chất lượng cao từ giống chè VN15 tại tỉnh Phú Thọ**/ Nguyễn Ngọc Bình, Nguyễn Ngọc Bình; Th.S. Phùng Lê Quyên; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; Th.S Nguyễn Mạnh Hà; KS. Đào Thị Thanh Hạnh; ThS. Lê Thị Xuyên; ThS. Đỗ Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Hoài Thu; ThS. Lê Đình Chiến. - Phú Thọ - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè, 2021; 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát bổ sung và lựa chọn công nghệ phù hợp để triển khai dự án. Xây dựng mô hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật tác động thâm canh đối với giống chè VN15. Xây dựng mô hình chế biến sản xuất chè xanh đặc sản từ giống chè VN15. Xây dựng mô hình chế biến

sản xuất chè xanh dạng Mao Tiêm từ giống chè VN15. Xây dựng mô hình chế biến sản xuất chè xanh dạng Bích Loa Xuân từ giống chè VN15. Đào tạo - tập huấn quy trình kỹ thuật. Tuyên truyền, hội thảo đánh giá kết quả xây dựng mô hình và đề xuất biện pháp ứng dụng nhân rộng kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: 127

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

87753. 09-2023 **Nghiên cứu khai thác và đông lạnh tinh trùng thu từ mào tinh hoàn trâu**/ TS. Phan Lê Sơn, TS. Phạm Doãn Lâm; TS. Nguyễn Khánh Vân; ThS. Phan Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; ThS. Quán Xuân Hữu; ThS. Vũ Thị Thu Hương; CN. Phạm Thị Kim Yến; CN. Nguyễn Thị Lê Hương; CN. Hoàng Thị Âu; CN. Nguyễn Thị Lan Anh; CN. Lê Văn Đạt - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Công nghệ tế bào Động vật, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình kỹ thuật đông lạnh tinh trùng thu từ mào tinh hoàn trâu. Hoạt lực tinh trùng sau khi đông lạnh-giải đông đạt $\geq 40\%$. Đông lạnh và bảo quản được 500 liều tinh đông lạnh dạng cọng rạ của tinh trùng khai thác từ mào tinh hoàn trâu chọi bị giết thịt ở các lễ hội chọi trâu. Số liều tinh thu được ≥ 100 liều/trâu đực. Hoạt lực tinh trùng sau khi giải đông đạt $\geq 40\%$.

Số hồ sơ lưu: 22483

87755. 09-2023 **Nghiên cứu đánh giá năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của một số con lai giữa bò đực Red Angus, Droughtmaster, Charolais với bò cái lai Brahman và bò thuần Brahman/** TS. Phùng Thế Hải, ThS. Đào Văn Lập; TS. Lê Bá Quế; ThS. Phạm Vũ Tuấn; TS. Lương Anh Dũng; ThS. Lê Thị Loan; ThS. Nguyễn Hữu Nguyên; TS. Phạm Văn Quyến; ThS. Nguyễn Quốc Trung - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2023; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của con lai giữa bò đực chuyên thịt cao sản Red Angus, Droughtmaster, Charolais với bò cái lai Brahman và bò thuần Brahman; Năng suất, chất lượng thịt của con lai giữa bò đực chuyên thịt cao sản Red Angus, Droughtmaster, Charolais với bò cái lai Brahman và bò thuần Brahman khi vỗ béo ở giai đoạn từ 21 đến 24 tháng tuổi; Nghiên cứu đánh giá hiệu quả kinh tế của con lai giữa bò đực Red Angus, Droughtmaster, Charolais với bò cái lai Brahman và bò cái thuần Brahman trong điều kiện chăn nuôi tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22484

88015. 09-2023 **Xây dựng mô hình nhân giống, nuôi thương phẩm gà lai Đông Tảo theo hướng an toàn sinh học tại huyện Nho Quan/** KS. Đinh Thị Thắm, BSTY. Dương Thị Phương; CN. Nguyễn Thị Bích Huệ; KTV. Bùi Khắc Giang; KTV. Phạm Thị Hương

Giang; KS. Đinh Văn Thanh; KTV. Đinh Công Minh; KS. Đặng Xuân Quý; GS.TS. Vũ Đình Tôn; ThS. Phạm Quang Anh. - Ninh Bình - HTX gà lai Đông Tảo thả vườn xã Gia Sơn, 2023; 01/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nhân giống và mô hình nuôi thương phẩm gà lai Đông Tảo theo hướng an toàn sinh học tại huyện Nho Quan; Mô hình nhân giống gà lai Đông Tảo quy mô 400 con mái có năng suất trứng ≥ 100 quả/mái/năm; tỷ lệ nở $\geq 85\%$ /tổng số trứng ấp theo hướng an toàn sinh học; Mô hình nuôi gà thương phẩm lai Đông Tảo quy mô 10.000 con có tỷ lệ nuôi sống đến 24 tuần tuổi $\geq 85\%$, khối lượng cơ thể $\geq 2,5\text{kg/con}$, tiêu tốn thức ăn $\leq 4,3\text{kg/kg}$ tăng khối lượng theo hướng an toàn sinh học. Hoàn thiện quy trình nhân giống và chăm sóc, nuôi dưỡng gà lai Đông Tảo theo hướng an toàn sinh học phù hợp với điều kiện chăn nuôi của huyện Nho Quan.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-013-2023

88024. 09-2023 **Chọn tạo hai dòng gà Liên Minh có năng suất cao/** PGS. TS. Nguyễn Hoàng Thịnh, PGS.TS. Bùi Hữu Đoàn; PGS.TS. Phạm Kim Đăng; PGS.TS. Phan Xuân Hào; TS. Trần Thị Bình Nguyên; TS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Trần Bích Phương; ThS. Nguyễn Thị Châu Giang; KS. Bùi Thị Hồng; CN. Trần Hòa - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đặc điểm hóa ngoại hình của gà Liên Minh, xây dựng quy trình chăn nuôi gà Liên Minh sinh sản và thương phẩm; đánh giá thực trạng chăn nuôi đàn gà Liên; Chọn tạo dòng trống gà Liên Minh hạt nhân, có ngoại hình chuẩn của giống gà Liên Minh, có khả năng sinh trưởng cao với các chỉ tiêu cụ thể: Tuổi đẻ: 23-24 tuần, Khối lượng gà vào đẻ $\geq 1.800\text{g}$, Năng suất trứng: ≥ 90 quả/48 tuần đẻ; Chọn tạo dòng mái gà Liên Minh hạt nhân, có ngoại hình chuẩn của giống gà Liên Minh, có khả năng sinh sản cao với các chỉ tiêu cụ thể: Tuổi đẻ: 22 tuần, Khối lượng gà vào đẻ $\geq 1.600\text{g}$, Năng suất trứng: ≥ 110 quả/48 tuần đẻ.

Số hồ sơ lưu: 22515

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

88578. 09-2023 **Nghiên cứu xác định lượng vết một số nguyên tố đất hiếm tồn dư trong thịt và một số nội tạng lợn có sử dụng thức ăn chứa đất hiếm bằng phương pháp ICP-MS.**/ ThS. Ngô Quang Huy, ThS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Trần Hoàng Mai; ThS. Nguyễn Thị Mến; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Đỗ Thị Ánh Tuyết - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan nghiên cứu xác định lượng vết các nguyên tố đất hiếm trong các sản phẩm nông nghiệp được sử dụng chế phẩm đất hiếm bằng phương pháp ICP -MS. Nghiên cứu quy trình phân tích vết đất hiếm trong mẫu vật nuôi có sử dụng chế phẩm đất hiếm bằng phương pháp

ICP-MS và nghiên cứu phương pháp xử lý mẫu sinh học xác định vết đất hiếm. Xây dựng quy trình xác định vết đất hiếm trong mẫu sinh học bằng phương pháp ICP -MS. Tiến hành ứng dụng phân tích hàm lượng đất hiếm trong mẫu thịt lợn và một số mẫu nội tạng lợn có sử dụng chế phẩm chứa đất hiếm và xây dựng bộ hồ sơ tiêu chuẩn cơ sở xác định vết đất hiếm trong mẫu thịt lợn và một số mẫu nội tạng lợn có sử dụng chế phẩm đất hiếm bằng kỹ thuật ICP-MS.

Số hồ sơ lưu: 21702

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

88219. 09-2023 **Sản xuất thử nghiệm gà Liên Minh tại Hải Phòng và một số tỉnh lân cận/** ThS. Nguyễn Đình Vinh, KS. Nguyễn Thị Dịu; ThS. Vũ Công Quý; ThS. Nguyễn Chí Hiếu; ThS. Lương Hoàn Đức; CN. Trịnh Văn Quảng; CN. Bùi Thị Hồng; ThS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Hoàng Thị Yến - Hà Nội - Trung tâm Phát triển khoa học - công nghệ và Đổi mới sáng tạo., 2023; 08/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chăn nuôi gà Liên Minh sinh sản và thương phẩm. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà Liên Minh sinh sản và mô hình chăn nuôi gà Liên Minh thương phẩm. Tập huấn nhân viên kỹ thuật và công nhân vận hành quy trình kỹ thuật. Tập huấn cho các chủ hộ chăn nuôi tham gia mô hình và hộ chăn nuôi tại địa bàn triển khai mô

hình chăn nuôi gà Liên Minh sinh sản và thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21616

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

87665. 09-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi bò sinh sản và bò hướng thịt quy mô trang trại tại tỉnh Phú Thọ/** KS. Phạm Hồng Vân, KS. Phạm Hồng Vân; KS. Kiều Thị Ánh Hồng; CN. Tô Hoàng Sơn; CN. Nguyễn Hiền Phương; CN. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; BS. Nguyễn Ngọc Giang; KS. Hoàng Thị Loan - Phú Thọ - Công ty TNHH Quốc An Việt Trì, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát bổ sung thông tin phục vụ dự án. Chuyển giao và tiếp nhận công nghệ, tập huấn kỹ thuật viên. Xây dựng mô hình dự án Mô hình nuôi bò sinh sản và mô hình nuôi vỗ béo; Mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi. Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo tập huấn, tuyên truyền, hội thảo kết quả triển khai dự án và đề xuất biện pháp ứng dụng nhân rộng kết quả dự án. Tuyên truyền, hội thảo giới thiệu kết quả thực hiện dự án và đề xuất biện pháp nhân rộng kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2022-012

40403. Quản lý và bảo vệ rừng

88187. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp công nghệ chống xói lở để bảo vệ rừng ngập mặn vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long** / ThS. Đỗ Đắc Hải, ThS. Nguyễn Thị Khay; PGS.TS. Nguyễn Phú Quỳnh;

PGS.TS. Trần Bá Hoàng; PGS.TS. Huỳnh Thanh Sơn; ThS. Ứng Ngọc Nam; TS. Phạm Thế Vinh; TS. Lê Bửu Thạch; ThS. Lê Xuân Tú; TS. Phạm Trung - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2023; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân gây xói lở mất bãi làm suy giảm rừng ngập mặn tại vùng ven biển ĐBSCL. Tổng hợp, phân tích, đánh giá các giải pháp công nghệ hiện nay đã ứng dụng để chống xói lở bãi, phát triển vùng bãi bảo vệ rừng ngập mặn tại vùng ven biển ĐBSCL. Qua đó, đề xuất các giải pháp, công nghệ thân thiện với môi trường, chi phí thấp để hạn chế xói bãi, phát triển vùng bãi, bảo vệ rừng ngập mặn vùng ven biển ĐBSCL. Tiến hành thiết kế, thi công giải pháp, công nghệ để hạn chế xói bãi, phát triển vùng bãi bảo vệ rừng ngập mặn ven biển ĐBSCL (áp dụng tại Bến Tre).

Số hồ sơ lưu: 21693

88238. 09-2023 **Nghiên cứu định lượng khả năng lưu trữ CO2 của các trạng thái rừng và vùng trồng cao su tỉnh Đắk Lắk sử dụng dữ liệu ảnh vệ tinh viễn thám Landsat/** TS. Dương Đăng Khôi, TS. Dương Đăng Khôi (Chủ nhiệm đề tài); TS. Đào Văn Khánh (Thư ký); PGS.TS Nguyễn Thế Hưng; TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; TS. Trần Xuân Biên; TS. Bùi Đắc Thuyết; TS. Nguyễn Văn Nam; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Hoàng Đình Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Hồng. -

Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài nghiên cứu đóng góp cơ sở khoa học và thực tiễn trong thực hiện chi trả dịch vụ lưu giữ cacbon của rừng tự nhiên và rừng cao su ; góp phần tạo động lực kinh tế cho các đơn vị quản lý và bảo vệ rừng nhằm phát triển rừng bền vững tại tỉnh Đắk Lắk . Nghiên cứu định lượng khả năng lưu giữ cacbon của một số kiểu u rừng tự nhiên và rừng cao su trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Nghiên cứu lượng giá dịch vụ lưu giữ cacbon các loại rừng tự nhiên và rừng cao su trên địa bàn tỉnh và đề xuất giải pháp chi trả dịch vụ lưu trữ cacbon nhằm đóng góp cơ sở tạo động lực nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng rừng và đất lâm nghiệp theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-015

40405. Giống cây rừng

88185. 09-2023 **Nghiên cứu đặc điểm lâm học, kỹ thuật nhân giống và phục hồi rừng ràng ràng mít (*Ormosia balansae* Drake) tại vùng Tây Bắc/ TS.** Trần Thị Mai Sen, Lê Hồng Liên; Lê Xuân Trường; Trần Việt Hà; Phạm Thị Hạnh; Trần Thị Yến; Phạm Thị Quỳnh; Nguyễn Thị Thu Hằng; Khuất Thị Hải Ninh; Trần Thị Nhâm - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được đặc điểm lâm học của loài Ràng ràng mít. Chọn lọc

được các cây mẹ có sinh trưởng, năng suất cao và đặc điểm sinh lý hạt Ràng ràng mít; Thử nghiệm được các kỹ thuật nhân giống hữu tính, từ đó đề xuất được phương pháp tối ưu trong công tác nhân giống hữu tính loài Ràng ràng mít, Xây dựng được mô hình thử nghiệm phục hồi rừng Ràng ràng mít. Bổ sung cơ sở khoa học về đặc điểm lâm học và kỹ thuật nhân giống của cây Ràng ràng mít tại một số tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc phục vụ gây trồng và phát triển thành công loài cây này.

Số hồ sơ lưu: 21798

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

88193. 09-2023 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống hàu Thái Bình Dương/ TS.** Vũ Văn In, ThS. Phạm Văn Hoàng; ThS. Cao Trường Giang; ThS. Trần Thị Nguyệt Minh; ThS. Đỗ Hoàng Hiệp; KS. Nguyễn Thị Ánh; KS. Đinh Thị Hạnh; KS. Nguyễn Huy Hưng; KS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc; CN. Nguyễn Triều Dương - Hải Phòng - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống hàu Thái Bình Dương với các chỉ tiêu: nuôi vỗ đạt tỷ lệ sống >80%, tỷ lệ thành thực > 75%, tỷ lệ thụ tinh > 80%, tỷ lệ nở > 70%, tỷ lệ sống từ ấu trùng trôi nổi (ấu trùng chữ D) lên con giống cấp 1 (1mm) đạt >15%. Xây dựng 03 mô hình trình diễn sản xuất giống hàu Thái Bình Dương với quy mô trên 30 triệu con giống/năm (10 triệu/mô

hình/năm) cung cấp cho các cơ sở nuôi hàu Thái Bình Dương thương phẩm tại các tỉnh ven biển. Sản xuất con giống tại 3 địa điểm (Hải Phòng, Quảng Ninh và Nam Định).

Số hồ sơ lưu: 21710

88527. 09-2023 Sản xuất thử nghiệm giống nguồn gen cá Mú cọp *Epinephelus fuscoguttatus* Forsskal,1775/ ThS. Nguyễn Đức Tuấn, ThS. Phan Minh Quý; ThS. Hoàng Nhật Sơn; TS. Trần Thế Muu; KS. Phạm Văn Thìn; ThS. Đỗ Xuân Hải; KS. Đinh Thị Hạnh; TS. Trương Mỹ Hạnh; KS. Hoàng Khắc Tiếp - Hải Phòng - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 09/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước trước khi có nhiệm vụ "Sản xuất thử nghiệm giống nguồn gen cá Mú cọp *Epinephelus fuscoguttatus* Forsskal,1775". Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống cá mú cọp. Xây dựng bản dự thảo Quy trình và thử nghiệm sản xuất giống nguồn gen cá mú cọp. Đồng thời, xây dựng mô hình sản xuất giống nguồn gen cá mú cọp và xây dựng bộ tiêu chuẩn cá giống và cá bố mẹ cá mú cọp.

Số hồ sơ lưu: 21666

40503. Bệnh học thủy sản

88664. 09-2023 Nghiên cứu thành phần và vai trò của enzyme proteolytic trong đáp ứng miễn dịch của tôm sú (*Penaeus monodon*)/ TS. Nguyễn Thị Hồng Loan, ThS. Ngô Thị Trang; TS. Đinh Nho Thái; TS. Phạm Bảo Yên; TS.

Phạm Thị Thu Hương; ThS. Quách Hồng Thái - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được thành phần của enzyme proteolytic và sự tham gia của chúng trong đáp ứng miễn dịch ở tôm sú (*Penaeus monodon*). Đánh giá được thành phần và tính chất của enzyme proteolytic ở các bộ phận khác nhau của tôm sú. Đánh giá được mức độ biểu hiện gen và hoạt độ của một số enzyme proteolytic có liên quan đến đáp ứng miễn dịch của tôm sú khi bị nhiễm virus đốm trắng.

Số hồ sơ lưu: 22068

40504. Nuôi trồng thủy sản

87694. 09-2023 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi cá Nâu (*Scatophagus argus*) thương phẩm tại vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn/ KS. Phạm Văn Hải, CN. Lê Đình Tuấn; KS. Phan Thị Quyên; ThS. Tạ Văn Giáp; ThS. Nguyễn Quang Đạt; KS. Đặng Thanh Tân; ThS. Phạm Văn Thùy; KS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Nguyễn Trung Tiến; KS. Đỗ Văn Chuẩn. - Ninh Bình - Chi cục Thủy sản Ninh Bình, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xác định mật độ nuôi cá Nâu phù hợp tại huyện Kim Sơn; Xây dựng thành công mô hình nuôi thâm canh cá Nâu tại huyện Kim Sơn; Hoàn thiện quy trình nuôi thâm canh cá Nâu phù hợp với điều kiện vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-011-2023

87987. 09-2023 **Nghiên cứu chọn tạo tôm chân trắng (*Penaeus vannamei*) thích ứng với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn/ TS. Nguyễn Đình Quang Duy, PGS.TS. Nguyễn Hữu Ninh; ThS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Đinh Công Trứ; ThS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn; KS. Mai Thái Ngọc; KS. Nguyễn Đình Tý; KS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Nguyễn Trọng Huy; TS. Nguyễn Hồng Nguyên - Khánh Hoà - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021; 12/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu đặc điểm sinh học và phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng; Các giai đoạn trong thực tiễn sản xuất tôm thẻ chân trắng; Nuôi tôm nước lợ và phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng ở Việt Nam; Ảnh hưởng của xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu đến nuôi tôm; Nghiên cứu chọn giống nâng cao sinh trưởng tôm thẻ chân trắng thế hệ thứ tư (G4); Nuôi tôm bố mẹ, sản xuất và nuôi đánh giá các gia đình tôm chọn giống thế hệ G5, G6, G7.

Số hồ sơ lưu: 22502

88149. 09-2023 **sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm cá nheo Mỹ *Ictalurus punctatus* Rafinesque, 1818/ ThS. Lê Ngọc Khánh, KS. Nguyễn Văn Chung; TS. Võ Văn Bình; ThS. Nguyễn Hải Sơn; KS. Vũ Văn Dũng; KS. Đặng Duy Tuyên; ThS. Nguyễn Công Hòa; ThS. Phạm Ngọc Tuyên; KS. Lê Xuân Triều; Trần Quang**

Hợp - Hà Nội - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 09/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới và tình hình nghiên cứu cá nheo Mỹ tại Việt Nam. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất cá nheo Mỹ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí phù hợp điều kiện Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm cá nheo Mỹ trong ao và trong lồng cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế, giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh.

Số hồ sơ lưu: 21780

88180. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi thương phẩm Nghêu (*Meretrix lyrata*) trong ao đất ở quy mô hàng hóa/ TS. Lê Văn Khôi, Chu Chí Thiết; Nguyễn Quang Huy; Phan Thị Vân; Phạm Thị Yến; Nguyễn Thị Lê Thủy; Nguyễn Văn Đức; Lê Thanh Ghi; Nguyễn Văn Cử; Nguyễn Văn Khiết; Nguyễn Như Sỹ - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2015 - 01/2012 - 06/2015. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu thiết kế và lắp đặt hệ thống ao nuôi nghêu thương phẩm, lựa chọn công nghệ, mô hình nuôi nghêu thương phẩm trong ao ở quy mô đại trà. Nghiên cứu quy trình sản xuất tảo sinh khối trong ao làm thức ăn bổ sung cho nghêu bằng việc sử dụng chế phẩm sinh học và phân bón vô cơ. Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng thức ăn được sản xuất sinh khối trong ao đến khả năng sinh trưởng và tỷ lệ sống của

nghe. Nghiên cứu mật độ nghe nuôi phù hợp trong ao và thử nghiệm quy trình, vận hành hệ thống và thiết kế hệ thống ao.

Số hồ sơ lưu: 21794

88183. 09-2023 **Nghiên cứu sản xuất chế phẩm oligo- β -glucan bằng công nghệ bức xạ phục vụ nuôi tôm sạch chất lượng cao/** PGS. TS. Lê Quang Luân, TS. Đinh Thị Nga; GS.TS. Phan Đình Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Vũ; ThS. Nguyễn Xuân Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Trọng Nghĩa; ThS. Hàng Khánh Linh; TS. Ngô Huỳnh Phương Thảo; ThS. Trần Đức Trọng; TS. Huỳnh Hữu Đức - TP. Hồ Chí Minh - Trường đại học Tài nguyên và môi trường thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 07/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình thu nhận bã men bia từ các nhà máy bia để sản xuất β -glucan nguyên liệu với quy mô 10 kg/m³. Nghiên cứu cắt mạch β -glucan bằng phương pháp chiếu xạ và kết hợp xử lý hóa học để chế tạo oligo- β -glucan tan nước có Mw thấp phù hợp ứng dụng cho nuôi tôm thương phẩm. Tìm hiểu hiệu ứng của chế phẩm oligo- β -glucan lên quá trình kháng bệnh và tăng trưởng ở tôm he chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). Nghiên cứu hiệu ứng của chế phẩm oligo- β -glucan lên quá trình kháng bệnh và tăng trưởng ở tôm sú (*Penaeus monodon*), đồng thời tìm hiểu hiệu ứng của chế phẩm oligo- β -glucan lên quá trình kháng bệnh và tăng trưởng ở tôm hùm đá (*Palinuridae homarus*). Hoàn thiện

quy trình công nghệ chế tạo oligo- β -glucan từ bã men bia bằng phương pháp chiếu xạ và chế tạo chế phẩm bổ sung oligo- β -glucan tan nước có Mw thấp phục vụ thử nghiệm mô hình nuôi tôm he chân trắng, tôm sú và tôm hùm đá sạch thương phẩm. Xây dựng các mô hình thử nghiệm đánh giá hiệu quả của chế phẩm trong nuôi tôm he, tôm sú và tôm hùm đá.

Số hồ sơ lưu: 21744

88567. 09-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) trên cát bằng nước biển ven bờ ở miền Trung đảm bảo an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh/** KS. Lê Hồng Duyệt, KS. Tạ Phạm Quốc Huy; KS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc; CN. Nguyễn Thị Xuân Diệu; PGS.TS. Võ Văn Nha; ThS. Võ Văn Tân; KS. Trần Thị Lưu; CN. Phạm Thị Hậu; CN. Mai Thị Mỹ Lan; KS. Đặng Hồng Vi; ThS. Võ Thị Ngọc Trâm; CN. Lê Thị Thanh Khiêm; CN. Trần Thị Ngân; CN. Trần Thị Mỹ Vương; ThS. Nguyễn Thị Chi; CN. Đào Thị Ánh Tuyết - Phú Yên - Công ty TNHH Thủy sản Đặc Lộc, 2022; 06/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi tôm trên cát dùng nước biển ven bờ an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, giảm thiểu tác động môi trường. Xây dựng mô hình nuôi tôm trên cát áp dụng công nghệ đã hoàn thiện. Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình công nghệ nuôi

tôm trên cát sử dụng nước biển ven bờ ở miền Trung. Sản xuất thử nghiệm nuôi tôm trên cát bằng nước biển ven bờ ở miền trung đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh. Tiến tới xây dựng thương hiệu tôm nuôi trên cát bằng nước biển ven bờ an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh.

Số hồ sơ lưu: 21683

88583. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chiếu sáng đèn LED và thiết bị đo sinh khối ứng dụng công nghệ xử lý ảnh trong nhân nuôi tảo *Spirulina maxima* nhằm nâng cao năng suất và chất lượng/** ThS. Nguyễn Thị Hiền, TS. Trần Bảo Trâm; TS. Nguyễn Ngọc Tú; KS. Trần Văn Quảng; CN. Ngô Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; TS. Vũ Xuân Tạo; ThS. Phan Diệp Tú; KS. Trần Bình Minh; ThS. Trương Thị Chiên - Hà Nội - Trung tâm Sinh học Thực nghiệm, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ nhân nuôi tảo *Spirulina maxima* sử dụng công nghệ phối chiếu sáng, quy mô 500 m² /mô hình với năng suất đạt ≥ 2 g/L, hàm lượng phycocyanin $\geq 12\%$ (tính theo sinh khối khô). Nghiên cứu chế tạo thiết bị tự động đo sinh khối *Spirulina* ứng dụng công nghệ xử lý ảnh với dải đo (optical density – OD560 nm) từ 0-2. Qua đó, đánh giá hiệu quả tăng năng suất và hàm lượng phycocyanin của sinh khối tảo.

Số hồ sơ lưu: 21724

88648. 09-2023 **Hoàn thiện công nghệ ương nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) bố mẹ sinh trưởng nhanh và sạch bệnh/** ThS. Trần Đình Cẩm Lan, TS. Vũ Văn In ThS. Cao Trường Giang; KTV. Nguyễn Hữu Nguyên; KTV. Nguyễn Thành Hoàng; KTV. Lê Tấn Chương; KTV. Lê Ngọc Thuận; ThS. Trần Thị Nguyệt Minh; KS. Nguyễn Huy Hưng; KTV. Đinh Văn Hợp; KTV. Lê Văn Thuận; KTV. Đặng Quang Mạn; KTV. Bùi Thị Huyền Linh - Ninh Thuận - Công ty TNHH Moana Ninh Thuận, 2022; 06/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện qui trình ương tôm sú chọn giống tiền thành thực với các chỉ tiêu kỹ thuật: tối thiểu 2 dòng gia đình/lần nuôi; thời gian nuôi 100 g, tôm đực >80 g; tỷ lệ sống từ PPL đến cỡ bố, mẹ > 40%; tỷ lệ thành thực sau cắt mắt >85%; tỷ lệ nở >85%; sức sinh sản tôm cái: >500.000 ấu trùng/lần đẻ. Thiết kế mặt bằng và quy trình vận hành hệ thống nuôi tôm sú bố mẹ thành thực và tiền thành thực. Xây dựng mô hình sản xuất tôm sú bố mẹ sạch bệnh qui mô 5.000 cặp/đợt và sản xuất 30.000 cặp tôm sú bố mẹ tiền thành thực. Tiến hành tập huấn, đào tạo kỹ thuật sinh sản nhân tạo tôm sú. Qua đó, xây dựng bộ tài liệu nhằm quảng bá thương hiệu và phát triển thị trường.

Số hồ sơ lưu: 21682

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

88189. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá sệt trên tàu vỏ gỗ/** TS. Nguyễn Xuân Thi, ThS. Đinh Xuân Hùng; KS. Nguyễn Trí Ái; ThS. Phạm Văn Long; ThS. Nguyễn Như Sơn; KS. Nguyễn Phan Phước Long; KS. Trần Xuân Lâm; TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Điềm; KS. Đặng Văn An; KS. Hà Thế Diên; KS. Dương Chí Tuấn - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2020; 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Có được hồ sơ thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu cá ngừ vỏ gỗ (công suất tàu ≥ 400 CV) bằng đá sệt (Nhiệt độ đá sệt: $-1,5^{\circ}\text{C} \pm 0,5$; Năng suất đá sệt 4 tấn/ngày). Xây dựng quy trình công nghệ bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu cá ngừ vỏ gỗ (công suất tàu ≥ 400 CV) bằng đá sệt, giảm tổn thất về chất lượng sản phẩm 30% so với công nghệ bảo quản bằng nước đá. Xây dựng 02 mô hình ứng dụng công nghệ bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu cá ngừ vỏ gỗ (công suất tàu ≥ 400 CV) bằng đá sệt.

Số hồ sơ lưu: 21783

88575. 09-2023 **Nghiên cứu công nghệ giết cá tra nhân đạo, đảm bảo an sinh vật nuôi, chất lượng fillet/** KS. Hồ Thanh Huệ, Nghệ Văn Đạt; Nguyễn Tiến Mạnh; Đinh Trường Thành; Nguyễn Lộc Ninh; Trần Đông Thiện; Nguyễn Tính Tiền; Võ Thành Tạ; Dương

Anh Tài; Jeffrey Andrew Lines; Nghệ Văn Đạt; Nguyễn Tiến Mạnh; Đinh Trường Thành; Nguyễn Lộc Ninh; Trần Đông Thiện; Nguyễn Tính Tiền; Võ Thành Tạ; Dương Anh Tài; Jeffrey Andrew Lines - Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, 2022; 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng thu hoạch, vận chuyển cá về nhà máy. Tiến hành thử nghiệm, lựa chọn cách thu hoạch và vận chuyển cá về nhà máy ở quy mô nhỏ đảm bảo tối thiểu stress phù hợp cho đề tài này. Nghiên cứu kỹ thuật tải cá lên nhà máy, gây choáng cá bằng điện đảm bảo tối thiểu stress trước và sau cắt tiết. Lựa chọn và thiết kế hoàn chỉnh hệ thống gây choáng với công suất 20 tấn/giờ.

Số hồ sơ lưu: 21697

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

87985. 09-2023 **Nghiên cứu sản xuất nhân tạo giống Cua biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre/** ThS Dương Thị Phượng, TS. Lê Văn Chí; ThS. Dương Thị Phượng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Phạm Văn Lành; KS. Phan Quang Dục; CN. Lê Vũ Thiên Đại; KS. Phạm Hồng Quốc Cường - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2023; 11/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển nghề nuôi Cua biển thương phẩm bằng con giống nhân tạo phù hợp với điều kiện môi trường, vùng nuôi của tỉnh Bến Tre

và phát triển nghề nuôi cua khi chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Cua biển được cấp chứng nhận. Đa dạng đối tượng nuôi cho vùng nước mặn lợ, tận dụng tối đa tiềm năng mặt nước và phát triển nghề nuôi Cua biển từ các ao nuôi tôm kém hiệu quả, hạn chế được rủi ro trong nuôi tôm, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân tỉnh Bến Tre trên diện tích đất canh tác.

Số hồ sơ lưu: BTE-189-2023

40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp

87979. 09-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật thú y/** TS. Nguyễn Trung Tiến, ThS. Phạm Quang Trung; ThS. Vũ Thị Mỹ Hạnh; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hà; BSTY. Trần Tiên Quân; BSTY. Nguyễn Thị Loan; TS. Đoàn Thị Thanh Hương - Hà Nội - Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y TW1, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ, bảo quản thường xuyên 42 nguồn gen vi sinh vật thú y. Kiểm tra đánh giá định kỳ 6 giống vi sinh vật thú y bao gồm: 3 giống vi khuẩn (Tụ huyết trùng trâu bò Pbu.2; Đóng dấu lợn cường độc E37, E80); 3 giống vi rút (Đại CVS; Đại Cố định; Dịch tả lợn nhược độc). Giải mã gen đặc trưng 5 giống vi sinh vật: Tụ huyết trùng trâu bò Pbu.2, Đóng dấu lợn cường độc E37, E80, Đại Cố định và Đại CVS. Tư liệu hóa nguồn gen vi sinh vật thú y dưới hình thức cơ sở dữ liệu bằng văn bản. Cung cấp giống cho các đơn vị chẩn đoán, nghiên cứu, giảng dạy và kiểm

ngiệm vắc xin và chế phẩm sinh học dùng trong thú y.

Số hồ sơ lưu: 22485

40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác

88171. 09-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật thú y/** TS. Đào Duy Tùng, TS. Bùi Ngọc Anh; ThS. Phạm Thị Huê; BSTY. Nguyễn Thị Thanh Huyền; KTV. Ngô Thị Minh Quyền - Hà Nội - Viện thú y, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ, bảo quản ổn định 24 chủng giống vi sinh vật (02 chủng virus cúm H5N1, 06 chủng vi khuẩn Campylobacter, 07 chủng vi khuẩn E.coli, 08 chủng Salmonella, 01 chủng vi khuẩn Mycoplasma) hiện đang được lưu giữ và bảo tồn tại Viện Thú Y. Kiểm tra lại các đặc tính sinh học, xác định sự ổn định và lưu giữ giống vi rút cúm A H5N1 A/Dk/VNQB/74/12 thích nghi trên phôi trứng và A H5N1 A/Dk/VNQB/74/12 thích nghi trên tế bào MDCK, nhằm cung cấp chủng giống tham chiếu cho các nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước. Tư liệu hóa nguồn gen và bổ sung chỉnh sửa thông tin hồ sơ gốc hai chủng vi rút cúm A H5N1 A/Dk/VNQB/74/12 thích nghi trên phôi trứng và trên tế bào MDCK.

Số hồ sơ lưu: 22469

80250. 09-2023 **Nghiên cứu sản xuất phân gà thành phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén tại tỉnh Phú Thọ/** TS. Đinh Hồng Duyên, TS. Đinh Hồng Duyên; ThS. Nguyễn

Tú Điệp; TS. Vũ Thanh Hải; ThS. Nguyễn Văn Thao; PGS.TS. Phan Quốc Hưng; ThS. Đỗ Tất Thủy; TS. Nguyễn Xuân Hòa; TS. Nguyễn Thế Bình; TS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Vũ Công Cảnh - Hà Nội - Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Đất và Môi trường, 2022; - . (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá bổ sung thông tin về tình hình chăn nuôi và xử lý phân gà trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Đánh giá nguồn cung cấp nguyên liệu cho sản xuất; Thực trạng sản xuất và nhu cầu sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh trên địa bàn tỉnh; Lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm sản phẩm phân bón và mô hình trồng rau, quả thử nghiệm sử dụng phân bón hữu cơ - vi sinh được nghiên cứu, sản xuất. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén từ phân gà. Nội dung 3: Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén tại tỉnh Phú Thọ. Xây dựng mô hình thử nghiệm sử dụng phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén trên cây rau cải và cây bưởi đặc sản Đoan Hùng. Tập huấn kỹ thuật sản xuất phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén tới người dân trên địa bàn tỉnh; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kết quả đề tài.

Số hồ sơ lưu: PTO-2022-013

499. Khoa học nông nghiệp khác

87751. 09-2023 **Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục**

vụ công tác đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng lĩnh vực thủy sản/ TS. Phạm Duy Khánh, ThS. Phạm Thế Bảo; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; TS. Hoàng Vũ Quang; ThS. Đào Tiến Dũng; CN. Nguyễn Văn Ba; CN. Trần Thị Phương Ngân; TS. Tô Liên Thu; ThS. Lê Lan Hương ThS. Bùi Thị Minh Dung; ThS. Tạ Văn Tường; ThS. Hoàng Minh Huy; CN. Nguyễn Như Khải; CN. Nguyễn Vũ Hoàng Lâm - Hà Nội - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng xây dựng , áp dụng các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) trong công tác đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng trong lĩnh vực thủy sản ; Đề xuất phương hướng hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực thủy sản thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22488

87752. 09-2023 **Nghiên cứu đánh giá việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ công tác đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng một số sản phẩm trồng trọt chính/** ThS. Đặng Đức Chiến, CN. Hà Thị Ngọc Bích; TS. Nguyễn Mai Hương; TS. Hoàng Vũ Quang; ThS. Đặng Phúc Giang; ThS. Phạm Thế Bảo; ThS. Nguyễn Ngọc Yên; TS. Nguyễn Văn Vương; TS. Tô Liên Thu; ThS. Nguyễn Văn Ba; CN. Nguyễn Như Khải; CN. Nguyễn Vũ Hoàng Lâm; CN. Đào Tiến Dũng;

ThS. Tạ Văn Tường; ThS. Hoàng Minh Huy; ThS. Bùi Thị Minh Dung; ThS. Nguyễn Việt Hưng - Hà Nội - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan quy định, văn bản pháp lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, thực trạng xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) trong lĩnh vực trồng trọt. Đánh giá thực trạng áp dụng các TCVN, QCVN lĩnh vực trồng trọt đối với một số cây trồng chính trong đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng. Đề xuất phương hướng hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN lĩnh vực trồng trọt.

Số hồ sơ lưu: 22487

88009. 09-2023 **Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” dùng cho sản phẩm xoài tứ quý và nhãn hiệu chứng nhận cho biểu trưng của chỉ dẫn địa lý xoài tứ quý tỉnh Bến Tre/** ThS Bùi Kim Đồng, ThS. Bùi Kim Đồng; ThS. Hoàng Hữu Nội; TS. Trịnh Văn Tuấn; KS. Hoàng Thị Thu Huyền; KS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Trần Văn Chính; ThS. Hà Trần Mạnh Hùng; KS. Trịnh Thị Quyên; CN. Nguyễn Việt Đông; CN Ngô Trung Kiên - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2023; 12/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” dùng cho quả xoài tứ quý tỉnh Bến Tre nhằm bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng cho người tiêu thụ và sản xuất ; làm cơ sở cho công tác đầu tư và nâng cao giá trị tăng thêm của sản phẩm nông nghiệp ; Sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế , xã hội ; Góp phần duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: BTE-190-2023

88402. 09-2023 **Xây dựng mô hình chế biến một số sản phẩm từ cây bưởi Đuan Hùng/** ThS. Nguyễn Việt Anh, 1.ThS. Nguyễn Việt Anh 2. KS. Đỗ Chí Thành 3.ThS. Nguyễn Đức Lương 4.CN. Đặng Ngọc Thành 5.ThS. Hà Hải Long 6. ThS.Nguyễn Thị Bích Thủy 7.ThS. Đinh Quốc Toàn 8.ThS.Nguyễn Hoàng Minh 9.ThS - Phú Thọ - Hợp tác xã Công nghệ cao Đuan Hùng, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, thu thập thông tin về tình hình sản xuất và tiêu thụ bưởi Đuan Hùng, công nghệ chế biến quả bưởi. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sản xuất, chế biến một số sản phẩm từ bưởi. Xây dựng 04 mô hình chế biến các sản phẩm từ bưởi: 01 mô hình sản xuất rượu bưởi công suất 5.000 l/năm; 01 mô hình chưng cất tinh dầu vỏ bưởi công suất 50 kg nguyên liệu/mẻ cho ra 350 ml tinh dầu/mẻ, hiệu suất chưng cất đạt 80%. sản xuất 60 mẻ, sản lượng tinh dầu dự kiến 21.000 ml; 01 mô hình

sản xuất cùi bưởi sấy khô công suất 500 kg nguyên liệu/năm; 01 mô hình sản xuất vỏ bưởi công suất 500 kg nguyên liệu/năm. Tập huấn kỹ thuật cho cán bộ và người dân. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng cơ sở. Tổ chức hội thảo và thông tin tuyên truyền sản phẩm của dự án

Số hồ sơ lưu: PTO - 112023

5. Khoa học xã hội

88319. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp tại tỉnh Thừa Thiên Huế/** CN. Đặng Ngọc Trân, CN. Lê Văn Vu; CN. Phan Việt Giảng; CN. Lê Quý Phở; CN. Mai Duy Bình; ThS. Phan Nguyễn Bảo Hoàng; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Nga; CN. Lê Thị Kim Chi; CN. Bùi Võ Hà Nguyên - Thừa Thiên Huế - Ban Nội chính Tỉnh uỷ, 2023; 05/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá được thực trạng công tác cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số hồ sơ lưu: 212/KQNC

88322. 09-2023 **Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch cộng đồng tỉnh Đồng Tháp/** ThS. Nguyễn Bích Ngọc, ThS. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa; TS. Nguyễn Phước Dũng; ThS. Nguyễn Tấn Lực; ThS. Nguyễn Văn Hiệp; ThS. Trần Thị Phượng; CN. Phạm Thanh Tâm - Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - Trường

chính trị tỉnh Đồng Tháp, 2021; 02/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ngành du lịch Đồng Tháp đã có hàng loạt các chương trình, kế hoạch, đề án vv... để đẩy mạnh phát triển du lịch của Tỉnh. Hòa với sự phát triển chung, du lịch cộng đồng tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua cũng không ngừng phát triển. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có 112 điểm du lịch cộng đồng được công nhận, trong đó một số địa phương có số lượng điểm du lịch cộng đồng nhiều như: Thành phố Sa Đéc có 18 điểm, thành phố Cao Lãnh có 11 điểm, huyện Tháp Mười có 13 điểm, huyện Lai Vung có 9 điểm, huyện Cao Lãnh có 7 điểm, huyện Châu Thành có 5 điểm,...". Du lịch cộng đồng đã tạo ra sản phẩm và lực hấp dẫn lớn đối với du khách quốc tế và nội địa; tạo nguồn thu nhập chính cho ngành du lịch của tỉnh và cho cộng đồng dân cư...

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-004

88344. 09-2023 **Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo kép gắn với giải quyết việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tỉnh Hà Giang/** ThS. Nguyễn Minh Tuấn, ThS. Phạm Thị Phương Huệ; ThS. Quách Văn Hóa; ThS. Vũ Văn Tiến; ThS. Trần Văn Hải; ThS. Đỗ Thị Bích Loan; ThS. Đặng Ngọc Huy; ThS. Bùi Anh Tuấn; CN. Nguyễn Trọng Nam; ThS. Đỗ Quang Tùng; ThS. Bùi Thị Loan; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; ThS. Đặng Văn Đạt. - Hà Giang - Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang, 2022;

06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng mô hình đào tạo kép gắn với giải quyết việc làm cho học sinh tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Đánh giá thực trạng một số mô hình đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015 - 2019; Xây dựng 03 bộ chương trình đào tạo tiên tiến các nghề: Công nghệ ô tô, Chăn nuôi thú y, May thời trang; Xây dựng 03 mô hình đào tạo kép ứng dụng vào giảng dạy phù hợp điều kiện thực tiễn đào tạo nghề của tỉnh Hà Giang, giải quyết việc làm cho 150 học sinh hệ trung cấp các nghề Công nghệ ô tô, Chăn nuôi thú y, May thời trang (*chiếm 75% tổng số học sinh được tham gia đào tạo*).

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

88372. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp hỗ trợ quản lý hồ sơ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đáp ứng quá trình chuyển đổi số hiện nay/** Dương Xuân Hùng, Lê Quang Trung ThS. Dương Xuân Hùng; ThS. Lê Quang Trung; TS. Nguyễn Đắc Tuyên; CN. Dương Hồng Vinh; ThS. Phạm Khánh Hoàng; ThS. Đặng Thế Vinh; ThS. Vũ Anh Tuấn; CN. Thân Thị Nguyệt Quế; CN. Vũ Như Ngà; ThS. Nguyễn Thanh Hoàng; ThS. Cao Thị Anh Thư; ThS. Nguyễn Việt Hải; KS. Vũ Tiến Hải; ThS. Trần Lâm; KS. Đỗ Văn Dũng; KS. Nông Trung Kiên; KS. Bùi Văn Ninh; KS. Phạm Trọng Nam; KS. Nguyễn Văn Tuyên; KS. Lê Trung Hiếu; ThS.

Dương Anh Sơn; KS. Phạm Thúy Hằng; KS. Trần Minh Hoàng; KS. Vũ Ngọc Thiện; KS. Đinh Hữu Thảo; ThS. Trần Hải Quân; ThS. Nguyễn Tuấn Vũ; CN. Mai Thị Vân Anh; CN. Lê Ngọc Hoa; CN. Giáp Thị Thu Trang - Thái Nguyên - Ban Tổ chức Tỉnh Ủy Thái Nguyên, 2023; 10/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đề tài đã đánh giá thực trạng quản lý hồ sơ cán bộ; đề xuất các giải pháp hỗ trợ quản lý hồ sơ cán bộ đáp ứng quá trình chuyển đổi số và yêu cầu trong quản lý cán bộ hiện nay; xây dựng 01 phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để phục vụ quá trình quản lý, khai thác và tổng hợp báo cáo

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-01

88381. 09-2023 **Xây dựng mô hình chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo thích ứng với xã hội số tại tỉnh Thái Nguyên/** Phạm Thị Tuấn Linh, TS. Phạm Thị Tuấn Linh; TS. Đặng Hoàng Hà; TS. Phương Hữu Khiêm; PGS. TS Nguyễn Khánh Doanh; TS. Nguyễn Tú Anh; ThS. Hà Trọng Quỳnh; ThS. Nguyễn Ngọc Sơn; ThS. Đào Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Tân Tiến; ThS. Trần Minh Châu; ThS. Đinh Thị Phương Anh; TS. Lê Quốc Thành; CN. Phạm Thị Thiên Trang; ThS. Lý Tiến Hải; ThS. Phạm Ngọc Tuấn; ThS. Bùi Thị Thu Thủy; TS. Lý Thị Thu Nga; CN. Phạm Quốc Quân; ThS. Hoàng Phương; KS. Nguyễn Duy Linh; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Đình Hoàng;

ThS. Hoàng Hữu Quý - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2023; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình chuyển đổi số trong giáo dục – đào tạo tại tỉnh Thái Nguyên phù hợp với các điều kiện tự nhiên – kinh tế - xã hội của tỉnh và thích ứng với công tác xây dựng xã hội số. Đánh giá thực trạng chuyển đổi số tại các trường và nhận thức của xã hội về chuyển đổi số trong giáo dục – đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Xây dựng mô hình tổng thể về chuyển đổi số trong giáo dục – đào tạo. Xây dựng mô hình chuyển đổi số trong dạy học trực tuyến. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả chuyển đổi số trong dạy học trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-06

88385. 09-2023 Xây dựng hệ thống ảo hóa đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Thái Nguyên/ Đỗ Hoàng Thái; KS. Đỗ Hoàng Thái; ThS. Tạ Tuấn Dũng; KS. Phạm Văn Nối; KS. Nguyễn Quỳnh Lê; ThS. Trần Thị Thùy Linh; KS. Nguyễn Thị Kim Luận; KS. Vũ Minh Quân; CN. Dương Thị Kim Ngân; ThS. Vũ Đình Giang; CN. Bùi Thị Thanh Bình; CN. Phan Thị Quế; KS. Nguyễn Anh Chiến; KS. Bé Việt Khuyến; KS. Nguyễn Bảo Khánh; KS. Hà Mạnh Hùng; CN. Trần Thị Ngọc Quỳnh; CN. Đỗ Thị Oanh; CN. Hồ Thiên Nga - Thái Nguyên - Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2023; 12/2021 -

12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sử dụng hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin và máy chủ cũ đã được đầu tư, trang bị (trước khi xây dựng Trung tâm dữ liệu mới), xây dựng giải pháp ảo hóa đám mây trên nền tảng phần mềm mã nguồn mở phục vụ mở rộng lưu trữ, xử lý cho Trung tâm dữ liệu tỉnh Thái Nguyên. Ứng dụng nền tảng ảo hóa đám mây nhằm đáp ứng nhu cầu về xử lý, lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu trên cơ sở tận dụng hệ thống 15 máy chủ cũ và hệ thống lưu trữ SAN sẵn có tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, với tổng dung lượng lưu trữ (Storage) 18.600Gb và tài nguyên bộ nhớ trong (RAM) 224Gb sẽ thành một hệ thống thống nhất và bổ sung 20% năng lực (dung lượng lưu trữ và tốc độ xử lý) cho Trung tâm dữ liệu tỉnh Thái Nguyên. Tích hợp các công nghệ mã nguồn mở trong việc nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu, tiết kiệm chi phí đầu tư. Xây dựng các hệ thống ảo hóa đám mây riêng biệt trên hạ tầng trang thiết bị sẵn có phục vụ lưu trữ một số hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng của tỉnh như: hệ thống quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành, hệ thống một cửa điện tử,... quản lý việc cấp, phát tài nguyên một cách linh hoạt cho từng ứng dụng, từng đơn vị một cách linh hoạt tức thời.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-08

50102. Tâm lý học chuyên ngành

88619. 09-2023 Sức khỏe tâm thần của giáo viên trung học cơ sở/

TS. Đỗ Thị Lệ Hằng, ThS. Nguyễn Thị Hinh; PGS.TS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Hoàng Nhật; PGS.TS. Phan Thị Mai Hương; TS. Đinh Thị Hồng Vân; ThS. Trần Hải Ngọc - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về sức khỏe tâm thần và sức khỏe tâm thần của giáo viên. Tìm hiểu thực trạng sức khỏe tâm thần của giáo viên thể hiện qua các biểu hiện lo âu, trầm cảm, kiểm soát hành vi và các cảm xúc tích cực thông qua thang đo MHI-18, căng thẳng (DASS). Qua đó, xác định mối quan hệ giữa sức khỏe tâm thần với các yếu tố tâm lý, yếu tố xã hội và đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao sức khỏe tâm thần cho giáo viên trung học cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 21787

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

87668. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp và du lịch tỉnh Ninh Bình/ PGS. TS. Đỗ Văn Dung, ThS. Hoàng Trung Kiên; ThS. Nguyễn Cao Sơn; ThS. Nguyễn Cao Tân ; PGS. TS. Lê Bộ Lĩnh; PGS. TS. Lê Xuân Bá; TS. Phạm Sỹ An; TS. Vũ Văn Trường; ThS. Tạ Hoàng Hùng; ThS. Hà Thị Phượng. - Ninh Bình - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Ninh Bình, 2023; 08/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Phân tích hiện trạng phát triển công nghiệp và du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2020; Đề xuất giải pháp ưu tiên đẩy mạnh phát triển công nghiệp và du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030; Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất khung phân tích phát triển công nghiệp và du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp; Đánh giá thực trạng phát triển du lịch; Đề xuất mô hình phát triển công nghiệp tỉnh Ninh Bình; Đề xuất mô hình phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-010-2023

87754. 09-2023 **Quy tắc xuất xứ, hiệp định tự do thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu: nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam/ PGS. TS. Đoàn Ngọc Thắng, ThS. Hoàng Phương Dung; TS. Lê Thanh Hà; TS. Trịnh Quang Long; TS. Nguyễn Thị Cẩm Thủy; TS. Nguyễn Thị Hồng Hải; ThS. Lê Hà Trang; ThS. Nguyễn Đức Dũng - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Định vị nền sản xuất Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu; Các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tổng hợp lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các quốc gia và nghiên cứu tác động của quy tắc xuất xứ lên chuỗi giá trị toàn cầu; Đề xuất một số khuyến nghị chính sách trong việc xây dựng và thương thảo quy tắc xuất xứ và các chính

sách khác nhằm tăng cường liên kết của các nước trong chuỗi giá trị toàn cầu. Điều tra khảo sát số liệu; Hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ và hành vi tăng cường liên kết vào chuỗi giá trị toàn cầu; Đề xuất một số khuyến nghị chính sách trong việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp đối với quy tắc xuất xứ nhằm tăng cường liên kết của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: 22480

87982. 09-2023 **Kinh nghiệm quốc tế về mô hình kinh tế chia sẻ và bài học cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Cao Đức, ThS. Lương Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Phí Hồng Minh; ThS. Đào Thị Phương Thảo; ThS. Vũ Thị Thu Thu; PGS.TS. Cù Chí Lợi; PGS.TS. Nguyễn An Hà; GS.TS. Đỗ Hoài Nam; TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Hoàng Thế Anh; CN. Trương Phan Thanh Thủy - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở lý luận về mô hình kinh tế chia sẻ, trong đó nhấn mạnh vào nội hàm và bản chất mô hình kinh tế chia sẻ cũng như khung phân tích mô hình kinh tế chia sẻ. Thực trạng mô hình kinh tế chia sẻ ở một số nước trên thế giới, trong đó tập trung vào Mỹ, một số nước EU, Trung Quốc, Nhật, Ấn Độ, Singapore, Indonesia, Thái Lan kể từ giữa thập kỷ 2010 trở lại đây. Phân tích thực chứng, rút ra bài học kinh nghiệm quốc tế về phản ứng chính

sách liên quan đến quản trị hiệu quả mô hình kinh tế chia sẻ cho Việt Nam trong thập kỷ tới.

Số hồ sơ lưu: 22494

88156. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thúc đẩy áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn cho một số lĩnh vực sản xuất tại Việt Nam/** TS. Dương Thanh An, CN. Nguyễn Trọng Hạnh; TS. Lại Văn Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh; TS. Nguyễn Hoàng Nam; TS. Nguyễn Trung Thắng; PGS.TS. Lê Thu Hoa; TS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Đặng Quốc Thắng; TS. Hoàng Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học các mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực sản xuất. Đánh giá thực trạng, tiềm năng, thách thức, cơ chế, chính sách liên quan đến hình thành và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong một số ngành sản xuất ở Việt Nam. Nghiên cứu, đề xuất cách tiếp cận, mô hình, giải pháp, lộ trình thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Tiến hành thử nghiệm áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn cho 01 lĩnh vực công nghiệp ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn.

Số hồ sơ lưu: 21784

88175. 09-2023 **Mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển nông**

nghiệp bền vững ở Việt Nam/ TS. Triệu Thanh Quang, ThS. Trần Thị Thu Huyền; TS. Phạm Thị Thu Phương; TS. Vũ Hoàng Đạt; ThS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Trần Quý Thái; ThS. Nguyễn Thị Đào ; ThS. Lương Thùy Dương; ThS. Nguyễn Hồng Anh; CN. Nguyễn Thị Ánh Vân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ đặc trưng của mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp dựa trên nghiên cứu lý thuyết và kinh nghiệm các nước. Từ đó, chỉ ra những đặc điểm của các mô hình kinh tế tuần hoàn điển hình trong nông nghiệp tại Việt Nam. Đánh giá thực trạng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển nông nghiệp bền vững qua nghiên cứu trường hợp tại một số địa phương điển hình như Hà Nam và Bình Phước. Xây dựng khung nguyên tắc xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp tại Việt Nam. Qua đó đưa ra các khuyến nghị chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21737

88243. 09-2023 Phát triển bền vững vùng Trung Bộ từ thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm miền Trung/ PGS. TS. Hồ Việt Hạnh, TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh; TS. Lương Tình; ThS. Vũ Thị Ngọc; TS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Hồ Thị Kim Thùy; ThS. Đinh Thế Toàn; TS. Phan Thị Sông Thương; CN. Nguyễn Hoàng Yên -

Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết về phát triển bền vững vùng và đánh giá thực trạng phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn 2011 - 2020, đề tài xác định, luận chứng những vấn đề đặt ra và đưa ra những giải pháp phát triển bền vững vùng Trung Bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Làm rõ những vấn đề lý thuyết về phát triển bền vững vùng. Đánh giá thực trạng phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Xác định những vấn đề đặt ra và giải pháp phát triển bền vững vùng Trung Bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

Số hồ sơ lưu: 22098

88244. 09-2023 Nghiên cứu kế toán nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/ PGS. TS. Phạm Đức Hiếu, TS. Nguyễn Thị Minh Giang; TS. Hoàng Thị Bích Ngọc; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; TS. Lại Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Ninh; TS. Chu Thị Huyền; TS. Nguyễn Thu Hoài; ThS. Nguyễn Thị Cảnh Lan; ThS. Vũ Ngọc Minh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về kế toán nguồn nhân lực trên các góc độ: khái niệm, điều kiện ghi nhận, xác định giá trị; ghi nhận; trình bày, công bố thông tin; và sử dụng thông tin về nguồn nhân lực của doanh nghiệp

(DN). Đánh giá thực trạng kế toán nguồn nhân lực tại một số DN Việt Nam liên quan đến các nội dung nhận diện, xác định giá trị, ghi nhận, trình bày, công bố thông tin và sử dụng thông tin nguồn nhân lực cho các mục tiêu khác nhau; thực trạng, điều kiện, khả năng sẵn sàng, các yếu tố cần thiết để có thể áp dụng kế toán đầy đủ nguồn nhân lực trong các DN Việt Nam trong thời gian tới. Đề xuất các khuyến nghị và điều kiện cho việc thực hiện kế toán nguồn nhân lực tại các DN Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22099

88247. 09-2023 **Kinh tế chia sẻ - Thực tiễn triển khai trên thế giới và bài học cho Việt Nam/ PGS. TS. Vũ Thị Thanh Xuân, PGS.TS. Nguyễn Thị Tường Anh; TS. Phùng Tuấn Anh; TS. Phạm Thị Mỹ Hạnh; TS. Vũ Thị Quế Anh; TS. Nguyễn Thị Minh Thư; TS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Doãn Thị Phương Anh; ThS. Phạm Phương Thảo; ThS. Trương Thị Thanh Thùy; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; CN. Nguyễn Ngọc Hiếu - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Trên cơ sở hệ thống hoá những vấn đề lý luận về kinh tế chia sẻ (KTCS), đồng thời nghiên cứu thực tiễn phát triển KTCS ở các nước trên thế giới, rút ra bài học và đề xuất giải pháp tiếp tục phát triển KTCS tại Việt Nam. Tổng kết kinh nghiệm phát triển kinh tế chia sẻ ở các quốc gia trên thế giới và rút ra được bài học kinh nghiệm phù hợp với bối cảnh

và thực trạng ở Việt Nam. Rút ra bài học và đề xuất phương hướng cũng như giải pháp tiếp tục phát triển KTCS tại Việt Nam một cách hiệu quả hơn trong thời gian tới, phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22102

88419. 09-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình/ TS. Nguyễn Thị Khuy, ThS. Hoàng Thị Phương Thảo; ThS. Thái Thị Lan Anh; ThS. Đinh Duy Khánh; ThS. Nguyễn Bá Nam; TS. Nguyễn Văn Bài; ThS. Nguyễn Lê Diệu Linh; ThS. Trần Thị Diệu Linh; ThS. Lưu Thùy Dương; ThS. Hoàng Phương Anh. - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2023; 01/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá thực trạng công tác tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển KT - XH tỉnh Ninh Bình; Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển KT - XH tỉnh Ninh Bình; Đề xuất một số giải pháp tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển KT - XH tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-014-2023

88564. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất định hướng quản lý chất lượng lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam/ ThS. Nguyễn Quang Tỏa, ThS. Đinh Quang Trung; ThS. Đinh Hải Đăng; ThS.**

Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Trần Thị Minh Phương; ThS. Phan Trung Kiên; ThS. Nguyễn Anh Tuấn - Hà Nội - Vụ Khoa học và Công nghệ, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hoạt động quản lý chất lượng. Nghiên cứu thực trạng quản lý chất lượng lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam và tình hình, xu hướng của một số quốc gia. Qua đó, đề xuất đề xuất định hướng công tác quản lý chất lượng lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam và đề xuất mô hình, phương thức và các yêu cầu bảo đảm quản lý chất lượng lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21673

88605. 09-2023 **Phát triển dịch vụ thanh toán điện tử ở Việt Nam trong bối cảnh mới/** TS. Nguyễn Thị Tố Quyên, TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Trần Thị Mỹ Anh; TS. Đặng Thị Thúy Duyên; ThS. Đoàn Thị Thu Hương; ThS. Trần Thị Kim chi; ThS. Nguyễn Thu Phương - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển dịch vụ thanh toán điện tử. Tìm hiểu về thực trạng phát triển một số hình thức dịch vụ thanh toán điện tử ở Việt Nam. Qua đó, đề ra một số giải pháp chính sách phát triển dịch vụ thanh toán điện tử ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21757

88685. 09-2023 **Liên kết phát triển dịch vụ logistics tại Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung/** TS. Phan Thị Sông Thương, ThS. Hồ Thị Kim Thùy; TS. Hoàng Hồng Hiệp; ThS. Phạm Trung Hiếu; TS. Trần Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Hoàng Yên; ThS. Đinh Thế Toàn; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Châu Ngọc Hòe; ThS. Hoàng Thị Thu Hương - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan về môi trường pháp lý và sự phát triển dịch vụ logistics ở vùng Kinh tế trọng điểm (KTTĐ) miền Trung; Phân tích, đánh giá đặc điểm của các địa phương tại vùng KTTĐ miền Trung để xác định tiềm năng và thách thức cho phát triển dịch vụ logistics; Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ logistics của vùng KTTĐ miền Trung thông qua phân tích các số liệu thứ cấp, khảo sát và điều tra xã hội học. Trong đó thực hiện nghiên cứu đo lường chất lượng dịch vụ logistics tại các địa phương trong vùng KTTĐ miền Trung; Phân tích và đánh giá thực trạng liên kết phát triển dịch vụ logistics tại vùng KTTĐ miền Trung, tập trung đánh giá thực trạng và khả năng kết nối giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng dịch vụ logistics của Vùng; Đề xuất các giải pháp phát triển dịch vụ logistics theo hướng liên kết vùng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Vùng KTTĐ miền Trung trong bối cảnh mới; Thông qua kết quả nghiên cứu, đề tài đưa ra một số khuyến nghị đối với Trung ương, địa

phương và doanh nghiệp nhằm tăng cường liên kết phát triển dịch vụ logistics của Vùng trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22105

50202. Kinh doanh và quản lý

87758. 09-2023 **Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn/** ThS. Nguyễn Xuân Tú, CN. Nguyễn Thị Thủy Tiên; ThS. Lê Thu Phương; ThS. Lê Văn Huệ; ThS. Phạm Thị Tuyết Trinh; ThS. Phạm Minh Sim; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Ngô Việt Phương; ThS. Lê Hữu Trọng; ThS. Phan Hồ Thanh Nhân - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2022; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về vốn góp, các hình thức góp vốn, các hình thức chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn (bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức khác; Tổng hợp kinh nghiệm quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn tại một số nước trên thế giới như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Singapore; Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn giai đoạn từ 2015 đến nay để làm rõ kết quả đạt được, vướng mắc, bất cập về chính sách và tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn; Định hướng, đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính

sách và quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, đào tạo nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22468

87998. 09-2023 **Ảnh hưởng của sự không đồng nhất nhà đầu tư tổ chức đến hiệu quả thị trường chứng khoán và vai trò của môi trường thể chế quốc gia/** PGS. TS. Võ Thị Thúy Anh, PGS.TS. Đặng Tùng Lâm; PGS.TS. Đặng Hữu Mẫn; TS. Hoàng Dương Việt Anh; TS. Phạm Việt Hùng - Đà Nẵng - Trường Đại học Kinh tế, 2023; 02/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá quan hệ giữa tính thông tin giá cổ phiếu và thanh khoản cổ phiếu với tư cách là hai nhân tố quan trọng phản ánh thị trường chứng khoán; Tác động của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản và tính thông tin của giá cổ phiếu, trong đó đặc biệt chú trọng vào sự không đồng nhất nhà đầu tư tổ chức và khi khía cạnh phản ánh hiệu quả thị trường chứng khoán; Cung cấp những phát hiện nhằm bổ sung tri thức mới về vai trò của nhà đầu tư tổ chức trên thị trường chứng khoán trong điều kiện các quốc gia có trình độ phát triển và môi trường thể chế khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22500

88043. 09-2023 **Nghiên cứu khả năng đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối Mercosur trong lĩnh vực tài chính/** ThS. Hà Duy Tùng, CN. Trần Tiến Đạt; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thu Giang; ThS. Bùi Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Hoàng Thị Diệu Linh - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Tài chính, 2021; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tiềm năng của thị trường khối Mercosur thông qua việc nghiên cứu tổng quan cũng như so sánh với các đối tác đã ký kết Hiệp định song phương và đa phương với Việt Nam. Bên cạnh đó, đề tài tập trung vào đánh giá mức độ mở cửa của thị trường đối tác cũng như kỳ vọng thông qua các Hiệp định đã ký kết nhằm đánh giá được khả năng đáp ứng của Việt Nam. Thông qua phân tích các tác động dự kiến đối của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Mercosur, cũng như đánh giá về cơ hội và thách thức, đề xuất phương án mở cửa thị trường khả thi, đề xuất các kịch bản đàm phán cũng như các khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực khai thác thị trường.

Số hồ sơ lưu: 22057

88057. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam/** ThS. Hàn Trần Việt, CN. Lê Thị Phượng; TS. Bùi Hoài Nam; PGS.TS. Đinh Đức Trường; TS. Đào Văn Hiền; ThS.

Nguyễn Thị Thùy Trang; ThS. Đỗ Văn Phương; ThS. Trần Bích Hồng; ThS. Phạm Đình Tuyên; CN. Trần Trung Hiếu - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2022; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRS). Tổng quan các nghiên cứu trên thế giới về quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH. Đánh giá được thực trạng áp dụng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH ở Việt Nam; Đề xuất được phương pháp và cơ cấu tính giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH phù hợp với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22071

88134. 09-2023 **Hoàn thiện kho bạc số tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam/** TS. Trần Quân, ThS. Nguyễn Hoàng Hải; PGS.TS. Lê Hùng Sơn; ThS. Nguyễn Thị Hoài; ThS. Trần Mạnh Hà; ThS. Lưu Hoàng; ThS. Bùi Thế Phương; ThS. Trương Thị Mỹ Vân; ThS. Nguyễn Thị Hoa; CN. Phạm Thị Tú - Hà Nội - Kho bạc nhà nước, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng luận cứ khoa học về Kho bạc số: Khái niệm Kho bạc số, và các vấn đề liên quan Kho bạc số: số hóa, Chuyển đổi số..., vai trò của Kho bạc số, một số nền tảng tạo cơ sở để hướng tới hoàn thiện Kho bạc số, các tiêu chí hoàn thiện Kho bạc số, và các nhân tố ảnh hưởng đến lộ trình hoàn thiện Kho bạc số. Tổng

hợp kinh nghiệm quốc tế và bài học kinh nghiệm giúp Việt Nam hoàn thiện Kho bạc số. Đánh giá thực trạng hoạt động của Kho bạc Nhà nước để hoàn thiện Kho bạc số tại Việt Nam giai đoạn 2007-2020 nhằm hoàn thiện Kho bạc số. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện Kho bạc số tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21815

88162. 09-2023 **Quản trị của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Bình, TS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Xuân Thắng; ThS. Trần Văn Long; ThS. Phạm Thị Huệ; ThS. Vũ Hồng Nhung; TS. Phạm Thị Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Việt Sơn; ThS. Nguyễn Văn Hải; CN. Trần Thị Trung - Hà Nội - Vụ Tổng hợp, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản trị của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Tìm hiểu thông lệ tốt quốc tế về quản trị của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước. Phân tích thực trạng quản trị doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước làm đại diện chủ sở hữu. Qua đó, đề xuất định hướng và giải pháp nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

Số hồ sơ lưu: 21733

88163. 09-2023 **Đảm bảo an ninh tài chính của Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các FTA thế hệ mới**/ TS. Lê Thanh Hà, TS. Phan Tiến Nam; PGS.TS. Đinh Trọng Thịnh; TS. Hoàng Thị Phương Lan; ThS. Dương Đức Thắng; ThS. Đặng Lê Ngọc; ThS. Nguyễn Thu Giang; ThS. Trần Việt Hùng; ThS. Nguyễn Tiến Sơn; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Học viện tài chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về an ninh tài chính quốc gia, trong đó tập trung vào việc xây dựng cách thức nhận diện các mối thách thức đe dọa an ninh tài chính quốc gia, chủ yếu trên góc độ tài chính công. Phân tích thực trạng đảm bảo an ninh tài chính của Việt Nam trên các lĩnh vực thu chi ngân sách nhà nước, an toàn nợ công và cơ chế giám sát, trong đó làm rõ một cách hệ thống về các nhân tố, thách thức và khó khăn ảnh hưởng đến an ninh tài chính quốc gia trong quá trình thực hiện các FTA thế hệ mới. Đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm tận dụng được các cơ hội, hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh tài chính quốc gia khi ký kết cũng như thực hiện các cam kết của các FTA thế hệ mới, trong đó tập trung vào các giải pháp mang tính trung và dài hạn.

Số hồ sơ lưu: 21741

88166. 09-2023 **Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí thực hiện**

lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội/ ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy, ThS. Bùi Hải Ninh; PGS.TS. Bùi Nam Sách; TS. Tô Trung Nghĩa; TS. Bùi Nguyên Hồng; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Lê Việt Sơn; TS. Đặng Quang Tính; ThS. Bùi Quang Huy - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích và bài học kinh nghiệm trên thế giới và thực trạng lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành, phát triển kinh tế xã hội trong nước. Các nội dung phòng chống thiên tai cần phải lồng ghép của một số ngành kinh tế xã hội dễ bị tổn thương bởi thiên tai. Xây dựng bộ tiêu chí lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành, phát triển kinh tế xã hội dễ bị tổn thương bởi thiên tai. Xây dựng bộ chỉ số giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xác định Phương pháp và quy trình lồng ghép; Phương pháp và quy trình giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép và các giải pháp thực hiện. Xây dựng mô hình áp dụng bộ tiêu chí lồng ghép, bộ chỉ số giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép tại một số địa phương. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào hoạt động phòng chống thiên tai.

Số hồ sơ lưu: 21719

88186. 09-2023 **Ứng dụng phương thức quản lý chất lượng toàn diện (Total Quality Management - TQM) trong quản lý chất lượng dịch vụ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Việt Hà, ThS. Phạm Mỹ Linh; PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Trần Phương; ThS. Trần Ngọc Tiến; ThS. Phạm Đình Dũng; ThS. Lê Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Trần Thị Nhung; ThS. Lê Thu Trang - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 07/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống lý thuyết về phương thức quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management): Đặc điểm, nguyên tắc, cách thức triển khai TQM. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về triển khai TQM tại Ngân hàng thương mại. Đồng thời nghiên cứu, nhận diện và đánh giá mức độ thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung. Đánh giá công tác triển khai quản lý chất lượng dịch vụ tại ngân hàng; nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến triển khai quản lý chất lượng dịch vụ của Ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Qua đó, đề xuất phương thức áp dụng TQM trong quản lý chất lượng dịch vụ của các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21729

88191. 09-2023 **Đánh giá việc triển khai hướng dẫn của ASEAN về trách nhiệm xã hội doanh**

nghiệp tại Việt Nam/ ThS. Lê Ngự Bình, TS. Phạm Ngọc Toàn; TS. Ninh Thị Minh Tâm; ThS. Ngô Văn Nam; ThS. Ngô Thị Hồng Hà; CN. Nguyễn Thị Hải Hà; ThS. Phạm Huy Tú; CN. Nguyễn Hữu Bắc; ThS. Vũ Thị Thùy Chi - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và hướng dẫn của ASEAN về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đánh giá tình hình thực hiện hướng dẫn ASEAN về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong lao động tại Việt Nam. Qua đó, đề xuất khuyến nghị thúc đẩy thực hiện hướng dẫn trách nhiệm xã hội doanh nghiệp của ASEAN

Số hồ sơ lưu: 21721

88192. 09-2023 **Đánh giá tác động định lượng của các Hiệp định CPTPP và EVFTA đến vấn đề lao động và việc làm đến năm 2025/** TS. Phạm Ngọc Toàn, ThS. Ngô Thị Hồng Hà; ThS. Phạm Minh Thu; ThS. Nguyễn Hoàng Nguyên; ThS. Lê Thị Lương; ThS. Nguyễn Thành Tuấn; ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Như Trang; CN. Phạm Thị Hoa - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do đến lĩnh vực lao động và việc làm. Đề xuất phương pháp đánh giá tác động định lượng của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định

thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) đến vấn đề lao động và việc làm. Tiến hành đánh giá mức độ tác động định lượng cụ thể của Hiệp định CPTPP và EVFTA đến vấn đề lao động và việc làm đến năm 2025. Từ đó, khuyến nghị đối với Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động để tận dụng cơ hội và hạn chế những thách thức do Hiệp định CPTPP và EVFTA mang lại.

Số hồ sơ lưu: 21720

88194. 09-2023 **Cân bằng quyền lực cho các doanh nghiệp Việt Nam trong cấu trúc quan hệ người mua-người cung cấp với các công ty đa quốc gia/** PGS. TS. Trần Sĩ Lâm, TS. Hoàng Thị Đoàn Trang; ThS. Lê Minh Trâm; PGS.TS. Lê Anh Tuấn; PGS.TS. Lê Hiếu Học; TS. Trần Thị Hương; TS. Lê Việt Trung; TS. Trương Thị Chí Bình; ThS. Lê Hoài Phương; ThS. Đào Trung Kiên - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về cân bằng quyền lực trong cấu trúc quan hệ người mua-nhà cung cấp. Kinh nghiệm cân bằng quyền lực cho các doanh nghiệp trong cấu trúc quan hệ người mua-nhà cung cấp. Nghiên cứu thực trạng cân bằng quyền lực trong cấu trúc quan hệ người mua-người cung cấp Việt Nam với các công ty đa quốc gia. Qua đó đưa ra giải pháp nâng cao quyền lực cân bằng cho các nhà cung cấp Việt Nam trong cấu trúc quan hệ người mua - người cung cấp với các công ty đa quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 21716

88218. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu/** ThS. Trần Hữu Linh, ThS. Lê Thế Chính; ThS. Vũ Thị Minh Ngọc; ThS. Nguyễn Ngọc Hà; CN. Trương Thị Thu Phương; ThS. Trần Thị Ngọc Ánh; TS. Đặng Thanh Phương; ThS. Nguyễn Thị Trà Giang; ThS. Hà Ngọc Thanh; ThS. Phùng Thị Vân Kiều - Hà Nội - Tổng cục Quản lý thị trường, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại nói chung và trong kinh doanh xăng dầu nói riêng, bài học rút ra cho Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng buôn lậu, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu và công tác phòng, chống tại Việt Nam. Qua đó, đưa ra các giải pháp tăng cường hiệu quả phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực xăng dầu giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 21704

88426. 09-2023 **Nghiên cứu tác động của biện pháp kỹ thuật (TBT) và biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)/** TS. Lê Thị Việt Nga, ThS. Doãn Nguyên Minh; PGS.TS. Doãn Kế Bôn; TS. Phan Thu Trang; TS. Khúc Đại Long;

ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Trần Anh Ngọc; ThS. Chu Tiến Minh; ThS. Đỗ Hữu Nhuận; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận về các biện pháp TBT, SPS và tác động của các biện pháp TBT, SPS đến xuất khẩu thủy sản. Nghiên cứu định lượng và cơ sở dữ liệu để đánh giá tác động của các biện pháp TBT và SPS đối với xuất khẩu thủy sản. Phân tích và đánh giá thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam và tác động của các biện pháp TBT, SPS đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA. Đề xuất giải pháp và khuyến nghị chính sách để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 22472

88580. 09-2023 **Phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/** Đỗ Thị Nhung, Nguyễn Thị Cẩm Hương; Nguyễn Đình Vinh; Đàm Thị Thu Thủy; Phạm Thị Thủy; Võ Ngọc Vinh; Đỗ Thị Lương; Phạm Thị Minh Nghĩa - Hải Phòng - Trung tâm Phát triển Khoa học - Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thu hút đầu tư, phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiến hành kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với các người mua tiềm năng là các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp lớn.

Đồng thời nghiên cứu phát triển chuỗi liên kết giữa trường đại học - doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp lớn. Từ đó tổng kết, báo cáo, phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp và hoàn thiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 21713

88590. 09-2023 **Hiệu quả của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành công nghiệp chế tạo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và tiến bộ công nghệ/** TS. Vũ Hoàng Đạt, TS. Phạm Minh Thái; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Vũ Thị Thư Thư; ThS. Đỗ Lan Anh; CN. Hoàng Thanh Tú; CN. Nguyễn Thủy Chung - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung phân tích chung về các nhân tố tác động đến hiệu quả của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phân tích các bằng chứng thực nghiệm để từ đó đưa ra các vấn đề đã được nghiên cứu trong thực tiễn, bao gồm cả bối cảnh, là cơ sở phân tích các kết quả thực nghiệm của đề tài. Đồng thời, phân tích các nội dung nghiên cứu về mặt thực nghiệm. Qua đó, đưa ra các khuyến nghị về mặt chính sách từ các kết quả phân tích thực nghiệm nhằm cải thiện hiệu quả của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực công nghiệp chế tạo ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21743

88602. 09-2023 **Quản trị nguồn nhân lực xanh và kết quả hoạt động liên quan đến môi trường**

của doanh nghiệp: Trường hợp Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thắng, TS. Phạm Anh Tuấn; PGS.TS. Hoàng Đình Phi; TS. Ngô Vi Dũng; ThS. Mai Việt Dũng; ThS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Phương Anh; GS.TS. Chris Rowley; GS.TS. Wolfgang Mayrhofer; GS.TS. Mirjana Pejic Bach - Hà Nội - Trường Quản trị và Kinh doanh, 2022; 05/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoạt động tuyển dụng xanh, cụ thể doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội liên quan đến môi trường sẽ có ảnh hưởng thế nào đến việc tạo ra sự hấp dẫn của doanh nghiệp đối với các ứng viên lựa chọn công việc. Tìm hiểu sự ảnh hưởng của lãnh đạo đối với hoạt động đào tạo xanh và hiệu quả môi trường. Đồng thời tìm hiểu môi trường làm việc, đãi ngộ xanh, năng suất cá nhân, năng suất doanh nghiệp và hiệu quả môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21753

88621. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng thẻ điểm cân bằng phục vụ quản trị chiến lược tại một số doanh nghiệp do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu/** TS. Đào Thúy Hà, CN. Vũ Quang Tuấn; ThS. Vũ Hoàng Nam; ThS. Trần Quang Anh; ThS. Nguyễn Văn Hoàng; CN. Đặng Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Chi; ThS. Vũ Quang Thắng; ThS. Lương Quốc Bình; ThS. Nguyễn Ngọc Châm - Hà Nội - Vụ

Pháp chế, Kiểm soát nội bộ, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về thể điểm cân bằng. Tìm hiểu về thể điểm cân bằng và ứng dụng thể điểm cân bằng trong các doanh nghiệp. Đồng thời, tìm hiểu về phương pháp nghiên cứu và phân tích kết quả nghiên cứu. Qua đó, đưa ra các giải pháp ứng dụng mô hình BSC trong một số doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

Số hồ sơ lưu: 21789

88654. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững tỉnh Cao Bằng gắn với Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (công viên địa chất).**/ ThS. Ngô Huy Kiên, TS. Hà Văn Định; TS. Nguyễn Quang Dũng; TS. Vũ Anh Tú; TS. Nguyễn Hùng Cường; PGS.TS. Đặng Hồng Sơn; TS. Phạm Hồng Long; CN. Trương Quang Quý; CN. Lương Thị Thái Thanh; ThS. Vi Trần Thùy; TS. Ngô Xuân Nam; ThS. Phùng Ngọc Trường; TS. Vũ Thanh Nguyên - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2022; 09/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở khoa học (lý luận và thực tiễn) về điều kiện tự nhiên, KTXH, tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch và môi trường cho việc phát triển du lịch bền vững (DLBV) tỉnh Cao Bằng gắn với CVĐC; Xây dựng định hướng phát triển DLBV tỉnh Cao Bằng gắn với công viên địa chất (CVĐC) một cách toàn diện về kinh tế, văn hóa-xã hội,

quốc phòng an ninh và môi trường phù hợp với nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới; Đề xuất các giải pháp phát triển DLBV tỉnh Cao Bằng gắn với CVĐC đồng bộ với cơ chế chính sách; Xây dựng mô hình DLBV và bộ cơ sở dữ liệu về tự nhiên, KTXH gắn với du lịch, bảo tồn và phát triển bền vững CVĐC. Nâng cao năng lực quản lý phát triển du lịch và bảo tồn di sản của địa phương

Số hồ sơ lưu: 22055

88658. 09-2023 **Tác động của ứng dụng đổi mới sáng tạo đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ/** TS. Nguyễn Thị Uyên, TS. Nguyễn Phương Linh; TS. Đỗ Thị Bình; TS. Hoàng Văn Mạnh; TS. Phan Đình Quyết; TS. Lê Tiến Đạt; TS. Đào Lê Đức; TS. Lưu Thị Thuỳ Dương; ThS. Bùi Khánh Linh; ThS. Mai Thị Linh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống cơ sở lý luận về tác động của của ứng dụng đổi mới sáng tạo đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trẻ trong bối cảnh cách mạng công nghệ. Đánh giá thực trạng tác động của ứng dụng đổi mới sáng tạo đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ. Đề xuất một số giải pháp nâng cao lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 22063

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

87984. 09-2023 **Phân tích sự lan tỏa không gian của tham nhũng ở Việt Nam/** PGS. TS. Lê Quang Cảnh, GS.TS. Nguyễn Văn Thắng; PGS.TS. Bạch Ngọc Thắng; PGS.TS. Nguyễn Vũ Hùng; TS. Đỗ Tuyết Nhung; ThS. Phạm Thị Minh Thảo; ThS. Hà Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Hoàng Minh - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tác động không gian và đo lường tác động không gian tới các biến kinh tế - xã hội; Xác định và đo lường tác động lan toả không gian của tham nhũng trong bối cảnh Việt Nam; Nghiên cứu cơ chế lan toả không gian của tham nhũng theo thời gian; Nghiên cứu đề xuất định hướng phòng chống tham nhũng trong bối cảnh có sự lan toả không gian của tham nhũng.

Số hồ sơ lưu: 22499

88136. 09-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương/** CN. Hoàng Văn Trường, CN. Nguyễn Việt Khương; ThS. Phạm Mai Hoa; CN. Lê Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Nguyễn Anh Thor; CN. Nguyễn Ngân Huệ; CN. Vũ Hương Giang; CN. Vũ Quang Khải; CN. Nguyễn Ngọc Anh - Hà Nội - Vụ Pháp chế, Bộ Công thương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chỉ ra những hạn chế, bất cập của quy định pháp luật về giám định tư pháp và khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương. Đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định của pháp luật về công tác giám định tư pháp nói chung và trong lĩnh vực công thương nói riêng. Đề xuất cơ chế phối hợp hữu hiệu trong công tác giám định tư pháp thuộc lĩnh vực công thương, gồm: cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương với các Sở Công Thương, cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Đề xuất quy trình giám định tư pháp trong một số lĩnh vực công thương cụ thể. Đề xuất các tiêu chí đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Số hồ sơ lưu: 21813

88145. 09-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển ngành dịch vụ bán lẻ Việt Nam trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 (nghiên cứu điển hình tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh)/** TS. Đinh Thị Mỹ Loan, TS. Nguyễn Thị Tòng; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Tú; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; CN. Trịnh Văn Hoa; TS. Phạm Hữu Thìn; ThS. Hoàng Sơn Công; CN. Nguyễn Thị Hằng; CN. Đinh Thị Mỹ Vân; ThS. Trần Phương Lan - Hà Nội - Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống bán lẻ Việt Nam (Thị trường bán lẻ Việt Nam tiềm, Sự vươn mình mạnh mẽ của thương mại điện tử, Cạnh tranh giữa bán lẻ truyền thống và bán lẻ hiện đại tại Việt Nam, Thách thức nghiêm trọng từ Đại dịch... Xu hướng phát triển mới của ngành dịch vụ bán lẻ Việt Nam và Công nghệ tiếp tục thay đổi ngành bán lẻ); Tổng quan về ứng dụng công nghệ 4.0 trong hệ thống bán lẻ trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Đánh giá thực trạng và phân tích nhu cầu về ứng dụng nền tảng công nghiệp 4.0 trong ngành bán lẻ tại Việt Nam và mức độ sẵn sàng cho ứng dụng công nghệ 4.0 của bán lẻ truyền thống và bán lẻ hiện đại; Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển ngành bán lẻ Việt Nam trong thời kỳ cách mạng 4.0

Số hồ sơ lưu: 21806

88629. 09-2023 **Quan hệ Nga - EU (1991-2022)/** TS. Vũ Thụy Trang, TS. Đinh Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Lan; TS. Nguyễn Thanh Hương; PGS.TS. Nguyễn An Hà; TS. Đào Bảo Ngọc; ThS. Trần Thị Khánh Hà; ThS. Dương Thái Hậu; Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở hình thành quan hệ Nga – EU, nền tảng pháp lý cơ bản của mối quan hệ. Phân tích mối quan hệ Nga - EU qua các giai đoạn lịch sử (1992-2000, 2000- 2014, 2014-2022). Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và hạn chế của mối quan hệ Nga - EU trong giai đoạn

nghiên cứu, từ đó nhận định về triển vọng của mối quan hệ này đến 2030. Đánh giá tác động của quan hệ Nga - EU đến thế giới, khu vực và Việt Nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ của Việt Nam với Nga và EU trong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: 21797

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

87865. 09-2023 **Phát triển năng lực vận dụng mô hình SEL trong dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học cho sinh viên Sư phạm Việt Nam/** GS. TS. Huỳnh Văn Sơn, ThS. Nguyễn Vĩnh Khương; TS. Bùi Hồng Quân; ThS. Nguyễn Thanh Huân; TS. Đỗ Tất Thiên; ThS. Mai Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Diễm My; TS. Giang Thiên Vũ; ThS. Trần Chí Vĩnh Long - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2023; 12/2020 - 12/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống được một số vấn đề lý luận về nâng cao năng lực vận dụng mô hình SEL vào dạy học môn Đạo đức bậc Tiểu học cho SV SP ngành Giáo dục tiểu học. Trên cơ sở đó, xác định được thực trạng NL vận dụng mô hình SEL trong dạy học môn Đạo đức ở bậc tiểu học. Đề xuất được các biện pháp phát triển NL vận dụng mô hình SEL vào dạy học môn Đạo đức bậc Tiểu học cho nguồn SV SP phù hợp với thực tiễn giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Số hồ sơ lưu: 22324

87975. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường/** ThS. Nguyễn Thị Thủy, CN. Nghiêm Minh Hiếu; ThS. Giang Đức Chung; CN. Hoàng Thị Thanh Vân; CN. Vương Thanh Nhã; CN. Nguyễn Thị Hồng Nga; KS. Nhâm Ngọc Tân; ThS. Vũ Thị Chanh; ThS. Phạm Hải Bằng; ThS. Lê Thị Hồng - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ phần mềm và Nền tảng số, 2022; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy định về tiêu chuẩn giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường; Xây dựng và vận hành hệ được thống cơ sở dữ liệu giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 22095

87997. 09-2023 **Một số giải pháp đột phá về chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035/** PGS. TS. Lê Trung Thành, TS. Nguyễn Mai Hương; TS. Trần Thế Nữ; TS. Trần Nam Tú; TS. Nguyễn Thu Hương; TS. Phạm Hùng Hiệp; TS. Nguyễn Thùy Linh; TS. Nguyễn Anh Thái; TS. Nguyễn Thị Kim Oanh; PGS.TS. Lê Danh Tôn; ThS.

Nguyễn Thị Nguyệt Nương; ThS. Mạc Thị Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2022; 06/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận diện bối cảnh quốc tế và trong nước trong thời gian qua, ảnh hưởng đến chiến lược và hiệu quả cho giáo dục đại học ở Việt Nam; Đánh giá điều kiện và cơ chế chính sách về tài chính trong giai đoạn từ 2011 đến nay, sự phối hợp hoạt động và phân bổ nguồn lực tài chính giữa các cơ quan quản lý Nhà nước có ảnh hưởng đến tính hiệu quả cho giáo dục đại học Việt Nam; Thực trạng nguồn lực tài chính cho giáo dục đại học từ 2011-2018; Xác định khả năng đáp ứng các yêu cầu nguồn lực tài chính để đáp ứng chiến lược phát triển giáo dục đại học trong tình hình mới; Các nhân tố thu nhập của các hộ gia đình có ảnh hưởng như thế nào đến khả năng đáp ứng yêu cầu chi trả dịch vụ đào tạo khi xem xét đến tính bền vững về tài chính cho giáo dục đào tạo ở Việt Nam; Các giải pháp về chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035.

Số hồ sơ lưu: 22509

88026. 09-2023 **Phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên phổ thông trong bối cảnh giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Phương Thảo, TS. Nguyễn Ngọc Ánh; GS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; ThS. Phạm Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Văn Hạnh; TS. Đào Thị Bích Thủy; TS. Nguyễn Diệu Cúc - Hà Nội - Trường

Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên trong bối cảnh giáo dục phát triển bền vững; Đánh giá hiện trạng chương trình đào tạo giáo viên hiện nay dưới góc độ giáo dục phát triển bền vững và phân tích cơ hội tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong chương trình; Xác định khung năng lực nghề nghiệp của giáo viên trong bối cảnh giáo dục phát triển bền vững ở Việt Nam; Đề xuất các biện pháp để hỗ trợ phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông trong bối cảnh giáo dục phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22511

88040. 09-2023 **Cơ sở lý luận và giải pháp chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Tài chính giai đoạn 2021-2030/** TS. Bùi Minh Chuyên, ThS. Hà Vũ Nam; ThS. Lê Văn Hiệu; ThS. Phạm Văn Cường; TS. Lý Thị Huệ; ThS. Phạm Thị Phương Lan; ThS. Nguyễn Ngọc Hình; ThS. Hoàng Thị Yên; TS. Đàm Thị Hiền; ThS. Đỗ Thị Mai - Hà Nội - Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. Phân tích, làm rõ thực trạng chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Tài chính chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của thực trạng chuyển đổi số trong đào

tao, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Tài chính. Đề xuất mô hình và các giải pháp chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Tài chính giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 22092

88215. 09-2023 **Nghiên cứu, đề xuất khung chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030/** TS. Nguyễn Quang Việt, ThS. Bùi Thị Bích Thủy; PGS.TS. Dương Đức Lâm; ThS. Trần Thị Liễu; PGS.TS. Lưu Bích Ngọc; TS. Nguyễn Thị Luyện; ThS. Phạm Thị Minh Hiền; ThS. Nguyễn Hoàng Hiếu; ThS. Mai Phương Bằng; ThS. Đặng Thị Huyền - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, phân tích rõ cơ sở lý luận về khung chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp. Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về khung chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp và bài học cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp Việt Nam 2011 – 2020; thực trạng công tác xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp thích ứng với khung chính sách. Từ đó, đề xuất khung chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 – 2030.

Số hồ sơ lưu: 21677

88615. 09-2023 **Quá trình thực hiện chủ trương, chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi**

phía Bắc từ năm 1986 đến năm 2020/ TS. Duy Thị Hải Hương, PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật; PGS.TS. Nguyễn Duy Bình; TS. Ngô Hoàng Nam; ThS. Trần Thanh Hà; ThS. Cao Thị Anh Sao; ThS. Phan Thị Hải; ThS. Phan Thị Hạnh Thu - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát địa bàn nghiên cứu và quá trình thực hiện chủ trương, chính sách giáo dục của Đảng và nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc giai đoạn 1986-2000. Tìm hiểu quá trình thực hiện chủ trương, chính sách giáo dục của Đảng và nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía bắc giai đoạn 2001-2020. Từ đó, đưa ra các nhận xét và giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21776

88622. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất mô hình giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới/** TS. Nguyễn Thị Phương, PGS.TS. Nguyễn Tuyết Nga; ThS. Nguyễn Thị Ly Na; TS. Nguyễn Thế Dương; TS. Hà Thị Kim Linh; TS. Mai Thị Thùy Hương; TS. Lê Thị Sông Hương; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Trần Thùy An; ThS. Phạm Thu Hằng - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2023; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận có liên quan đến việc nghiên cứu đề xuất mô hình giáo dục giá trị văn

hóa cho học sinh phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới. Tìm hiểu về kinh nghiệm quốc tế về giáo dục giá trị văn hóa trong nhà trường phổ thông và thực tiễn ở Việt Nam Qua đó, đề xuất các mô hình giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông Việt Nam và các điều kiện áp dụng mô hình trong giai đoạn hiện nay và trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 21790

88659. 09-2023 **Nghiên cứu các phương thức hợp tác trong nghiên cứu - phát triển - chuyển giao công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập/** ThS. Nguyễn Thị Sâm, PGS.TS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Lê Thị Ngọc Lan; TS. Trịnh Mai Vân; TS. Trần Quang Dũng; TS. Phạm Thị Cẩm Anh; ThS. Hoàng Thị Yên; ThS. Hoàng Thị Thu Phương; ThS. Lê Việt Anh; ThS. Nguyễn Thu Hà - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về hợp tác trong nghiên cứu - phát triển - chuyển giao công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Xác định được các phương thức hợp tác cụ thể trong nghiên cứu - phát triển - chuyển giao công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, xu hướng phát triển ở một số quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Đánh giá được thực trạng các phương thức hợp tác trong nghiên cứu - phát triển chuyển giao công nghệ giữa cơ sở

giáo dục đại học và doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt tập trung vào nhóm lĩnh vực hợp tác trong nghiên cứu – phát triển – chuyển giao công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, dược và sức khỏe; nhóm lĩnh vực kỹ thuật và CNTT; nhóm lĩnh vực sản xuất và chế biến; nhóm lĩnh vực Kinh tế, kinh doanh và quản lý; nhóm lĩnh vực Nông, lâm và thủy sản. Đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị nhằm thúc đẩy các phương thức hợp tác trong nghiên cứu - phát triển - chuyển giao công nghệ giữa cơ sở GDDH và doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22064

88660. 09-2023 **Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp/ TS. Đỗ Tất Cường, PGS.TS. Cao Đình Kiên; ThS. Lê Thị Ngọc Lan; PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng; ThS. Hy Thị Hải Yến; ThS. Ngô Thị Thùy Quyên; ThS. Nguyễn Hữu Thật; TS. Cao Thị Hồng Vinh; ThS. Lê Thạch Anh; CN. Nguyễn Việt Bách - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu tổng hợp các vấn đề lý luận và thực tiễn về tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Đánh giá thực trạng liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh

niệp. Đề xuất mô hình liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp trong công tác xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22065

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

88176. 09-2023 **Huấn luyện bồi dưỡng kiến thức nâng cao về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/ TS. Hoàng Thị Bảo Thoa, Bùi Tùng Lâm; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Nguyễn Thị Vũ Hà; ThS. Phạm Hồng Quách; ThS. Nguyễn Đức Lâm; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Nương - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2022; 10/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổ chức Hội nghị thiết kế và xin ý kiến góp ý khung chương trình đào tạo chuẩn hướng tới đáp ứng các nhà đầu tư thiên thần ; Tổ chức Hội nghị về đặt hàng cho các startup giải quyết thách thức khu vực tư nhân và nhà nước ; Tổ chức khóa đào tạo cơ bản và chuyên sâu, các buổi coaching cho các đội thi về kỹ năng gọi vốn; Tổ chức Hội nghị kết nối (matching) giữa đội thi và mentors; Tổ chức Bootcamp, kết nối đội thi và các nhà đầu tư. Tổ chức Hội nghị phổ biến, chuyển giao mô hình chương trình đào tạo KNĐMST tại các trường ĐH. Thúc đẩy triển khai

các chương trình huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức nâng cao, chuyên sâu về khởi nghiệp ĐMST và liên kết hoạt động với các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21799

88188. 09-2023 **Vai trò của gia đình và nhà trường đối với chăm sóc trẻ em ở Việt Nam hiện nay/** ThS. Lương Thị Thu Trang, ThS. Trần Thị Thanh; ThS. Lại Thị Thanh Bình; ThS. Bùi Thị Hồng; ThS. Ngô Thị Mai Diên; TS. Nguyễn Dương Đỗ Quyên; ThS. Nguyễn Thị Lê; ThS. Phạm Phương Hà - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan một số khái niệm, lý thuyết, các chính sách của nhà nước về chăm sóc trẻ em và vai trò của gia đình và nhà trường trong chăm sóc trẻ em. Tìm hiểu về thực trạng vai trò của gia đình trong chăm sóc trẻ em và tìm hiểu về thực trạng vai trò của nhà trường trong chăm sóc trẻ em. Nghiên cứu tổng quan về sự phối hợp giữa vai trò của gia đình và vai trò của nhà trường trong chăm sóc trẻ em.

Số hồ sơ lưu: 21699

88581. 09-2023 **Nghiên cứu, đề xuất mô hình kiến trúc tham chiếu và bộ chỉ số đánh giá hiệu năng hoạt động (KPI) cho đại học số ở Việt Nam/** ThS. Hà Đình Dũng, TS. Nguyễn Kim Quang; ThS. Bùi Thị Vân Anh; ThS. Hoàng Xuân Sơn; ThS. Vũ Tuấn Anh - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn

thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, tìm hiểu các khái niệm về đại học số, đại học thông minh cũng như xu hướng chuyển đổi số của Việt Nam và thế giới. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu năng hoạt động (KPI) cho đại học số ở Việt Nam. Qua đó, Đề xuất mô hình kiến trúc tham chiếu đại học số trong điều kiện Việt Nam và tiến hành hướng dẫn triển khai áp dụng.

Số hồ sơ lưu: 21714

50401. Xã hội học nói chung

88168. 09-2023 **Di cư nội địa và tác động của di cư nội địa: Bằng chứng từ Việt Nam/** TS. Hoàng Xuân Trung, PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; PGS.TS. Bùi Nhật Quang; TS. Lê Thị Vân Nga; ThS. Hoàng Thị Hòa; CN. Lưu Như Quỳnh - Hà Nội - Viện Toán học và Khoa học ứng dụng Thăng Long, 2022; 08/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đánh giá tác động của đa dạng hóa di cư có ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em và chi tiêu giáo dục ở Việt Nam. Phân tích sự đa dạng về nơi sinh ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục và sức khỏe của trẻ em. Ước lượng tác động của di cư trong nước có ảnh hưởng đến tiền lương và điều kiện làm việc của người lao động địa phương và tình trạng bỏ học của trẻ em địa phương.

Số hồ sơ lưu: 21732

88552. 09-2023 **Nhận diện tầng lớp trung lưu đô thị hiện nay/** TS. Trần Nguyệt Minh Thu, ThS.

Nguyễn Thị Thu Hương; GS.TS. Trịnh Duy Luân; TS. Hồ Ngọc Châu; TS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà; ThS. Lương Ngọc Thúy - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tài liệu nghiên cứu về tầng lớp trung lưu (TLTL) làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung nghiên cứu của đề tài. Nhận diện tầng lớp trung lưu đô thị theo phương pháp tự đánh giá, trên cơ sở quan điểm tự đánh giá của người trả lời. Tìm hiểu nhận thức xã hội, nhận diện một số đặc trưng xã hội và vai trò của TLTL đô thị hiện nay, xu hướng phát triển trong thời gian tới. Đề xuất khuyến nghị nhằm góp phần từng bước phát huy hơn nữa vai trò của TLTL đô thị trong phát triển.

Số hồ sơ lưu: 22315

88574. 09-2023 **Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An/** TS. Trịnh Thái Quang, ThS. Nguyễn Thị Minh Tú PGS.TS. Trần Thị Minh Thi; GS.TS. Nguyễn Hữu Minh; TS. Trần Quý Long; ThS. Đặng Thanh Nhân; ThS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Lỗ Việt Phương; ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Tăng Thị Tuyết Trinh; CN. Nguyễn Thị Hiền; CN. Trần Thị Lan; ThS. Trần Thị Thanh Loan; CN. Trần Thị Phương Ngọc; TS. Trần Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 11/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích một số đặc điểm của dân số tỉnh Nghệ An 2009 - hiện nay về quy mô, cơ cấu, phân bố và sự dịch chuyển. Đồng thời phân tích các vấn đề dân số đang đặt ra trong thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững đến năm 2030. Qua đó, đề xuất các giải pháp phát huy các lợi thế dân số trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và kiểm soát những vấn đề tiêu cực, thách thức nảy sinh từ đặc điểm dân số của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 21695

88596. 09-2023 **Nhận diện tính đa dạng của tầng lớp trung lưu Việt Nam/** TS. Lê Kim Sa, PGS.TS. Lê Văn Chiến; TS. Vũ Hoàng Đạt; TS. Phạm Minh Thái; TS. Nghiêm Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Vũ Thị Vân Ngọc; ThS. Đỗ Lan Anh - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tổng hợp và thống nhất các khái niệm, lý thuyết tính đa dạng và phân tầng xã hội. Phân tích thực tiễn tính đa dạng của tầng lớp trung lưu Việt Nam. Qua đó đưa ra các đề xuất kiến nghị chính sách cho quá trình xây dựng xã hội trung lưu ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21746

50402. Nhân khẩu học

87986. 09-2023 **Làm thế nào để giúp di cư nội địa bền vững? Nghiên cứu thực nghiệm từ lý thuyết khởi nghiệp/** TS. Nguyễn Duy Bách, GS.TS. Sử Đình Thành; TS. Đỗ Văn Hòa; TS. Nguyễn Phúc Cảnh; ThS. Nguyễn Quang Bình;

ThS. Trần Lê Thùy Duyên - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2023; 06/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ sự định hướng của mạng lưới quan hệ xã hội đến quyết định di cư, sau đó so sánh tác động này với tác động của cơ quan công quyền thông qua nghiên cứu tác động của thông tin chính thức (từ chính quyền) và phi chính từ các mối quan hệ xã hội lên quá trình quyết định di cư; Xác định các thiết chế, thể chế và những điều chỉnh thể chế cần thiết để thu hút những người di cư có chất lượng cao; Đánh giá tác động của rào cản nhận thức/tâm lý lên người di cư khởi nghiệp và đưa ra giải pháp nhằm giảm thiểu các rào cản này.

Số hồ sơ lưu: 22501

50404. Dân tộc học

88011. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính vi mô cho người dân tộc thiểu số/** ThS. Nguyễn Huy Duân, ThS. Nguyễn Thế Hoàng; PGS.TS. Lê Thanh Tâm; TS. Nguyễn Đức Hải; ThS. Đặng Đức Thăng; CN. Nguyễn Thị Đức Hạnh; ThS. Phan Văn Cương; CN. Nguyễn Thị Tuyết Mai; CN. Trịnh Thị Huyền; ThS. Mai Đức Hùng - Hà Nội - Viện Chiến lược và chính sách dân tộc, Ủy ban Dân tộc, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, lý thuyết nghiên cứu và mô hình tài chính vi mô dành cho nhóm yếu thế; Phân tích chính sách liên quan đến

tài chính vi mô ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có đối tượng là người dân tộc thiểu số; Thực trạng thị trường tài chính vi mô và nhu cầu tiếp cận tài chính vi mô của người dân tộc thiểu số; Giải pháp, kiến nghị chính sách mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính vi mô (tập trung vào mở rộng tín dụng) cho người dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 22510

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

87749. 09-2023 **Thiên tai, hộ gia đình và sự thay đổi hành vi: Bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam/** TS. Lê Thị Vân Nga, TS. Hoàng Xuân Trung; PGS.TS. Bùi Nhật Quang; ThS. Vũ Thị Thuý Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiên tai và sự e ngại rủi ro: bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam; Tác động của thiên tai đối với trao quyền cho phụ nữ ở nông thôn Việt Nam; Ảnh hưởng của thiên tai đối với giáo dục trẻ em. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng Chính phủ cần phải có những chính sách hỗ trợ cho những hộ nghèo, hộ dễ bị tổn thương bởi thiên tai thông qua đó thúc đẩy sự công bằng giáo dục cho những nhóm trẻ bị tổn thương bởi thiên tai.

Số hồ sơ lưu: 22492

87991. 09-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của chuyển đổi số đến hành vi và kỹ năng xã hội của**

thanh thiếu niên/ Tiến sỹ. Lê Thu Hiền, ThS. Ngô Thu Trà My; PGS.TS. Phạm Mạnh Hà; ThS. Hoàng Tiến Hưng; TS. Bùi Thanh Minh; TS. Nguyễn Xuân Thọ; TS. Nguyễn Quang Trung; ThS. Nguyễn Ngọc Tùng; ThS. Phan Thị Thảo; ThS. Bùi Phương Thảo - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về ảnh hưởng của chuyển đổi số đến hành vi và kỹ năng xã hội của thanh thiếu niên; Thực trạng năng lực số của thanh thiếu niên và những tác động tích cực, tiêu cực của chuyển đổi số đến hành vi và kỹ năng xã hội của thanh thiếu niên ; Đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực số và kiến thức, kỹ năng tham gia vào quá trình chuyển đổi số cho thanh niên trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 22496

88169. 09-2023 **Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù/** TS. Bùi Thị Hòa, ThS. Đào Thị Vi Phương; PGS.TS. Trần Thị Minh Thi; GS.TS. Nguyễn Hữu Minh; ThS. Nguyễn Thanh Cẩm; TS. Dương Kim Anh; TS. Trịnh Thái Quang; TS. Lương Thị Thu Hằng; ThS. Lò Thị Thu Thủy; TS. Lê Thị Tường Vân; TS. Bùi Sỹ Lợi; ThS. Bùi Diễm Hằng; ThS. Phạm Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Nguyễn Cao Thịnh; TS. Phan Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Lỗ

Việt Phương; TS. Trần Thị Hồng; ThS. Lê Thị Phúc; CN. Dương Minh Thuận; ThS. Lê Kim Anh; ThS. Trần Thị Huyền Thanh; CN. Nguyễn Thị Bích Vân; TS. Lưu Song Hà; ThS. Đàm Thị Vân Thoa; ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Cao Thị Hồng Minh; TS. Lê Hồng Việt; ThS. Hà Thị Thúy; ThS. Trần Quý Long - Hà Nội - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ đặc thù. Nghiên cứu cơ sở lý luận về bảo vệ, hỗ trợ nhóm phụ nữ đặc thù. Tiến hành tìm hiểu thực trạng bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số; phụ nữ cao tuổi; phụ nữ di cư và các yếu tố ảnh hưởng. Qua đó, khuyến nghị giải pháp hỗ trợ và bảo vệ các nhóm phụ nữ đặc thù.

Số hồ sơ lưu: 21722

88182. 09-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm ổn định sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên/** PGS. TS. Trần Quang Bảo, TS. Lã Nguyên Khang; TS. Lê Sỹ Doanh; ThS. Phạm Văn Duân; TS. Bùi Thị Minh Nguyệt; TS. Phạm Thị Hué; ThS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Nguyễn Văn Tôn; TS. Lê Đình Hải; TS. Nguyễn Bá Long; TS. Hoàng Xuân Phương; TS. Lê Ngọc Hoàn; PGS.TS. Đỗ Anh Tuấn; GS.TS. Bảo Huy - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 03/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu biến động sử dụng đất lâm nghiệp, rừng và sản xuất

nông nghiệp trên đất lâm nghiệp vùng Tây Nguyên. Đánh giá thực trạng xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên. Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố chủ yếu đến xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp của người dân ở Tây Nguyên. Qua đó, đề xuất định hướng, giải pháp, chính sách nhằm phát triển xuất nông nghiệp và ổn định đời sống của người dân trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 21707

88561. 09-2023 Xây dựng thương hiệu đội tuyển bóng đá nam quốc gia Việt Nam/ ThS. Bùi Việt Hà, ThS. Nguyễn Ngọc Thanh; PGS.TS. Phạm Ngọc Viễn; TS. Vũ Thái Hồng; TS. Nguyễn Thị Phương Loan; TS. Trần Quốc Tuấn; TS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thạch Hưng; ThS. Trần Thùy Chi - Hà Nội - Tổng cục Thể dục thể thao, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về việc xây dựng thương hiệu trong thể thao nói chung, đối với các đội tuyển thể thao quốc gia và Đội tuyển Bóng đá nam quốc gia Việt Nam. Điều tra khảo sát đánh giá thực trạng việc xây dựng và khai thác thương hiệu của một số Câu lạc bộ Bóng đá chuyên nghiệp và Đội tuyển Bóng đá nam quốc gia Việt Nam. Tiến hành xây dựng hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và giải pháp cho công tác xây dựng thương hiệu Đội tuyển Bóng đá nam quốc gia Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21667

88563. 09-2023 Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống Nhà Thiếu nhi trong giai đoạn hiện nay/ ThS. Nguyễn Đình Kiểm, CN. Nguyễn Phương Liên; ThS. Phan Nguyên Thái; ThS. Hoàng Thu Hằng; ThS. Trần Thị Hằng; ThS. Nguyễn Như Hải; ThS. Trần Hón Văn; CN. Nguyễn Tuấn Vũ; ThS. Nguyễn Thị Thương Huyền; Nghiên cứu sinh. Hồ Minh Nhật - Hà Nội - Trung tâm Hướng dẫn hoạt động thiếu nhi Trung ương, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống Nhà Thiếu nhi. Tìm hiểu thực trạng hoạt động của hệ thống Nhà Thiếu nhi, các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng của hệ thống Nhà Thiếu nhi. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống Nhà Thiếu Nhi trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21672

88597. 09-2023 Tác động của việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu đối với thị trường lao động ở Việt Nam/ TS. Phạm Minh Thái, TS. Vũ Hoàng Đạt; TS. Trần Ngô Thị Minh Tâm; ThS. Lê Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Vũ Thị Vân Ngọc; ThS. Đỗ Lan Anh - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quát về việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và các lý thuyết về thị trường lao động có liên quan để từ đó đưa ra khung phân tích

về các kênh tác động của việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu tới một số chỉ tiêu chính trên thị trường lao động. Nghiên cứu mối tương quan giữa việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu tới một số chỉ tiêu chủ yếu về số lượng và chất lượng trên thị trường lao động Việt Nam giai đoạn 2010-2021. Qua đó, đưa những định hướng chính sách và đưa ra một số giải pháp phù hợp cho Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21747

88612. 09-2023 **Phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và một số vấn đề xã hội đặt ra.**/ PGS. TS. Trần Thị Minh Thi, ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Đào Thị Vi Phương; CN. Phan Thanh Mai; ThS. Đặng Thanh Nhân; ThS. Nguyễn Hà Đông; TS. Phan Thị Hoàn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về hôn nhân, hôn nhân quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi. Tổng quan các nghiên cứu về kết hôn của người Việt Nam với người nước ngoài. Tiến hành phân tích tình hình hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam, phân tích yếu tố thúc đẩy hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam và người nước ngoài và những chuyển đổi về giá trị hôn nhân, cấu trúc xã hội và vai trò giới trong xã hội hiện nay. Đồng thời, phân tích các vấn đề xã hội (pháp lý, văn hóa, cá nhân, gia đình) của hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài

đang đặt ra ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, xây dựng các khuyến nghị chính sách phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 21768

50499. Xã hội học khác

88144. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê đo lường xã hội số**/ ThS. Phạm Văn Nghĩa, Đặng Thị Hoa; Trần Tuyết Anh; Nguyễn Thị Lan Phương - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển xã hội số tại Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê đo lường xã hội số; Đề xuất bộ chỉ tiêu thống kê đo lường về xã hội số cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21805

50501. Luật học

87772. 09-2023 **Hoàn thiện quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp**/ ThS. Đỗ Đức Hiền, ThS. Đỗ Thị Huệ; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Nguyễn Thị Thu Vân; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; PGS.TS. Vũ Công Giao; TS. Nguyễn Văn Cương; ThS. Đặng Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Chi Lan; TS. Dương Thị Thanh Mai; PGS.TS. Lê Văn Cương; PGS.TS. Tường Duy Kiên; ThS. Nguyễn Phước Thọ; TS. Nguyễn Thị Kim Ngân; TS. Lê Thị Vân Anh; ThS. Trần Thị Trang; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Lê Thị Thiệu Hoa; TS. Nguyễn Hữu Huyền; ThS. Phạm Thùy Linh; ThS. Lê Thị Hòa; ThS. Chu Thị Thái Hà; ThS. Bùi Thị

Nam; ThS. Hoàng Thanh Thảo; ThS. Phạm Thị Hậu; ThS. Vũ Thị Hiền; ThS. Hoàng Việt Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2022; 03/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện rõ những vấn đề lý luận về tình trạng khẩn cấp và pháp luật về tình trạng khẩn cấp. Phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tình trạng khẩn cấp tại Việt Nam thời gian qua, trong đó có Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp, các luật chuyên ngành có quy định về tình trạng khẩn cấp trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa, các đạo luật khác có liên quan và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở đó, đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế, vướng mắc, bất cập. Đề xuất quan điểm định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về tình trạng khẩn cấp tại Việt Nam trong thời gian tới hướng đến bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 22465

88067. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng những định hướng chính sách lớn phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự/** ThS. Nguyễn Văn Sơn, ThS. Trần Thị Lan Hương; TS. Đặng Văn Huy; ThS. Bùi Nguyễn Phương Lê; ThS. Phan Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Kim Sáu; TS. Nguyễn Xuân Thu; TS. Chu Thị Hoa; PGS.TS. Bùi Thị Huyền; ThS. Phan Huy Hiều; TS. Nguyễn Ngọc Vũ; TS. Nguyễn

Thắng Lợi; TS. Trần Văn Dũng; ThS. Cao Thị Kim Trinh; TS. Hoàng Thế Anh; TS. Nguyễn Văn Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Phíp; Hoàng Thu Thủy; Phạm Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Nguyễn Hải Ngọc; TS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Dương Thị Thục; Vũ Thị Thu Thủy - Hà Nội - Học viện tư pháp, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng luận cứ lý luận và thực tiễn để thiết kế những định hướng chính sách lớn phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự (THADS) nhằm hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực THADS trong thời gian tới. Nghiên cứu, làm rõ cơ sở khoa học, cơ sở lý luận về THADS; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác THADS. Cụ thể như: Khái niệm về THADS; bản chất của THADS; đặc điểm và vai trò của công tác THADS ở Việt Nam; tiêu chí đánh giá hiệu quả của công tác THADS; chủ trương, đường lối của Đảng về THADS. Làm rõ thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam về THADS và đánh giá thực tiễn công tác THADS ở Việt Nam hiện nay (ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân). Tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới có thể tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật THADS ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất những định hướng chính sách lớn phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật THADS (trong đó nêu rõ nội dung, mục tiêu và các giải pháp giải quyết vấn đề).

Số hồ sơ lưu: 22062

88075. 09-2023 **Cơ sở lý luận, thực tiễn và những định hướng lớn xây dựng Luật Tổ chức thi hành pháp luật/** ThS. Đặng Thanh Sơn, ThS. Phạm Ngọc Thắng; GS.TS. Nguyễn Minh Đoan; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Dương Thị Thanh Mai; TS. Trần Văn Đạt; TS. Hồ Quang Huy; TS. Nguyễn Văn Năm; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Lê Thị Thiều Hoa; ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Trần Phương Thảo - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ quá trình hình thành và phát triển của thể chế Tổ chức thi hành pháp luật (TCTHPL), thực trạng TCTHPL trong nội bộ hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước. Bên cạnh đó, đề tài cũng phân tích, đánh giá khái quát về hoạt động TCTHPL trong nội bộ hệ thống các cơ quan đại biểu nhân dân (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp), trong nội bộ hệ thống các cơ quan tư pháp (Toà án nhân dân), các cơ quan Kiểm sát nhân dân, cơ quan Kiểm toán nhà nước với ý nghĩa là hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đó theo luật định. phân tích quan điểm hoàn thiện chính sách, pháp luật về TCTHPL và đề xuất các chính sách lớn trong dự án Luật tổ chức thi hành pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 22058

88079. 09-2023 **Hoàn thiện chính sách và pháp luật về kinh tế ban đêm ở Việt Nam/** TS. Trần Vũ Hải, PGS.TS. Tô Trung Thành;

PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí; PGS.TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Trần Thị Quang Hồng; TS. Nguyễn Văn Đáng; ThS. Đậu Anh Tuấn; TS. Phan Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Phạm Cao Quý; TS. Lưu Hương Ly; ThS. Nguyễn Sơn Hải; ThS. Đào Ánh Tuyết; ThS. Hoàng Quỳnh Hoa; ThS. Nguyễn Phương Anh; ThS. Phạm Minh Đức; ThS. Hoàng Tuấn Anh - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về kinh tế ban đêm (KTBD) ở Việt Nam. Nghiên cứu hình thành những vấn đề lý luận về KTBD, vai trò của KTBD đối với nền kinh tế; Nghiên cứu những vấn đề lý luận về chính sách và pháp luật về KTBD ở Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm về phát triển KTBD ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho sự phát triển KTBD ở Việt Nam; Đánh giá thực trạng chính sách và pháp luật Việt Nam hiện hành với mục tiêu khuyến khích phát triển và quản lý hiệu quả KTBD ở Việt Nam; Đưa ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách và pháp luật về KTBD ở Việt Nam trong thời gian tới;

Số hồ sơ lưu: 22085

88152. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng pháp luật về bảo vệ môi trường sửa đổi về quy định trách nhiệm, quyền hạn, yêu cầu năng lực của bộ phận kỹ thuật môi trường trong doanh nghiệp/** ThS.

Phạm Ánh Huyền, TS. Đặng Trung Tú; TS. Dương Thanh An; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Đào Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; ThS. Phan Thị Thu Hương; ThS. Lương Thị Thuỳ Linh; ThS. Nguyễn Hữu Đạt; ThS. Dương Thị Minh Thúy; ThS. Trần Thị Thảo Hương - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn về trách nhiệm, quyền hạn, yêu cầu năng lực của cán bộ chuyên môn, bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế. Tìm hiểu thực trạng và yêu cầu hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm, quyền hạn, yêu cầu năng lực đối với nhân sự phụ trách bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế. Từ đó, đề xuất nội dung quy định trách nhiệm, quyền hạn, yêu cầu năng lực của cán bộ chuyên môn, bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 21774

88179. 09-2023 **Chế độ hưu trí theo Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 ở Việt Nam hiện nay và những đề xuất hoàn thiện/** Đỗ Ngọc Thọ, ThS. Hà Thị Hiền; ThS. Bùi Thị Lan Hương; ThS. Mai Quốc Thắng; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; CN. Tạ Ngọc Hà; ThS. Lưu Quỳnh Anh; ThS. Lý Hoàng Minh; CN.

Nguyễn Thị Hồng Hà; CN. Sái Thị Thu Hà - Hà Nội - Ban Thực hiện chính sách BHXH, 2023; 09/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống, phân tích các quy định về chế độ hưu trí theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; kết hợp nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và bài học rút ra cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng chế độ hưu trí theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 qua việc tổ chức thực hiện; chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về chế độ hưu trí ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21712

88199. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp bảo vệ bản quyền nội dung của Đài Tiếng nói Việt Nam./** ThS. Nguyễn Kha Thoa, CN. Nguyễn Thị Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Tạ Ngọc Tuyên; CN. Nguyễn Văn Hóa; CN. Phạm Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thị Hồng Minh; CN. Lê Thị Quỳnh Chi; CN. Phan Thị Hiền; ThS. Lương Thị Minh Phương - Hà Nội - Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông (VOVAMS), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về bản quyền nội dung. Khảo sát và đánh giá thực trạng công tác bảo vệ bản quyền nội dung (phát thanh, truyền hình, báo điện tử) của Đài Tiếng nói Việt Nam. Đề xuất các giải pháp bảo vệ bản quyền nội dung của Đài Tiếng nói Việt Nam bằng các quy chế, quy định, ứng dụng các

giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ bản quyền.

Số hồ sơ lưu: 21739

88216. 09-2023 **Nghiên cứu và xây dựng hệ thống giải pháp hỗ trợ công tác đấu tranh chống hàng giả, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trong thương mại điện tử tại Việt Nam/CN.** Lê Thị Việt Hà, CN. Nguyễn Trà My; ThS. Vũ Minh Giang; CN. Đỗ Đình Tấn; KS. Đỗ Trọng Vinh; ThS. Đặng Thanh Tùng; CN. Nguyễn Phương Thủy; CN. Hoàng Hà Phương; CN. Phạm Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Ngọc Tú; CN. Bùi Việt Anh; CN. Phạm Thanh Hương; CN. Nguyễn Văn Hải; ThS. Trần Bích Ngọc; CN. Nguyễn Diệu Hương; CN. Trần Thu Hiền; ThS. Võ Xuân Nam; ThS. Nguyễn Việt Hưng; CN. Phạm Thị Uyên; CN. Lê Trung Dũng; CN. Lê Chí Mạnh - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, 2022; 04/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tình hình phát triển thương mại điện tử và các hành vi vi phạm phổ biến liên quan đến hàng giả, hàng cấm, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng tại Việt Nam. Tìm hiểu kinh nghiệm quản lý hoạt động thương mại điện tử, đấu tranh chống hàng giả, hàng cấm, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng của các nước trên thế giới. Qua đó, nghiên cứu, đề xuất giải pháp phần mềm thí điểm tìm kiếm, thu thập, phân tích, phát hiện các

mặt hàng có dấu hiệu hàng giả, hàng cấm, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các website thương mại điện tử tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21676

50601. Khoa học chính trị

88012. 09-2023 **Vai trò của Bộ đội Biên phòng trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới - Thực trạng và giải pháp/PGS. TS. Nguyễn Văn Báo, TS. Nguyễn Văn Toàn; PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng; CN. Nguyễn Anh Tuấn; PGS.TS. Tạ Việt Hùng; PGS.TS. Lê Trọng Tuyền; TS. Hoàng Mạnh Hưng; PGS.TS. Trần Hậu Tân; TS. Nguyễn Xuân Đại; ThS. Hoàng Chung Hiếu - Hà Nội - Học viện Chính trị, 2023; 03/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)**

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của Bộ đội biên phòng trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới nước ta; Thực trạng vai trò của Bộ đội biên phòng trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới. Luận giải các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến vai trò của Bộ đội biên phòng trong thực hiện công tác này; Đánh giá các cơ chế, chính sách, giải pháp đối với thực hiện vai trò của Bộ đội biên phòng trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới từ năm 2011 đến nay; Xác định các yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên

địa bàn các tỉnh biên giới và quan điểm, yêu cầu phát huy vai trò của Bộ đội biên phòng trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới đến năm 2030; Đề xuất giải pháp phát huy vai trò của Bộ đội biên phòng trong tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 22513

88609. 09-2023 **Quyền lực mềm của Saudi Arabia và Iran trong khu vực Trung Đông và gợi ý chính sách cho Việt Nam.**/ TS. Trần Thuỳ Phương, ThS. Hồ Diệu Huyền; TS. Nghiêm Tuấn Hùng; ThS. Trần Anh Đức; TS. Trần Mai Trang; TS. Lê Quang Thắng; ThS. Trịnh Thị Lan Anh; ThS. Bùi Ngọc Tú; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở để xây dựng quyền lực mềm của Saudi Arabia và Iran trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay. Phân tích việc xây dựng và quá trình triển khai quyền lực mềm của Saudi Arabia và Iran, trong nội dung tôn giáo và văn hoá, nhằm cạnh tranh ảnh hưởng với các nước trong khu vực Trung Đông; từ đó đánh giá thành công, hạn chế, so sánh. Từ nghiên cứu trên, gợi ý cho Việt Nam ở hai khía cạnh: một là gợi ý chính sách cho Việt Nam trong việc xây dựng và thực thi quyền lực mềm; hai là gợi ý chính sách cho

Việt Nam trong quan hệ hợp tác với Saudi Arabia và Iran.

Số hồ sơ lưu: 21766

88616. 09-2023 **Cơ sở lý luận và thực tiễn về cục diện thế giới**/ PGS. TS. Phạm Thái Quốc, TS. Nghiêm Tuấn Hùng; TS. Đặng Hoàng Hà; TS. Bùi Khắc Linh; ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh; ThS. Võ Hải Minh; ThS. Lê Thị Thu Hương; TS. Trần Thu Minh; TS. Vũ Văn Anh; PGS.TS. Hoàng Hải Hà; Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 11/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu các quan niệm về cục diện thế giới. Tìm hiểu mối liên hệ giữa cục diện thế giới và trật tự thế giới. Qua đó, đánh giá định lượng về cục diện thế giới và phân tích rõ cục diện thế giới, sự thay đổi cục diện trong các giai đoạn lịch sử, tác động của cục diện thế giới đến các quốc gia và chủ thể khác và đến điều chỉnh chiến lược của các quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 21779

88663. 09-2023 **Một số nội dung mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng**/ TS. Nguyễn Đình Hòa, TS. Trịnh Thị Hằng; PGS.TS. Đặng Hữu Toàn; TS. Vũ Thị Kiều Phương; PGS.TS. Lê Thị Thanh Hà; ThS. Phương Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh - Hà Nội -

Viện Triết học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích mô hình tổng quát và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Phân tích con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Luận giải một số nội dung cần bổ sung về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Luận giải những nội dung mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Số hồ sơ lưu: 22067

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

87854. 09-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về xác định tỷ lệ nội địa hóa đối với ô tô và mức độ rời rạc của các linh kiện ô tô nhập khẩu để đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý/** ThS. Chu Hoàng Đức Anh, ThS. Nguyễn Thị Tố Lan; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp; ThS. Nguyễn Gia Lượng; ThS. Nguyễn Thị Bích Thảo; ThS. Đào Duy Nghĩa; ThS. Nguyễn Văn Hùng; Nghiêm Thanh Hải; ThS. Nguyễn Quang Huy - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 11/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, rà soát các quy định, tài liệu liên quan đến phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hóa đối với ô tô và mức độ rời rạc của các linh kiện ô tô nhập khẩu. Các chính sách về phát triển ngành công nghiệp

ô tô, công nghiệp hỗ trợ. Chiến lược về phát triển ngành công nghiệp ô tô, công nghiệp hỗ trợ. Nghiên cứu mối quan hệ tác động của quy định về mức độ rời rạc của linh kiện ô tô nhập khẩu với các chính sách thuế và ưu đãi đầu tư. Kinh nghiệm quốc tế về phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hóa đối với ô tô và mức độ rời rạc của các linh kiện ô tô nhập khẩu của một số nước trên thế giới. Mối liên hệ giữa mức độ rời rạc của linh kiện ô tô nhập khẩu với chính sách thuế và ưu đãi đầu tư. Thực tiễn phát triển công nghệ sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước và trên thế giới hiện nay để xác định sự cần thiết và phương pháp quản lý đối với tỷ lệ nội địa hóa đối với ô tô và mức độ rời rạc của các linh kiện ô tô nhập khẩu.

Số hồ sơ lưu: 22475

88526. 09-2023 **Nghiên cứu mô hình quản lý dịch vụ tin cậy (trust service) và đề xuất các nội dung quản lý cho Việt Nam/** ThS. Phạm Quốc Hoàn, ThS. Nguyễn Thị Mai; KS. Phạm Xuân Trường; ThS. Nguyễn Hữu Chung; KS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Lê Quang Tú; ThS. Mai Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Ngân - Hà Nội - Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khẳng định vai trò tiếp nối quan trọng của dịch vụ chứng thực chữ ký số trong việc thúc đẩy phát triển giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đưa ra quy định về dịch vụ tin cậy áp dụng rộng rãi trong các giao dịch điện tử

vẫn là mục tiêu quan trọng. Triển khai áp dụng dịch vụ tin cậy rộng rãi sẽ cung cấp sự tin tưởng cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của dịch vụ số của tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

Số hồ sơ lưu: 22104

88626. 09-2023 **Nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm Blockchain trong quản lý văn bản, chứng chỉ cơ quan nhà nước**/ TS. Ngô Quốc Dũng, KS. Trần Minh Hiếu; TS. Nguyễn Huy Trung; TS. Ngô Đức Thiện; ThS. Bùi Thị Hồng Huệ; ThS. Đặng Văn Tùng; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; KS. Lê Văn Quang; GS.TS. Từ Minh Phương; ThS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, khảo sát quy trình cấp phát, thu hồi và xác minh văn bản, chứng chỉ cơ quan nhà nước. Nghiên cứu xây dựng hệ thống số hóa chứng chỉ và cung cấp cách thức xác minh chứng chỉ số phi tập trung, không cần thông qua nơi cấp. Phân tích, thiết kế hệ thống quản lý văn bản chứng chỉ nhà nước bằng Blockchain. Xây dựng (thử nghiệm hệ thống quản lý văn bản, chứng chỉ nhà nước bằng Blockchain. Thử nghiệm ứng dụng tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Số hồ sơ lưu: 21795

88650. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực,**

hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông ở địa phương/ ThS. Hoàng Anh, ThS. Phạm Minh Tiến Vũ Minh Hải; Trần Thị Như Hoa - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2022; 03/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn tại địa phương. Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông ở địa phương. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông ở địa phương.

Số hồ sơ lưu: 21709

88651. 09-2023 **Nghiên cứu, xác định các cơ sở khoa học để định hướng mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới**/ ThS. Vũ Thị Là, Phạm Hồng Yến; Lê Doãn Hoàn; Bùi Văn Nam - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá tổng quan về thực trạng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của Bộ Thông tin và Truyền thông, đánh giá thực trạng mô hình tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông. Nghiên cứu cơ sở khoa học (cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn) để đề xuất mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông cho phù hợp. Qua đó, đề xuất mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông

tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: 21727

88656. 09-2023 **Báo cáo thường niên xã hội học 2022: Biến đổi cơ cấu việc làm ở Việt Nam trong bối cảnh Covid-19/** TS. Phạm Ngọc Tân, TS. Trương Xuân Trường; TS. Đoàn Kim Thắng; TS. Hoàng Vũ Linh Chi; ThS. Vũ Hoàng Lan; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Trần Việt Long; ThS. Lê Quang Ngọc - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở phân tích thực trạng biến đổi cơ cấu việc làm giai đoạn 2019-2021 ở Việt Nam trong bối cảnh Covid-19, đề tài sẽ nhận diện và lý giải một số vấn đề đặt ra ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Phân tích thực trạng biến đổi cơ cấu việc làm giai đoạn 2019-2021 ở Việt Nam trong bối cảnh Covid-19; Xây dựng hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ học vấn cho lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và tăng khả năng ứng phó, linh hoạt trong bối cảnh khủng hoảng. Hoàn thiện hành lang pháp lý cho vấn đề trợ giúp xã hội để có thể huy động và tổ chức triển khai thực hiện linh hoạt, nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả hơn nữa mọi sự hỗ trợ cho người dân nói chung và lực lượng

lao động nói riêng trong những trường hợp khẩn cấp.

Số hồ sơ lưu: 22059

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

88618. 09-2023 **Xây dựng tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, ThS. Lê Hiền Anh; ThS. Nguyễn Quỳnh Giao; TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Linh; TS. Nguyễn Xuân Phương; ThS. Tạ Thị Minh Phú; ThS. Phạm Thị Minh Thủy; TS. Nguyễn Hải Yến - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Xây dựng tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội - Thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra. Qua đó đưa ra các phương hướng và giải pháp tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 21782

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

87757. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý để phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận trong bối cảnh thay**

đổi của thượng nguồn sông Mê Kông và biến đổi khí hậu/ PGS. TS. Nguyễn Thanh Hải, GS.TS. Tăng Đức Thắng; TS. Tô Quang Toàn; ThS. Nguyễn Văn Hoạt; ThS. Trần Hoài Giang; ThS. Phạm Thế Vinh; ThS. Đào Việt Hưng; TS. Nguyễn Trọng Uyên; ThS. Dương Thị Thùy Dung; ThS. Phạm Ngọc Hải - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2023; 02/2019 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng, diễn biến nguồn nước (dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, phù sa, chất lượng nước) đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận; Tác động của các phát triển nguồn nước Mê Kông và biến đổi khí hậu tới nguồn nước trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận; Đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý để phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận trong bối cảnh thay đổi của thượng nguồn sông Mê Kông và biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 22479

87770. 09-2023 Nghiên cứu đề xuất khung chính sách chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ tiếp cận sinh thái xã hội/ TS. Trần Thị Tuyết, TS. Phạm Thị Trâm; TS. Nguyễn Song Tùng; TS. Trần Ngọc Ngoạn; TS. Đào Hoàng Tuấn; ThS. Lê Hồng Ngọc; ThS. Lê Thu Quỳnh; TS. Võ Thị Minh Lệ; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Hà Huy Ngọc - Hà Nội - Viện Địa lí

nhân văn, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách nhằm chủ động thích ứng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái xã hội. Làm rõ đặc điểm và các biểu hiện, tác động của biến đổi khí hậu đến vùng sinh thái xã hội Đồng bằng sông Cửu Long. Thực trạng chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng sinh thái - xã hội Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất giải pháp nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu cho các vùng sinh thái xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo quan điểm Nghị quyết 120/NQ-CP. Xây dựng khung chính sách chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với vùng sinh thái - xã hội Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 22478

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

88153. 09-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất các công cụ hỗ trợ phân tích đánh đổi phục vụ phân bổ nguồn lực đất đai trong quy hoạch vùng./ ThS. Tô Ngọc Vũ, ThS. Nguyễn Thị Lý; ThS. Phạm Thị Minh Thủy; TS. Lại Văn Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh; TS. Hoàng Hồng Hạnh; ThS. Đinh Thu Trang; TS. Chu Thị Quỳnh Diệp; TS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Đào Đình Đức - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về sử dụng các công cụ hỗ trợ phân tích đánh đổi phục vụ quá trình phân bổ nguồn lực đất đai trong quy hoạch vùng. Đề xuất công cụ phù hợp để hỗ trợ phân tích đánh đổi phục vụ phân bổ nguồn lực đất đai trong quy hoạch vùng. Đồng thời, qua đó đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách theo hướng điều tiết, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai trong quy hoạch vùng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21772

88570. 09-2023 Nghiên cứu rà soát, cập nhật Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam (Phiên bản 1.0) phù hợp xu thế chuyển đổi số/ ThS. Bùi Thị Vân Anh, TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Đỗ Mạnh Hùng; ThS. Lê Huyền Trang; CN. Lê Thị Hà - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá kết quả áp dụng Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam (Phiên bản 1.0), cập nhật tình hình chuẩn hóa các chỉ số đô thị thông minh của các tổ chức tiêu chuẩn hóa lớn trên thế giới và một số quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Rà soát, cập nhật Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam (Phiên bản 1.0) phù hợp xu thế chuyển đổi số và hướng dẫn áp dụng. Tiến hành tóm tắt kết quả đạt được của đề tài và khuyến nghị áp dụng trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: 21687

88601. 09-2023 Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ tích hợp đánh giá

tài nguyên nước và đất phục vụ quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Nguyễn Ngọc Hà, ThS. Thân Văn Đón; TS. Vũ Thanh Tâm; ThS. Phạm Thị Thu Hiền; ThS. Hồ Văn Thủy; TS. Hoàng Thị Nguyệt Minh; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Đào Trọng Tú; ThS. Nguyễn Mạnh Trình; ThS. Khúc Thị Ngọc - Hà Nội - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, 2022; 11/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan các phương pháp, công cụ tích hợp đánh giá tài nguyên nước và đất. Tiến hành triển khai xây dựng bộ công cụ (cơ sở dữ liệu GIS, bộ công cụ mô hình toán) tích hợp đánh giá tài nguyên nước và đất phục vụ quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long. Qua đó nêu ra định hướng, giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất phục vụ quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 21752

50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải

88624. 09-2023 Hạ tầng giao thông phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Đình Hòa, ThS. Trần Văn Hoàng; TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Ma Ngọc Nga; TS. Trần Mai Trang; TS. Đặng Thái Bình; TS. Phí Vĩnh Tường; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Vũ Thị Chanh; TS. Phạm Văn Hiếu - Hà

Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về hạ tầng giao thông phục vụ phát triển bền vững, các nhân tố ảnh hưởng và các tiêu chí đánh giá hạ tầng giao thông phục vụ phát triển bền vững. Tìm hiểu thực trạng hạ tầng giao thông phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam: phân tích, đánh giá thực trạng phát triển hạ tầng giao thông; các kết quả của phát triển hạ tầng giao thông đối với phát triển bền vững ở Việt Nam và luận giải các nguyên nhân từ góc nhìn về phía cung và cầu đối với hạ tầng giao thông. Qua đó, đưa ra các giải pháp phát triển hạ tầng giao thông phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21792

50801. Báo chí

88151. 09-2023 **Xây dựng cấu trúc nội dung Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam điện tử/** TS. Vũ Thị Sao Chi, ThS. Phương Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; ThS. Võ Thị Ngọc Oanh; CN. Trần Thị Thanh; ThS. Đào Thị Mai Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy; CN. Lê Thị Nguyệt Minh; CN. Triệu Tuyết Hạnh - Hà Nội - Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tế để định hướng cho việc xây dựng cấu trúc nội dung Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam điện tử, bao gồm: những tri thức khái quát về tạp chí khoa học, tạp chí khoa học điện tử

và những thông tin chung về Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. Trên cơ sở đó xác định tính chất nội dung và các phần nội dung chính yếu của Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam điện tử. Thiết lập cấu trúc nội dung Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam điện tử với các phần, mục được tổ chức theo tầng bậc lớn - nhỏ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam trong giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: 21765

88203. 09-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống dữ liệu báo chí mở cung cấp trên các nền tảng số của VTCNews/** CN. Ngô Văn Hải, Nguyễn Đức Thắng; Nguyễn Thị Hằng; Trần Thị Lan Hương; Trịnh Quang Dương; Lê Thị Thanh Tân; Tạ Vũ Hiệp; Nguyễn Thị Thu Tuyền; Lê Hoàng Linh; Đào Ngọc Lân - Hà Nội - Báo Điện tử VTCNews, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận việc xây dựng hệ thống dữ liệu báo chí mở cung cấp trên các nền tảng số của VTCNews. Tìm hiểu thực trạng ứng dụng hệ thống dữ liệu mở. Qua đó, xây dựng hệ thống dữ liệu báo chí mở dành cho các nền tảng số của Báo điện tử VTC News.

Số hồ sơ lưu: 21715

88210. 09-2023 **Nghiên cứu và xây dựng bộ quy trình sản xuất nội dung các loại hình báo chí của Đài TNVN/** ThS. Đồng Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Nguyễn Hữu Hải; CN. Nguyễn Thị

Gám; CN. Nguyễn Thị Hương Lan; CN. Nguyễn Quang Thành; CN. Nguyễn Thị Ánh Phương; CN. Nguyễn Thị Minh Trang; CN. Nguyễn Thu Thủy; CN. Trương Hoài Thương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về quy trình sản xuất nội dung báo chí. Tiến hành đánh giá thực trạng về quy trình sản xuất nội dung của các loại hình báo chí của Đài Tiếng nói Việt Nam thông qua kết quả khảo sát một số đơn vị biên tập đặc thù của Đài Tiếng nói Việt Nam và đánh giá thực trạng quy trình sản xuất nội dung của các đơn vị thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam hiện nay, đồng thời khảo sát mô hình sản xuất tại một số cơ quan báo chí trong và ngoài nước, rút ra bài học kinh nghiệm để áp dụng cho Đài Tiếng nói Việt Nam. Từ đó, đề xuất bộ quy trình sản xuất nội dung các loại hình báo chí của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21670

50803. Khoa học thư viện

88579. 09-2023 **Biên soạn Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam (giai đoạn 2)**/ TS. Đặng Thị Phương, ThS. Hoàng Thị Hoa Mai; TS. Lại Thị Tố Quyên; ThS. Nguyễn Trà My; TS. Phan Thị Thanh Tâm; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; ThS. Vũ Thị Phương Thảo; ThS. Lê Thanh Hà ; ThS. Bùi Thanh Phương; ThS. Nguyễn Phúc Thiện; ThS. Trịnh Thị Ly; TS. Nguyễn Thị Thanh Nga; TS.

Phạm Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn của việc biên soạn Từ điển bách khoa hành chính làm cơ sở cho việc biên soạn Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam. Tìm hiểu về cấu trúc của Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam. Trên cơ sở đó xây dựng nguyên tắc, thể lệ, tiêu chí của Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam. Tiến hành nghiên cứu Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam qua bảng mục từ và bản thảo. Qua đó đưa ra những đề xuất phù hợp nhất cho việc biên soạn Từ điển.

Số hồ sơ lưu: 21711

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội

87771. 09-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản tại Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông/** Ngô Thị Mỹ Hạnh, Trần Chí Đạt; Nguyễn Tiến Phát; Nguyễn Long Biên; Lê Đắc Quang; Lê Hà Vĩnh; Trương Minh Đức - Hà Nội - Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng và yêu cầu phải chuyển đổi số đối với hoạt động xuất bản; Đánh giá thực trạng, yêu cầu và điều kiện để thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản từ tình hình thực tế tại NXB Thông tin và Truyền thông; Đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong hoạt

động xuất bản và ứng dụng tại NXB Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 22482

88204. 09-2023 **Đổi mới thông tin đối ngoại để nâng cao hình ảnh và giá trị Việt Nam trên thế giới/** CN. Nguyễn Thị Thu Hoa, CN. Nguyễn Hồng Vân; CN. Đỗ Thái Hùng; CN. Vũ Thị Ánh Huyền; CN. Phan Bá Thi; ThS. Lê Mai Phương; CN. Nguyễn Thúy Hà; CN. Chu Mỹ Bình; CN. Hà Thị Bích Ngọc; CN. Nguyễn Thị Đoàn Trang - Hà Nội - Ban Đối ngoại (VOV5), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về thông tin đối ngoại quảng bá hình ảnh và giá trị quốc gia. khảo sát và đánh giá thực trạng thông tin quảng bá hình ảnh và giá trị Việt Nam trên sóng phát thanh đối ngoại, đài tiếng nói Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp đổi mới thông tin quảng bá hình ảnh và giá trị Việt Nam trên sóng phát thanh đối ngoại, Đài tiếng nói Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21681

88206. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp sản xuất và phân phối hiệu quả thông tin thời sự trên nền tảng số/** ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng, Hoàng Văn Ân; Nguyễn Thị Hằng Nga; Nguyễn Quỳnh Hoa; Trần Thị Phương Anh; Phạm Văn An; Nguyễn Thị Bích Ngọc; Nguyễn Văn Kiên; Đỗ Thị Hoài; Chu Mỹ Bình - Hà Nội - Ban Thời sự (VOV1), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của sản xuất và phân phối thông tin trên nền tảng số. Tìm hiểu thực trạng sản xuất và phân phối thông tin trên nền tảng số của Ban Thời sự - Đài tiếng nói Việt Nam. Qua đó đưa ra các giải pháp đổi mới việc sản xuất và phân phối hiệu quả thông tin thời sự trên nền tảng số.

Số hồ sơ lưu: 21685

88209. 09-2023 **Nghiên cứu ứng dụng máy học (ML) và học sâu (DL) cho việc tổng hợp các giọng đọc của Đài Tiếng nói Việt Nam/** ThS. Nguyễn Năng Khang, ThS. Dương Thị Minh Hằng; ThS. Lê Đức Thọ; ThS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Đặng Hữu Thuận; ThS. Trần Thị Bích Hằng; ThS. Đỗ Quốc Bảo; ThS. Nguyễn Thị Thùy Hương; ThS. Phạm Văn Toàn; ThS. Đỗ Hồng An - Hà Nội - Trung tâm Sản xuất và Lưu trữ chương trình, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng cơ sở dữ liệu các giọng đọc của các phát thanh viên. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng ứng dụng chuyển đổi từ văn bản sang giọng nói sử dụng cơ sở dữ liệu là giọng đọc của phát thanh viên hỗ trợ cho quá trình sản xuất chương trình tại Đài TNVN. Tiến hành thử nghiệm và đánh giá mô hình chuyển đổi văn bản thành giọng nói. Qua đó xây dựng quy trình triển khai.

Số hồ sơ lưu: 21669

88588. 09-2023 **Nghiên cứu giải pháp truyền thông online trong công tác tuyên truyền, phổ biến và**

giáo dục pháp luật về an toàn giao thông cho người dân: Trường hợp nghiên cứu tại thành phố Hà Nội/ TS. Vũ Thị Hải Anh, TS. Đỗ Thị Hồng Vân; TS. Hoàng Thị Hồng Lê; TS. Nguyễn Việt Thắng; TS. Nguyễn Hùng Cường; TS. Đỗ Quang Hưng; ThS. Nguyễn Thị Nga; Nguyễn Giao Linh; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; Nguyễn Tuấn Hoàng - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài để tìm ra khoảng trống cần nghiên cứu. Kết hợp với Kinh nghiệm trong và ngoài nước về sử dụng công cụ truyền thông online trong công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, đồng thời phân tích đánh giá thực trạng công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hiện nay. Để từ đó đề xuất nội dung, chương trình tuyên truyền sử dụng các công cụ (App, website, youtube chanel, SEO/SEM, mạng xã hội, diễn đàn, blog, các trang tin...), nền tảng (google, facebook, zalo, lotus...) cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn giao thông giai đoạn 2021 – 2030 và thực nghiệm các công cụ và nền tảng truyền thông online trong công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 21736

6. Khoa học nhân văn

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

88649. 09-2023 **Phạm Nguyễn Du: Khảo dịch và nghiên cứu/** TS. Phạm Văn Ánh, ThS. Quách Thị Thu Hiền; PGS.TS. Vũ Thanh; TS. Nguyễn Đức Mậu; TS. Phạm Thị Ngọc Lan; ThS. Mai Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Viện Văn học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành sưu tập một cách triệt để nhất các tác phẩm của Phạm Nguyễn Du. Đồng thời, tiến hành mô tả, khảo cứu, giám định văn bản tác phẩm của Phạm Nguyễn Du. Trên cơ sở đó, tiến hành phân loại sáng tác, trước tác theo các nội dung, thể loại; từ đó đem đến hình dung bao quát về sự nghiệp trước tác, sáng tác của Phạm Nguyễn Du. Nghiên cứu, lựa chọn và tiến hành dịch mới một số tác phẩm tiêu biểu của Phạm Nguyễn Du. Thực hiện các chuyên đề nghiên cứu tổng thể và cụ thể về văn bản, tác giả, tác phẩm của Phạm Nguyễn Du.

Số hồ sơ lưu: 21689

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ

88608. 09-2023 **Biên soạn Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học/** TS. Hoàng Thị Nhung, TS. Phạm Anh Tú; TS. Nguyễn Thị Huyền; TS. Trương Thị Thu Hà; ThS. Hà Thị Quế Hương; ThS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; ThS. Phạm Thị Phượng; ThS. Trương Quỳnh Anh; ThS. Trịnh Thị Ly - Hà

Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu biên soạn một cuốn Từ điển giải thích tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học phù hợp về tâm lí nhận thức và tâm lí tình cảm với lứa tuổi tiểu học. Cuốn Từ điển gồm Bản nguyên tắc, thể lệ biên soạn và 4000 mục từ. Cấu trúc các mục từ gồm phần định nghĩa, ví dụ, có thể có hình minh họa. Phần định nghĩa được áp dụng phương pháp truyền thống và hiện đại. Phần ví dụ gồm có hai loại: ví dụ tự đặt và ví dụ trích dẫn nguyên văn từ sách giáo khoa, từ tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi, có chú nguồn. Hình minh họa là hình vẽ, nội dung thể hiện thế giới xung quanh trẻ em, dưới con mắt của trẻ em.

Số hồ sơ lưu: 21760

60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung

88525. 09-2023 **Văn học Việt Nam hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ TS. Lê Thị Hương Thủy, ThS. Trịnh Đăng Nguyên Hương; PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp; TS. Đỗ Hải Ninh; ThS. Đặng Thị Thái Hà; TS. Trần Thiện Khanh; TS. Đỗ Thị Thu Huyền; ThS. Vũ Thị Thanh Loan - Hà Nội - Viện Văn học, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu văn học Việt Nam đầu thế kỷ XXI trong bước chuyển của đời sống xã hội và đời sống văn học, những tác động dẫn đến sự thay đổi và những biểu hiện của đời sống văn

học chặng đường này. Tìm hiểu đời sống văn học Việt Nam đầu thế kỷ XXI - giai đoạn văn học có những thay đổi mạnh mẽ chịu sự chi phối của đời sống văn hóa xã hội trong bối cảnh mới. Làm rõ các vấn đề: sự phát triển của internet; sự chi phối của đời sống kinh tế thị trường; sự mở rộng giao lưu văn hóa thế giới trong thời đại toàn cầu hóa và những tác động đến đời sống sáng tác và tiếp nhận văn học. Nghiên cứu văn học hai thập niên gần đây (từ năm 2000 đến nay) để thấy được các xu hướng vận động của đời sống văn học, đời sống thể loại văn học, những sắc thái thể hệ, những đặc điểm của chủ thể nhà văn.

Số hồ sơ lưu: 22106

88576. 09-2023 **Tự sự học hậu kinh điển trong xu hướng nghiên cứu liên ngành: Lý thuyết và thực tiễn (Giai đoạn I)**/ TS. Cao Kim Lan, ThS. Lê Quốc Hiếu; TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Lê Thị Dương; TS. Nguyễn Mạnh Tiến; TS. Trần Thiện Khanh; TS. Ngô Việt Hoàn - Hà Nội - Viện Văn học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về tự sự học hậu kinh điển trên thế giới với các nội dung: đặc điểm, phương pháp tiếp cận, tiềm năng của phương pháp này. Giai đoạn 1 sẽ tập trung vào việc giới thiệu một số khuynh hướng tự sự học hậu kinh điển cụ thể như : tự sự học tu từ , tự sự học đa phương tiện, tự sự nhân học văn hóa , tự sự học phê bình sinh thái và tự sự xã hội học . Trên cơ sở những tri thức lý thuyết được tổng hợp và nghiên cứu, sẽ khảo sát và phân tích một số

hiện tượng tiêu biểu của Việt Nam nhằm minh chứng cho một khuynh hướng nghiên cứu hậu kinh điển (nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành) nhiều tiềm năng hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21698

88587. 09-2023 Từ điển bách khoa tác giả và tác phẩm văn học quốc ngữ Nam Bộ/ TS. Trần Văn Trọng, ThS. Nguyễn Thủy Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hảo; ThS. Hoàng Thắng; ThS. Trần Thị Phương; ThS. Bùi Phương Linh; TS. Trần Thị Hương; ThS. An Quang Thắng; ThS. Bùi Thanh Dũng; TS. Phạm Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước và ở nước ngoài về văn học quốc ngữ Nam Bộ nói chung và về tác giả, tác phẩm văn học nói riêng. Xây dựng tiêu chí lựa chọn mục từ; cấu trúc vi mô của mục từ tác giả, tác phẩm văn học quốc ngữ Nam Bộ. Từ đó, lập bảng mục từ; biên soạn mục từ mẫu; biên soạn hoàn chỉnh bản thảo từ điển bách khoa tác giả và tác phẩm văn học quốc ngữ Nam Bộ bao gồm khoảng 220 mục từ để có thể in ấn, xuất bản.

Số hồ sơ lưu: 21735

60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam

88572. 09-2023 Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ trung đại đến hiện đại/ Phần 1: Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam thời trung đại/ PGS. TS.

Nguyễn Đăng Điệp, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Đoàn Ánh Dương; TS. Đỗ Hải Ninh; PGS.TS. Vũ Thanh; TS. Trần Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Thị Hoài Phương - Hà Nội - Viện Văn học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ nội hàm, đặc trưng của tiểu thuyết lịch sử như một loại hình diễn ngôn nghệ thuật. Tái hiện, phân tích sự phát triển của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trung đại tương ứng với hệ hình văn học trung đại. Đánh giá thành tựu và hạn chế của tiểu thuyết lịch sử trung đại Việt Nam. Qua đó, đề xuất kiến nghị giải pháp phát triển tiểu thuyết lịch sử ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21690

88603. 09-2023 Từ điển bách khoa thần thoại Việt Nam/ TS. Nguyễn Huy Bình, ThS. Đinh Thị Oanh; ThS. Lưu Thị Liên; ThS. Bùi Thị Tiến; ThS. Nguyễn Như Trang; ThS. Trương Quỳnh Anh; ThS. Hoàng Thị Thêm; ThS. Cung Thu Hằng; ThS. Trịnh Thị Ly - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu biên soạn mục từ về khái niệm, thuật ngữ thần thoại học; mục từ về tác phẩm thần thoại Việt Nam; mục từ về nhân vật thần thoại trong thần thoại Việt Nam; mục từ về công trình sưu tầm, biên soạn và nghiên cứu thần thoại Việt Nam. Từ đó đề ra mục từ về biểu tượng trong thần thoại Việt Nam; biên soạn một số nghi lễ tiêu biểu liên quan đến thần thoại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21754

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

88469. 09-2023 **Ảnh hưởng của văn hóa đại chúng Nhật Bản, Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam hiện nay/** TS. Hạ Thị Lan Phi, TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; TS. Nguyễn Thị Thắm; TS. Phạm Hoàng Hưng; TS. Hoàng Minh Lợi; Nguyễn Thị Hồng Vân; Trần Thị Nhung; ThS. Trần Thị Kim Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Long - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát lý luận về văn hóa đại chúng và các cơ chế ảnh hưởng của nó đến giới trẻ. Nghiên cứu, khảo sát quá trình tiếp xúc, tiếp biến văn hóa Nhật Bản, Hàn Quốc trong giới trẻ Việt Nam hiện nay. Phân tích, đánh giá và so sánh ảnh hưởng của văn hóa đại chúng Nhật Bản, Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam. Đánh giá ảnh hưởng của văn hóa đại chúng Nhật Bản, Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam hiện nay. Từ thực trạng ảnh hưởng của văn hóa đại chúng Nhật Bản, Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam, chỉ ra những vấn đề tồn đọng trong giao lưu và tiếp biến văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22316

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

88164. 09-2023 **Nghiên cứu vấn đề văn bản học Hán Nôm của hệ thống văn bản tục lệ cải lương hương tục thí điểm/** TS. Đào

Phương Chi, PGS.TS. Vũ Duy Mền; TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; ThS. Ngô Thị Thanh Tâm; TS. Đinh Thị Thùy Hiền; ThS. Đào Phương Anh; TS. Nguyễn Kim Măng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2021; 02/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát văn bản tục lệ trên diện rộng, chỉ ra sự khác biệt của văn bản tục lệ cải lương thí điểm so với văn bản hương ước cổ và hương ước cải lương, chỉ ra những đặc điểm cho thấy đó chính là nhóm văn bản “bản lẻ” giữa hai nhóm văn bản còn lại; trên cơ sở đó, khẳng định việc cần bổ sung một loại văn bản tục lệ khác ngoài 3 loại văn bản tục lệ vẫn được giới nghiên cứu biết đến từ trước đến nay: tục lệ cải lương thí điểm. Tiến hành nghiên cứu một số tập tục làng xã được quy định trong các văn bản tục lệ giai đoạn cải lương thí điểm theo hướng nghiên cứu chuyên biệt như: Phong tục tang ma tại làng xã Bắc Kỳ; Phong tục khao vọng tại làng xã Bắc Kỳ; Phong tục tế tự tại làng xã Bắc Kỳ và dị tự trong văn bản tục lệ.

Số hồ sơ lưu: 21740

88652. 09-2023 **Thực hành nghi lễ của người Dao ở Hà Giang hiện nay/** PGS. TS. Phạm Văn Dương, TS. Chu Xuân Giao; TS. Vũ Thị Hà; TS. Vũ Thị Thanh Tâm; ThS. Trần Đức Tùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2022; 09/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu Vũ trụ luận

người Dao và mối liên hệ với thực hành nghi lễ. Tìm hiểu về thực hành nghi lễ trong gia đình và về thực hành nghi lễ cộng đồng. Trên cơ sở đó, góp phần làm rõ sự thay đổi về hình thức, ý nghĩa cũng như vai trò của các thực hành nghi lễ trong đời sống văn hoá và xã hội ở cộng đồng người Dao hiện nay. Ý nghĩa của nghiên cứu là cung cấp những hiểu biết cập nhật, đầy đủ về bức tranh đời sống nghi lễ của một tộc người thiểu số ở miền núi phía Bắc trong bối cảnh đương đại.

Số hồ sơ lưu: 21728

88655. 09-2023 **Nghiên cứu chùa Việt khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng từ đầu thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XXI/** TS. Lê Xuân Thông, TS. Trần Thị Thu Hiền; TS. Đinh Như Hoài; ThS. Ngô Đức Chí; ThS. Phan Thùy Giang; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Phạm Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Toan; ThS. Trần Thị Thái - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ quá trình hình thành, vận động phát triển của ngôi chùa Việt khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng trong lịch sử. Chỉ ra sự vận động của chùa Việt khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng theo thời gian; Xác định vị trí của chùa Việt khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng trong không gian; Chỉ ra dấu ấn của chùa Việt khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng trong đời sống xã hội. Xác lập cơ sở khoa học cho việc bảo tồn, phát huy giá trị chùa Việt

khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng trong hiện tại và tương lai.

Số hồ sơ lưu: 22056

60301. **Triết học**

87760. 09-2023 **Triết lý đạo đức của một số nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XV - XVI và giá trị hiện thời của nó/** PGS. TS. Nguyễn Thị Thọ, PGS.TS. Hoàng Thúc Lâm; PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình; PGS.TS. Lê Công Sự; TS. Bùi Thị Thủy; TS. Phạm Anh Hùng; TS. Nguyễn Thị Vân - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tư tưởng đạo đức, triết học đạo đức của một số nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XV-XVI như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm. So sánh sự thống nhất và khác biệt trong quan niệm đạo đức của họ. Nghiên cứu giá trị đạo đức hiện thời của tư tưởng đạo đức này để nhận thức những giá trị đạo đức truyền thống bền vững của người Việt Nam, cụ thể như chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần độc lập dân tộc, tính nhân nghĩa trong đối nhân xử thế, lý tưởng về một xã hội giàu có, quan niệm về thiên nhân hợp nhất (bảo vệ môi trường). Từ việc nghiên cứu làm sáng tỏ triết lý đạo đức của một số nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XV-XVI nhằm khẳng định những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp trong một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, đồng thời rút ra giá trị của nó trong xây dựng đạo đức chính trị,

đạo đức công vụ, đạo đức sinh thái ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22466

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

87654. 09-2023 **Xây dựng Nhãn hiệu tập thể “Miến đao sâm Bát Xát” cho sản phẩm miến đao sâm của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai/ Nguyễn Hoài Nam, CN. Nguyễn Thị Tần; CN. Nguyễn Quang Thắng; CN. Đỗ Trung Tiến - Công ty TNHH MTV sản xuất, thương mại và dịch vụ Hoa Ban - Công ty TNHH MTV sản xuất, thương mại và dịch vụ Hoa Ban, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể “Miến đao sâm Bát Xát” dùng cho sản phẩm miến đao sâm của huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai; Điều tra, khảo sát sản phẩm; Xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu; Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể “miến đao sâm Bát Xát”; Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể “Miến đao sâm Bát Xát”; Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu tập thể; Xây dựng văn bản và cơ chế quản lý Nhãn hiệu tập thể; Triển khai hỗ trợ hoạt động quản lý và sử dụng; Tổ chức hoạt động kiểm soát và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế; Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể; Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu cho nhãn hiệu tập thể; Tổ chức đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình quản lý và khai thác Nhãn hiệu

tập thể; Đánh giá thực trạng ngành hàng và xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm; Công bố nhãn hiệu.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-047

87655. 09-2023 **Xây dựng Nhãn hiệu tập thể “Vịt bầu Nghĩa Đô” cho sản phẩm vịt bầu của xã Nghĩa Đô huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai/ CN. Đỗ Trung Tiến, KS. Nguyễn Quang Thắng; Th.S. Nguyễn Thị Tần; CN. Nguyễn Hoài Nam - Công ty TNHH MTV sản xuất, thương mại và dịch vụ Hoa Ban - Công ty TNHH MTV sản xuất, thương mại và dịch vụ Hoa Ban, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể “vịt bầu Nghĩa Đô”, dùng cho sản phẩm; Điều tra, khảo sát sản phẩm; Xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu. Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể “vịt bầu Nghĩa Đô”; Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể “Vịt bầu Nghĩa Đô”; Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu tập thể; Xây dựng văn bản và cơ chế quản lý Nhãn hiệu tập thể “vịt bầu Nghĩa Đô”; Triển khai hỗ trợ hoạt động quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể vịt bầu Nghĩa Đô, tổ chức hoạt động kiểm soát và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế; Quảng bá và phát triển sản phẩm mang Nhãn hiệu tập thể: Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu cho nhãn hiệu tập thể, tổ chức đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình quản lý và khai thác Nhãn hiệu tập thể, đánh giá thực trạng ngành hàng và xây dựng

hệ thống tiêu thụ sản phẩm, công bố nhãn hiệu.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-048

60303. Đạo đức học

88613. 09-2023 **Niềm tin xã hội đối với đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc, ThS. Trịnh Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Thơm; TS. Trần Nguyệt Minh Thu; TS. Nguyễn Như Trang; ThS. Lê Quang Ngọc - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn về niềm tin xã hội và đạo

đức kinh doanh. Nhận diện thực trạng niềm tin xã hội đối với đạo đức kinh doanh, chỉ ra yếu tố tác động đến niềm tin xã hội đối với đạo đức kinh doanh. Trên cơ sở nhận diện thực trạng, yếu tố tác động, đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp nhằm nâng cao đạo đức kinh doanh tại Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21773

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*